

diễn đàn

F O R U M

XUÂN BÌNH THUẬT SỐ 159 / 02.2006 - ISSN 1164-2378



TUAN



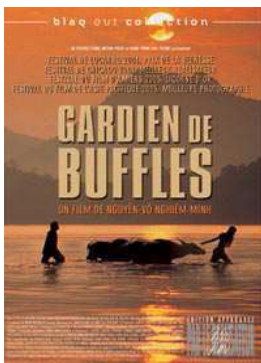
20 nuits et un jour de pluie

phim của Lê Lâm

sẽ chiếu tại Pháp từ ngày 8-2-06
1g25, kịch bản của Elizabeth D. và Lam
Lê, với các diễn viên Natalia Wörner và
Eric Nguyen.

Xem danh sách rạp và giờ chiếu :

www.rezofilms.com hay www.allocine.com



MÙA LEN TRÂU Le Gardien de buffles

Phim của NGUYỄN VÕ
NGHIÊM MINH

Giải thưởng ở các festival
Locarno, Chicago, Amiens,
Manaus, Châu Á Thái Bình
Dương (2004), đại diện phim Việt
Nam dự giải Oscar 2006

DVD của hãng BLAQ OUT

vừa phát hành (25 €)

http://80.65.232.160/~blaqout/site2/catalog/profile.php?movie_id=41

Phim màu, 1g42', nói tiếng Việt, phụ đề tiếng Pháp và tiếng Anh.
Có phần phỏng vấn của đạo diễn và người quay phim
Phóng tác từ *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam
Hình ảnh : Yves Cape ; *Âm nhạc* : Tôn Thất Tiết
Diễn viên chính : Lê Thế Lữ, Nguyễn Thị Kiều Trinh,
Nguyễn Hữu Thành, Kra Zan Sram.

Ngoài ra :

DVD phim *MÊ THẢO Thời vang bóng* của **Việt Linh**
(Ddvd0092) và *Những người thợ xẻ* của **Vương Đức**
(Ddvd0093) do Doriane-Films phát hành : có bán tại
các cửa hàng FNAC tại Pháp, hoặc qua mạng

www.doriane-films.com

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,
Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuần Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong
Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,
Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân,
Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

ách mới Sách mới Sách mới Sá



Thuận

Paris 11 tháng 8

tiểu thuyết, nhà xuất bản Đà Nẵng
(liên kết với nhà sách Kiến Thức),
2005, 288 trang, 40 000 đ.

Tiểu thuyết thứ ba của Thuận, sau
Made in Vietnam và *Chinatown*,

được gọi hứng từ trận nóng năm
2003 mà đỉnh điểm là ngày 11 tháng 8, đã giết chết gần mười
lăm ngàn người Pháp. Paris 11 tháng 8 vì vậy là niềm hồ thẹn
sâu kín của xã hội hậu-tư-bản viên mãn.

Đó còn là Paris của những số phận tha hương Việt Nam,
Cu Ba, Tiệp Khắc, Li Băng... Paris của hai nhân vật nữ, Mai
Lan và Liên, cùng tuổi, cùng gốc Hà Nội, nhưng một kiểu
diễm và một xấu xí, một cựu hoa hậu một cựu cán bộ công
đoàn, một dạn dĩ một nhút nhát, một khéo léo một vụng về,
một kiếm sống bằng tình dục một chưa nếm mùi tình yêu, một
lãng mạn một không tin vào phép lạ. Nhưng tiểu thuyết của
Thuận sẽ chẳng biến Mai Lan thành cô Kiều và cho Liên
thành Thị Nở.

Hai mươi hai chương miên man thực giả lẫn lộn, ngôn
ngôn Paris và Hà Nội, lời cuốn chúng ta bằng một vận tốc
chóng mặt, một cấu trúc hiện đại, một giọng điệu tinh tế,
duyên dáng, chua xót, hài hước.

Vừa thẹn thùng vừa khiêu khích, Paris 11 tháng 8 chạm
vào nỗi đau của nhân vật, của nhân loại.

Thuận hiện sống ở Paris, là một trong rất ít nhà văn nước
ngoài viết về xã hội Pháp đương đại.

Đoàn Cẩm Thi

Tin buồn

Được tin

Bà **Bửu Ý** (nhũ danh **Nguyễn Thị Lợi**)
đã từ trần tại Huế ngày 29.12.05 sau một cơn trọng
bệnh. Lễ tang đã cử hành ngày 3.1.06.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh Bửu
Ý và các cháu.

Được tin

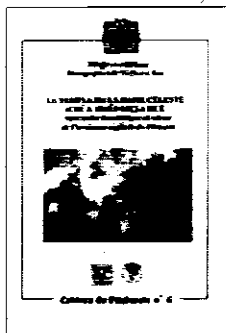
Ông **Bùi Trọng Lựu**

đã từ trần tại Hà Nội ngày 15.1.06, thọ 73 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị
Bùi Trọng Liễu và toàn thể gia đình.

[Ông **Bùi Trọng Lựu** sang Pháp du học từ năm 1950. Năm
1956, sau khi tốt nghiệp Học viện Bách khoa Grenoble, ông về
nước phục vụ. Ông làm cán bộ giảng dạy tại Trường đại học
Bách khoa Hà Nội (lúc đó do ông **Tạ Quang Bửu** làm hiệu
trưởng). Năm 1988, ông là một trong 5 người sáng lập Trung
tâm đại học « dân lập » Thăng Long]

Diễn Đàn kính chúc
độc giả và thân quyến
một năm Bình Tuất 2006
sức khoẻ, an lạc và thành công

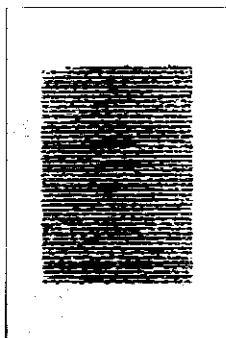


Võ Quang Liliane
**Le Temple de la Dame
Céleste (Chùa Thiên Mục)
à Huế**

Cahiers de la Péninsule n°6, có thể đặt mua qua Péninsule-SEGIP, Res-marec, 22170 LANRODEC, hay Galerie de la Maison du Vietnam, 28 rue des Bernardins, 75005 PARIS.

Hình ảnh của Võ Quang Yến ; giới thiệu và lời tựa của Minh Chi và Philippe Langlet, 96 trang.

Cuốn sách này nguyên là luận văn tốt nghiệp mà tác giả soạn dưới sự hướng dẫn của nhà sử học Philippe Langlet. Nó cung cấp cho bạn đọc tiếng Pháp những điều cốt yếu về lịch sử chùa Thiên Mục, giá trị nghệ thuật tiêu biểu của ngôi chùa nổi tiếng này, và vai trò của nó trong đời sống văn hoá, tinh thần của Thừa Thiên – Huế. Trình bày trang nhã, dễ sử dụng như một cuốn hướng dẫn du lịch, mà tránh được những khuyết điểm thường thấy của loại sách này.



Nguyễn Việt Hà
Khải huyền muôn

tiểu thuyết, nhà xuất bản Hội nhà văn, 2005, 352 trang.

Tên sách đã lạ, bìa sách còn lạ hơn. Người không theo Kitô giáo, tra từ điển tiếng Việt, cũng khó có thể biết « khai huyền » là gì, và hiểu rằng tác

giả muốn nói tới phần cuối của Tân ước (Apocalypse của thánh Gio-an). Còn hình bìa là một tranh chỉ chít chữ, không đọc được, phải mở ra, mới thấy được tên tiểu thuyết. Tiểu thuyết, thoạt trông, cũng không dễ đọc. Có những nhân vật, trong đó có một nhân vật là nhà văn, xây dựng nhân vật của mình từ một nhân vật khác, và những độc thoại, đối thoại của họ đan chéo nhau, buộc người đọc phải khá tinh táo để nhận biết ai, ở « cấp độ » nào, đang nói, đang nghĩ, đang hành động. Nhưng vượt qua những cái « khó chịu » ấy, bạn sẽ đi vào thế giới của tác giả Cơ hội của Chúa, để tiếp cận một thế giới Việt Nam qua một cây bút tài năng, còn nhiều tật, nhưng sắc sảo và hứa hẹn.

Kiến Văn

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

.....

.....

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Kinh tế Việt Nam năm 2005 và những vấn đề mới đặt ra

Vũ Quang Việt

Kinh tế tăng trưởng khả quan

Kinh tế Việt Nam năm 2005 tăng trưởng 8,4 %, vượt mức tăng 7,7 % năm 2004. Thu nhập bình quân đầu người khoảng US\$640, cao hơn năm 2004 gần US\$100, một phần là do tăng trưởng, nhưng một phần lớn hơn là do giá nội địa tăng khi giá trị đồng USD gần như đứng nguyên tại chỗ.

Tổng mức nước ngoài hứa hẹn đầu tư mới là US\$ 3,9 tỷ [1] hoặc US\$ 5,8 tỷ [2] tùy theo nguồn thông tin, tức là vẫn ở mức cao so với US\$4,1 tỷ đạt được năm 2003. So với những năm 1997-2003, chỉ ở mức trên dưới 2 tỷ một năm, thì là một hiện tượng tăng đột biến. Có thể nói khả năng đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sẽ tiếp tục ở mức cao vào những năm tới, nếu Việt Nam được đánh giá là sẽ tiếp tục ổn định chính trị, trong khi quan hệ Trung Nhật tiếp tục xấu, đưa đến chính sách khuyến khích đầu tư vào Việt Nam của Nhật. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng sẽ cao hơn nếu tình trạng giải ngân đầu tư nước ngoài được hơn. Tỷ lệ giải ngân năm 2005 vẫn tiếp tục không khá hơn năm 2004. Trong điều kiện đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2005 cũng như trong mấy năm gần đây vẫn ở mức khá là do chính sách kích cầu, với mức đầu tư lớn của nhà nước (chiếm khoảng 53 % tổng vốn đầu tư). Mức tăng trưởng đầu tư năm qua vượt 26 % theo giá hiện hành, ước tính khoảng 17 % tính theo giá cố định, vượt cao hơn những năm trước (khoảng 11-12 %). Nói chung giới đầu tư nước ngoài đánh giá nền kinh tế cao hơn trước, S&P, và Fitch đánh giá ở mức BB⁻, Moody đánh giá ở mức Ba3. Đây là lý do mới đây số trái phiếu trị giá \$US600 triệu đã bán hết nhanh chóng trên thị trường tài chính New York. Đánh giá này của thị trường tài chính ngược lại với đánh giá xuống hạng cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam.

Những thành quả trên là đáng khích lệ, nhưng cũng chưa đủ che dấu những mặt yếu kém mà nếu không được điều chỉnh sẽ có nguy cơ đưa đến nhiều hậu quả tiêu cực xã hội và sự bất ổn định của nền kinh tế trong tương lai.

Lạm phát vẫn tiếp tục và ảnh hưởng xấu của nó

Lạm phát năm 2005 tiếp tục tăng cao, ở mức 8,4 % so với 9,5 % năm 2004. Không thể đổ tội cho việc tăng giá dầu. Thứ nhất vì các nước trong khu vực và Mỹ không có lạm phát cao như Việt Nam. Thứ hai giá dầu thế giới vẫn tăng trong năm 2005 (21 %) nhưng ở mức thấp hơn năm 2004 (55 %). Thế nhưng giá cả ở Việt Nam vẫn tăng cao, đó là vì việc tiếp tục chính sách kích cầu. Theo nguồn tin báo chí kinh tế trong nước, tốc độ tăng tín dụng vẫn cao như mức năm trước. Lạm phát cao có tác dụng gì ?

Thứ nhất là lạm phát cao, khi đồng đô la Mỹ không tăng giá, đưa giá trị đồng Việt Nam tăng, làm tăng giá hàng nội địa (tăng giá do lạm phát) khi tính bằng đô la Mỹ và do đó làm giảm sức cạnh tranh của hàng Việt Nam. Chẳng hạn nếu giá tăng 8 % mà hối suất đô la Mỹ không tăng thì giá tính bằng đô la tăng 8 %. Chính điều này đã góp phần làm cán cân thương mại với nước ngoài tiếp tục thiếu hụt lớn. Năm 2005 thiếu hụt là US\$4.6 tỷ (9 % GDP), so với năm 2004 là US\$5.5 tỷ (12 % GDP). Xuất khẩu năm 2005 tăng 29 % (không kể dầu thô, xuất khẩu chỉ tăng 19,3 %), và nhập khẩu tăng ở mức thấp hơn là 15 %. Đây là lần đầu sau 6 năm mức thiếu hụt cán cân thương mại giảm, nhưng vẫn còn rất cao, trên mức an toàn cần thiết. Việc giảm thiếu hụt cán cân thương mại này không phải là do điều chỉnh chính sách mà vì hai lý do :

- Tổng giá trị xuất khẩu tăng cao nhưng có tính giai đoạn do xuất dầu thô tăng 30 % vì giá tăng hơn 40 % và xuất gạo tăng 47 % (đạt mức kỷ lục 5,2 triệu tấn). Nếu trừ dầu thô, xuất khẩu chỉ tăng 19,3 % và nếu trừ thêm gạo tỷ lệ tăng xuất khẩu còn nhỏ hơn. Tỷ lệ tăng xuất hàng trong nước sản xuất chỉ có 14 %.

- Tổng giá trị nhập khẩu tăng thấp vì một số giá trên thị trường thế giới giảm như bông sợi, vì lượng phân bón nhập giảm mạnh (không hiểu vì lý do gì) và vì lượng máy móc thiết bị nhập giảm (có thể vì chính sách kiểm chế nhập, phản ánh qua tăng tốc nhập của doanh nghiệp nhà nước chỉ là 11 %).

Nếu nguồn thu về dầu thô và gạo không tăng thì mức thiếu hụt cán cân thương mại so với GDP vẫn ở mức tỷ lệ rất cao. Thiếu hụt cao như vậy sẽ đưa đến khủng hoảng kinh tế nếu như không có nguồn kiều hối khoảng US\$4 tỷ chuyển về. Nguồn này sẽ không tăng như mức tăng nhập khẩu.

Thứ hai là lạm phát cao tạo thành một cuộc chạy đua nâng lãi suất ngân hàng để thu hút tiền gửi. Dù đã chạy đua như vậy nhưng lãi suất hiện nay ở mức 8,25 % vẫn còn thấp hơn lạm phát một chút. Cuộc chạy đua nâng lãi suất sẽ tiếp tục vì người dân đã giảm số tiết kiệm trong ngân hàng khi lãi suất thực tế âm. Điều này nếu tiếp tục sẽ đưa đến những vấn đề sau. Thay vì tiết kiệm dân sẽ mua hàng (đặc biệt là vàng) và đẩy giá hàng lên. Giá hàng hoá tăng làm đời sống công nhân giảm đưa đến đòi hỏi tăng lương (điển hình là các cuộc đình công đòi tăng lương với sự tham gia của hơn 40 ngàn công nhân mới đây). Việc tăng lương lại đổ dầu thêm một vòng xoáy lạm phát. Đối với doanh nghiệp tư nhân, lãi suất cao sẽ làm tăng rủi ro, đưa đến việc giảm mức tăng đầu tư. Đối với nhà nước thì việc giảm mức tăng hoạt động của kinh tế tư nhân và lượng tiền tiết kiệm thấp có thể đẩy tới việc nhà nước làm hành động bom tiền và tín dụng nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng cao theo kế hoạch và như thế sẽ góp thêm vào việc tăng sức mạnh của vòng xoáy lạm phát. Chỉ có thể điều trị khả năng xảy ra vòng xoáy lạm phát nếu như nhà nước chấm dứt việc chạy theo tốc độ tăng trưởng cao qua doanh nghiệp quốc doanh những năm tới.

Thứ ba là lạm phát cao hiện nay gắn liền với chính sách kích cầu quốc doanh. Nhưng hiệu quả của việc đầu tư vào quốc doanh rất thấp. Mức đầu tư cho quốc doanh năm 2005 chắc cũng như năm 2004. Năm 2004, đầu tư (hơn một

nửa là vào quốc doanh) lên trên 35 % GDP, khoảng gần 16 tỷ USD, một tỷ lệ đầu tư ở mức cao nhất thế giới hiện nay, nhưng lại tràn lan, thiếu chất lượng và hiệu quả đến mức mà ngay bản thân Bộ Kế hoạch Đầu tư cũng phải kêu ca. Năm 2005, sản lượng công nghiệp chế biến tăng 17,2 %, trong đó khu vực tư nhân tăng 24,1 %, khu vực nước ngoài tăng 20,6 %, còn khu vực quốc doanh chỉ tăng 8,4 %. Tình trạng tham nhũng ở mức báo động hiện nay chính là con đẻ của việc nhà nước đầu tư tràn lan này. Nếu chỉ lấy 20 % là tỷ lệ thất thoát do tham nhũng thì tiền tham nhũng hàng năm lên đến US\$1,6 tỷ (dựa vào ½ số tiền đầu tư là vào quốc doanh). Việc rửa tiền bản đã làm tăng giá trị đất đai nhà cửa ở Việt Nam tới mức những người sống vì đồng lương không có hy vọng có được một nơi cư trú trong đời. Mọi người sẽ khó tránh tự hỏi : lao động chân chính để được gì ?

Thứ tư là do mức đầu tư nước ngoài sẽ đổ vào Việt Nam ở mức cao hơn hiện nay và do kiểu hối gửi về, giá đồng đô la Mỹ sẽ giữ mức thấp như hiện nay, dù lạm phát cao, đưa đến việc giá trị đồng Việt Nam tiếp tục tăng. Giá hàng nội địa tăng cao, giá đô la Mỹ giữ giá, do đó giá hàng Việt Nam bằng đô la sẽ tăng cao. Chi phí sản xuất tính bằng đô la cũng tăng vì lương bằng tiền Việt tăng. Kết quả sẽ là hàng hoá Việt Nam sẽ ngày càng mất tính cạnh tranh trên thị trường thế giới, mức thiếu hụt cán cân thương mại sẽ lớn lên và do chi phí đắt, khả năng cạnh tranh kém, luồng đầu tư nước ngoài vào cũng bị ảnh hưởng.

Tại sao lạm phát : chạy theo thành tích và lấy quốc doanh làm chủ đạo ?

Lạm phát có nguyên nhân chính từ ý đồ bằng mọi cách đạt kế hoạch tốc độ tăng kinh tế cao và từ việc coi quốc doanh là chủ đạo. Thành tích lại chỉ có thể dễ thực hiện bằng cách tăng đầu tư qua việc bơm tín dụng cho khu vực quốc doanh. Tất cả những phân tích về tác dụng nguy hại của lạm phát ở trên cho thấy nếu không điều chỉnh chính sách bơm tín dụng xây dựng quốc doanh thì khủng hoảng sẽ đến, lúc mà vì một lý do nào đó đầu tư nước ngoài sẽ không đổ vào nữa.

Dù không khủng hoảng ngay, chính sách chạy đua đạt thành tích phát triển cộng với coi quốc doanh là chủ đạo đã mang tới khủng hoảng niềm tin về đạo đức xã hội. Chính sách này đưa đến việc nhà nước đầu tư vãng vãi nhằm đạt thành tích trong mọi lãnh vực ; chính vì thế mà tham nhũng mới có cơ hội bành trướng khắp nơi và ở mọi cấp : từ xây dựng, đấu giá dự án, chia lô đất, chia quota, thể thao, cho đến địa vị, bằng cấp trong giáo dục kể cả ở mức cao nhất như tiến sĩ đều có thể mua bán được (trương lai đất nước khó sáng sủa nếu như lãnh đạo tương lai là những trí thức giả hiệu này). Trong khi đó đời sống của người lao động nói chung tệ đi vì lạm phát. Thử hỏi phải chăng đã đến lúc cần tập trung xây dựng một chính phủ lành mạnh, có thể chế hữu hiệu bảo đảm công lý và điều kiện tiến thủ công bằng cho mọi người và một nền kinh tế ổn định, thay vì chạy theo một ảo tưởng nào đó ?

Quốc doanh và việc vào WTO

Tất nhiên quan điểm bảo vệ và ưu tiên quốc doanh cũng gắn liền với thể đứng trong thương thảo vào WTO. Không

mạnh mà vào sớm WTO cũng chính vì các cơ sở quốc doanh đòi hỏi nhiều điều kiện và thời gian vì biết rằng tính cạnh tranh của mình còn kém. Không cần phải lý luận nhiều cũng thấy rằng chính sách mở cửa và cạnh tranh từ năm 1990 đến nay đã giúp Việt Nam thoát khỏi cảnh bần cùng. Quốc doanh mất thế độc tôn, không còn được bù lỗ như trước nhưng chúng vẫn không chết. Mở cửa thêm nữa, cuộc cạnh tranh mới sẽ đẩy chúng lệt xác. Đây là lý luận có tính hơn thiệt kinh tế dù rằng ai cũng biết là về mặt kinh tế việc nhập cuộc WTO ngay bây giờ hay sau này Việt Nam cũng sẽ phải chịu sự đối xử bất bình đẳng so với thành viên hiện tại. Đòi hỏi của Mỹ đối với Việt Nam qua những gì biết được là nhằm mở cửa cho dịch vụ buôn bán, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, giao thông, thông tin và kể cả hàng hoá nông nghiệp. Những đòi hỏi này vượt quá định ước chung hiện nay của WTO.

Cơ bản hiện nay WTO mới chỉ đạt được định ước chung về xoá bỏ các biện pháp phi thuế ngăn trở nhập khẩu, về giảm thuế nhập khẩu *hàng hoá phi nông nghiệp*, về xoá bỏ quota hàng may mặc và mới đây là một vài bước tiến nhỏ về nông nghiệp. Các định ước về dịch vụ, về đầu tư nước ngoài còn tùy thuộc các cuộc thương thảo trong tương lai. Vài điểm thoả thuận đã rất rõ ràng là các định ước phải được áp dụng giống nhau cho người trong nước và người nước ngoài ; không phân biệt đối xử giữa nước thành viên này và nước thành viên khác; và cho phép nước thành viên tự áp dụng các biện pháp kiểm soát cần thiết đối với thanh toán bằng ngoại tệ ra nước ngoài nếu nước chủ nhà gặp vấn đề trong cán cân thanh toán để nhằm ổn định nền kinh tế. Và mới đây theo quyết định của UNESCO, các nước, trừ Mỹ, đã ký kết cho phép các nước có biện pháp bảo vệ văn hoá bản địa, ngâm hiểu rằng các nước có quyền ngăn cản việc nhập khẩu và xử dụng phim ảnh, âm nhạc, sách báo nước ngoài. Ngoài vấn đề bảo vệ văn hoá, điều ước UNESCO cũng có tính chất bảo vệ an ninh của quốc gia, không cho phép một nước khác dùng quyền tự do đầu tư và thương mại để tuyên truyền chống đối, làm mất ổn định chính trị. Không biết những đòi hỏi của Mỹ đối với việc gia nhập WTO của Việt Nam như thế nào, nhưng Việt Nam hoàn toàn có lý nếu như những đòi hỏi đó đưa đến sự mất ổn định xã hội và làm đôi bại nền văn hóa bản địa.

Nói tóm lại chỉ trừ trường hợp đòi hỏi của Mỹ ảnh hưởng đến an ninh và ổn định xã hội, không có lý do gì Việt Nam không nhanh chóng vào WTO.

Nguồn thông tin: trừ trường hợp được nêu nguồn khác, các số liệu dùng trong bài này là từ Tổng cục Thống kê.

1/10/2006

Vũ Quang Việt

[1] Theo website của chính phủ điện tử, phần về Tổng cục Thống kê : http://www.vietnam.gov.vn/portal/page?_pageid=33,180358&_dad=portal&_schema=PORTAL&item_id=255583&thth_details=1.

[2] Theo Bộ Kế hoạch Đầu tư : http://www.mpi.gov.vn/showTinvan.aspx?Lang=4&ma_tinvan=10062.

Đình công « bất hợp pháp » : Ai bảo vệ quyền lợi người lao động ?

Hải Vân

Trong những ngày đầu năm lòn sóng đình công của trên 60 000 công nhân tại hơn 35 doanh nghiệp lớn có vốn đầu tư nước ngoài ở các tỉnh phía Nam (các khu chế xuất và công nghiệp của Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai) đã buộc chính phủ phải điều chỉnh ngay tiền lương tối thiểu lên hơn 40 %. Những năm trước, cũng có vài cuộc đình công ở thời điểm cận Tết, đòi cải thiện lương thưởng và cải thiện điều kiện lao động tại những doanh nghiệp riêng lẻ. Năm nay, cuộc đấu tranh không chỉ ở ạt và kéo dài - trên hai tuần lễ -, mà nó nhắm cả chủ doanh nghiệp lẫn nhà nước - là người ấn định mức lương tối thiểu. Hơn thế, đó còn là một *đợt đình công tự phát, do công nhân tự tổ chức*, bất chấp công đoàn và các qui định của bộ luật lao động. Mặt khác, lần đầu tiên một chính quyền địa phương đã công khai bắt tay với giới chủ để ngăn chặn người lao động đình công !

« Giọt nước làm tràn ly »

Cuộc đình công tập trung ở các doanh nghiệp có vốn nước ngoài trong các ngành công nghiệp khai thác « nhân công giá rẻ », như dệt may, da giày hay chế biến gỗ : đó là khu vực doanh nghiệp áp dụng đại trà mức lương tối thiểu, thường không có chế độ thưởng và phụ cấp làm thêm giờ, thậm chí không hợp đồng lao động, bảo hiểm y tế và xã hội... Thu nhập và phúc lợi của công nhân không những kém nhất mà thời gian và cường độ lao động trong các doanh nghiệp này lại nặng nề nhất.

Khởi đầu được ấn định ở mức 50 USD (1990), rồi giảm xuống các mức từ 45 đến 35 USD tùy theo địa phương (1997), lương tối thiểu *hàng tháng* trong khu vực đầu tư nước ngoài được xác lập bằng tiền đồng từ năm 1999 ở các mức từ 626 000 đ (tương đương 45 USD) đến 487 000 đ, tùy theo địa phương. Tuy mức lương này cao hơn gấp đôi mức lương tối thiểu áp dụng cho khu vực doanh nghiệp trong nước (290 000 đ vào đầu năm 2005), song thu nhập thực tế của công nhân lãnh lương tối thiểu ở doanh nghiệp nước ngoài lại thấp hơn ở các doanh nghiệp trong nước (có thêm những khoản ăn trưa, phụ cấp...). Nếu so với các nước láng giềng thì mức lương tối thiểu của Việt Nam áp dụng cho khu vực đầu tư nước ngoài - tương đương với 41 USD theo tỷ giá năm 2005 - là thấp nhất (Campuchia : 45 USD ; Trung Quốc : 63 - 70 USD ; Thái Lan và Philippines : 70 - 100 USD).

Tiền lương này không chỉ thấp, nó không thay đổi từ năm 1999 đến nay, do qui định của nhà nước Việt Nam « chỉ điều chỉnh lương tối thiểu khi chỉ số giá tiêu dùng tăng hơn 10 % trong một năm ». Và vì trong 6 năm vừa qua, mức tăng hàng năm đó chưa từng bị vượt, mức lương tối thiểu vẫn đứng một chỗ - trong khi chỉ số giá tiêu dùng trong 6

năm đã tăng 25 % ! Tính chung, kể cả tỉ giá đô la, từ 1999 đến 2005, mức lương trên thị trường lao động đã tăng từ 35 đến 50 % tùy theo địa phương. Tình hình trong các doanh nghiệp dệt may, da giày, chế biến gỗ thuộc khu vực đầu tư nước ngoài như thế mà không bùng nổ sớm hơn mới là điều đáng ngạc nhiên.

Đầu tháng năm 2005, chính phủ có thông báo lộ trình hợp nhất tiền lương tối thiểu giữa hai khu vực doanh nghiệp trong nước và nước ngoài : mức lương của doanh nghiệp trong nước được điều chỉnh trong tháng 9 (tăng 20 %, lên 350 000 đ/tháng) còn mức lương của doanh nghiệp nước ngoài sẽ được điều chỉnh vào đầu năm 2006 (tăng chậm hơn để hai mức dần dần gặp nhau). Song trong những ngày cuối năm, bộ lao động lại thông báo khu vực đầu tư nước ngoài tiếp tục trả lương như cũ « *cho đến khi có quyết định mới của thủ tướng chính phủ* ». Quyết định lùi thời điểm điều chỉnh lương là « *giọt nước làm tràn ly* » - theo đánh giá của ông Phạm Minh Huân, vụ trưởng bộ lao động (VnExpress 5.1.06)-, khiến làn sóng đình công bùng nổ.

Trước tình hình đình công tràn lan tưởng chừng không hãm được, chính phủ phải gấp rút ra quyết định ngày 6.1 (áp dụng kể từ ngày 1.2) điều chỉnh mức lương tối thiểu của khu vực đầu tư nước ngoài lên các mức từ 870 000đ (tăng 38 %, tương đương 55 USD) đến 710 000đ (tăng 45 %) tùy địa phương. Quan trọng hơn, quyết định này khẳng định mức lương tối thiểu chỉ là cơ sở để cho doanh nghiệp xây dựng thang bảng lương và xác lập các loại phụ cấp lương : đặc biệt, doanh nghiệp không được dùng mức lương tối thiểu để trả công cho người lao động đã qua học nghề ngắn hạn, mà phải trả cao hơn (ít nhất 7 %).

« Không kiểm soát nổi tư tưởng người lao động »

Trong khi bộ luật lao động trao cho công đoàn cơ sở độc quyền « đại diện hợp pháp » cho người lao động và « lãnh đạo các cuộc đình công », và tuy công đoàn có cơ sở tại hầu hết (hơn 70 %) các doanh nghiệp đã diễn ra đình công, sự kiện nổi bật trong các cuộc đình công vừa qua lại chính là sự vắng mặt hoàn toàn của các công đoàn cơ sở. Tại tất cả các doanh nghiệp liên quan, công nhân đã tự cử ra ban đại diện của họ và tự tổ chức lấy cuộc đình công. Nhưng đây không phải là một trường hợp ngoại lệ. Chủ tịch Tổng liên đoàn lao động Việt Nam (TLDLĐ), bà Cù Thị Hậu, thẳng thắn công nhận rằng gần 1000 cuộc đình công đã xảy ra từ khi ban hành bộ luật lao động năm 1995 đến nay, và « *tất cả đều tự phát và không đúng trình tự pháp luật* ». Bà chủ tịch nói tiếp : « *Nếu chúng ta không làm thì sẽ có người khác làm* » (Lao Động 8.1.06 và 1.7.05). Trong những lý do nêu ra, bà Hậu cũng thẳng thừng nói : « *Công đoàn lãnh đạo công nhân đình công thì phải xin ý kiến của Đảng. Đảng liệu có đồng ý ? Với ràng buộc như thế, công đoàn không thể lãnh đạo đình công đúng luật* » (VnExpress 8.1.06).

Báo Tuổi Trẻ (9 và 14.1.06) còn nhận định luật đã « trao quyền » cho một tổ chức không có năng lực đảm đương vai trò của nó trong thực tế : « *công đoàn không thực hiện được chức năng là đại diện cho người lao động trong việc đề đạt, kiến nghị, thương thảo, tổ chức đấu tranh với giới chủ và cơ quan chức năng nhà nước để bảo vệ lợi ích của công nhân* » ;

tổ chức công đoàn đã « bị vô hiệu hoá hoặc biến thành ‘cái đuôi’ của chủ doanh nghiệp nên không thể có tiếng nói thuyết phục trong tập thể người lao động ». Giữa đợt đình công của công nhân các khu chế xuất và công nghiệp TP HCM, chủ tịch công đoàn các khu chế xuất TP HCM, ông Lê Trung Nghĩa, đã phải thốt ra : « Công đoàn không kiểm soát nổi tư tưởng người lao động » (VnExpress 5.1.06) !

Không chỉ công đoàn mà cả bộ luật lao động cũng « bất cập và xa thực tiễn », theo nhận xét của Tổng liên đoàn lao động (Lao Động 12.1.06). Bởi nếu tất cả các cuộc đình công xảy ra từ 10 năm qua đều trái pháp luật thì điều đầu tiên phải kết luận là qui định của bộ luật lao động bất hợp lý, không khả thi (riêng thời gian « xin phép » đình công có thể từ 20 đến 30 ngày)... Theo ông Đặng Ngọc Tùng, phó chủ tịch TLĐLĐ, « những quy định hiện nay quá khắt khe khiến cho người lao động không thể tiến hành một cuộc đình công hợp pháp » (Lao Động 1.7.05).

« Lực lượng ngăn chặn bạo động và đình công »

Bị bất ngờ hoàn toàn trước tình trạng bùng nổ đình công này, chính quyền TPHCM đã phản ứng như hoảng hốt, lo sợ cho « môi trường đầu tư ». Được cử đến tận nơi để làm việc với giới chủ, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Nguyễn Thiện Nhân cho rằng đợt đình công xảy ra là « đáng tiếc và không đáng có » và cam kết sẽ « bằng mọi biện pháp » ngăn chặn không để cho đình công bất hợp pháp tiếp diễn ! Tiếp xúc với những công nhân đình công, ông Nhân kêu gọi họ « không nghe theo sự xúi dục của những phần tử xấu ». Thối phồng một vài hành động đập phá của cái của doanh nghiệp, ông còn tìm cách đánh đồng các đại diện công nhân tổ chức đình công với những « phần tử quá khích đội lốt công nhân, kích động bạo lực nhằm mục đích phá hoại ». Một tư duy tưởng đã lỗi thời, dĩ nhiên biện pháp đi kèm cũng phản động không kém :

Ngày 5.1, chính quyền TPHCM thông báo thành lập « lực lượng ngăn chặn bạo động và đình công » gồm bốn thành phần : chủ doanh nghiệp, công đoàn, ban quản lý các khu chế xuất - khu công nghiệp và công an. Lực lượng này cho biết đã bắt đầu « tiến hành phân loại để xác định và vô hiệu hoá những phần tử quá khích » và, để đối phó với các tình huống, một lực lượng cơ giới đã được thành lập để « sẵn sàng có mặt sau 10 phút nếu có manh động » (Sài Gòn Giải Phóng 5.1.06 - Tiền Phong 6.1.06) .

Tình hình các khu chế xuất và công nghiệp đã hạ nhiệt sau quyết định của chính phủ ngày 6.1 điều chỉnh mức lương tối thiểu. Tuy nhiên, cho đến trung tuần tháng giêng, đình công vẫn còn tiếp diễn ở một vài doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Cho dù những biện pháp công an do chính quyền TPHCM thi hành có chấm dứt được các cuộc đình công đi nữa thì các vấn đề cơ bản, mà đợt đấu tranh vừa qua của công nhân đã làm bật ra, vẫn còn đó.

• Trước hết, đeo đuôi một chính sách nhân công giá rẻ để thu hút đầu tư nước ngoài, nhà nước bỏ rơi quyền lợi của người lao động đã quá lâu. Việc tăng lương tối thiểu là quyết định cần kíp nhưng chưa đủ. Bởi vì trên cơ sở mức lương tối thiểu đó, vấn đề còn là bắt buộc các chủ doanh nghiệp xây thang bảng lương với định mức lao động, áp dụng chế độ thưởng và phụ cấp làm thêm giờ, tôn trọng

hợp đồng lao động, bảo hiểm y tế và xã hội... - những điều mà nhà nước suốt thời gian qua đã buông lỏng. Và trong khi chính quyền TP HCM có thể huy động « lực lượng » để ngăn đe công nhân đình công thì thanh tra viên của sở lao động thành phố « chỉ có vài người » để kiểm tra hàng mấy chục ngàn doanh nghiệp : giới chủ trong điều kiện đó có thể tiếp tục vi phạm các qui định về lao động... chỉ ít cho đến bùng nổ đình công sau (Tuổi Trẻ 9.1.06).

• Cho nên câu hỏi cơ bản nhất mà đợt đình công vừa qua nêu lên là : Ai bảo vệ quyền lợi người lao động khi mà công đoàn cơ sở không có năng lực đại diện cho người lao động đấu tranh với giới chủ doanh nghiệp cũng như với nhà nước ?

Từ chối đặt lại vấn đề độc quyền của hệ thống công đoàn - một bộ phận trong hệ thống chính trị của Đảng cộng sản -, Tổng liên đoàn lao động đề nghị tu sửa bộ luật lao động để cho « chủ thể tổ chức đình công » không chỉ có công đoàn cơ sở mà có cả công đoàn cấp trên cơ sở (Lao Động 6.1.06). Rõ ràng, giải pháp vá vúi này hoàn toàn không tương xứng với yêu cầu của người lao động và đòi hỏi của xã hội. Nếu nó được thông qua trong bộ luật sửa đổi sắp đến, có thể tiên đoán rằng lần bùng nổ đình công « bất hợp pháp » tới - khó tránh khỏi - sẽ chứng minh tính không chính đáng cũng như không khả thi của nó.

Hải Vân

« tường cúp điện... »

[...] Khi những kiến nghị của người lao động đưa ra không được [doanh nghiệp] đáp ứng thì tập thể người lao động phản ứng bằng cách tự tổ chức đình công thông qua một ban đại diện được cử ra, chứ không yêu cầu công đoàn - tổ chức đại diện hợp pháp cho họ - giải quyết tranh chấp. Mặc dù hầu hết các doanh nghiệp đều có hệ thống công đoàn từ cấp cơ sở đến tận các tổ, dây chuyền sản xuất, song khi đình công xảy ra nhiều cán bộ công đoàn vẫn không hay biết gì.

Đơn cử, tại Công ty giày Hải Vinh, ngày và giờ đình công được người lao động thông báo trước 2 ngày mà lãnh đạo công ty và cả hệ thống công đoàn vẫn “bình chân như vại”. Ông Phan Đình Chấn, chủ tịch công đoàn công ty cho biết : « Từ trước đến nay, người lao động tại công ty chúng tôi rất chăm chỉ làm việc - đâu có ngờ họ lại đình công lớn như vậy. Ngay sáng hôm diễn ra đình công, thấy công nhân tụ tập trước cửa công ty, chúng tôi cứ tưởng cúp điện nên quản đốc xưởng cho nghỉ ».

Việc người lao động cử ra một nhóm người làm đại diện cho mình để tiếp xúc với giới chủ, theo ông Lê Trung Nghĩa, chủ tịch công đoàn các khu chế xuất - khu công nghiệp TPHCM, nguyên nhân do người lao động không tin vào tổ chức công đoàn và cho rằng công đoàn chỉ bảo vệ quyền lợi của giới chủ [...].

Phạm Hoài Nam

(Sài Gòn Giải Phóng 19.1.2006)

Phóng sự

Thái Bình : những “ khu công nghiệp ” khiến nông dân tức tưởi

Cầm Văn Kinh

LTS : Nhân danh chính sách xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị mới để tước đoạt đất đai của nông dân là một khía cạnh nổi bật của quá trình « công nghiệp hóa, hiện đại hóa » diễn ra hiện nay ở Việt Nam. Bài điều tra dưới đây của báo Tuổi Trẻ Chủ nhật (24.12.2005) nói lên trường hợp của tỉnh Thái Bình, nơi chính quyền đã buộc không ít nông dân rời khỏi ruộng vườn, nhường chỗ cho những khu công nghiệp « ma », thực chất là những khu đầu cơ đất đai.

Hàng trăm hecta gió thổi, cát bay. Hàng trăm hecta hàng rào, cỏ mọc. Đó là khung cảnh chưa từng có ở Thái Bình vì dù có dông bão, lụt lội nhưng nông dân vẫn ra đồng.

Ở vùng đất của những “ cánh đồng năm tấn ” này khó có điều gì lay chuyển nổi sự gắn bó ngàn đời của nông dân với đất ; vậy mà các khu, cụm “ công nghiệp ” của Thái Bình lại có thể làm được điều đó. Nông dân đã vui lòng nhường lại ruộng để tình “ làm công nghiệp ”. Nhưng các “ khu công nghiệp ” của Thái Bình lại làm nông dân... tức tưởi.

“Cụm công nghiệp” trồng cây, nuôi cá

“Chuyên nhận đúc các loại xoong nồi” - đó là dòng quảng cáo được vẽ bằng mực xanh, mực đỏ bên tường cơ sở sản xuất nhôm Bắc Dâu, thuộc “Cụm công nghiệp Đông La”, Thái Bình. Kế bên xưởng nhôm Bắc Dâu là tổ hợp xe máy gồm hai cơ sở “công nghiệp” ghi : Công ty xe máy Quý Đăn và Trung tâm sửa chữa, bảo dưỡng, trung đại tu xe máy, máy nổ Thái Bình.

Mặc dù các cơ sở này đều cố trưng những cái biển nghe rất “ công nghiệp ”, như Quý Đăn ghi : “Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam, xe máy Kaiser”, nhưng mặt bằng thì chỉ khoảng 100m², đủ để đặt cái giường và hơn chục chiếc xe máy là hết. Không hề có dấu hiệu sản xuất nào, đây thực chất là một cơ sở buôn bán xe máy. Chỉ khác ở chỗ nó xây trên đất nông nghiệp vừa giải tỏa của dân và được thuê đất với giá ưu đãi.

Chưa hết, nhìn giấy đăng ký kinh doanh của Cụm công nghiệp Đông La có ghi một cái tên “hoành tráng” : Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu mỏ, tương đây là một dự án tầm quốc gia nhưng ra thực địa, trên khoảng đất mấy trăm mét vuông, chỉ thấy tọa lạc duy nhất một... cây xăng. Nó chỉ khác các cây xăng dọc

quốc lộ số 10 ở chỗ : có nhiều đất hơn nên xây dựng được cả mấy cái nhà tạm bên cạnh.

Cụm công nghiệp Đông La mới được qui hoạch, xây dựng cách đây vài năm. Viễn cảnh ban đầu mà UBND huyện Đông Hưng tuyên bố và được UBND tỉnh Thái Bình chấp thuận là sẽ « tạo một cụm công nghiệp đa năng » với các ngành may mặc, lắp ráp ô tô... Ngay sau khi công bố thành lập cụm, chính quyền đã phát khởi thông báo : có gần 30 doanh nghiệp đăng ký thuê đất.

Thế là nông dân nhanh chóng nhận được quyết định đền bù giải tỏa. Cát được chở đến lấp ruộng. Các công ty đăng ký nhanh chóng đến nhận những khoảnh đất ngay mặt tiền quốc lộ số 10 vừa mở rộng, lại ngay sát trung tâm huyện Đông Hưng.

Nhưng người nông dân cũng chẳng mất nhiều thời gian để nhận ra “trái đắng” khi Công ty thương mại Hoàng Trọng ban đầu còn ngấm ngấm, sau công khai “làm công nghiệp” bằng cách đầu tư... trồng cây ăn quả. Hình ảnh thực chất về “cụm công nghiệp đa năng” hiện lên rõ hơn khi Công ty thương mại và dịch vụ Á Đông tổ chức... đào ao nuôi cá (để bán) ngay trong khu đất được thuê với giá ưu đãi để làm công nghiệp.

Người dân được phen đặt câu hỏi khi UBND huyện Đông Hưng (nơi đặt cụm công nghiệp) gần như không có phản ứng. Rồi câu trả lời tự đến khi Công ty TNHH Lam Sơn được mời đón cho thuê cả nghìn mét vuông đất để “sản xuất phân vi sinh”, nhưng thay vì đầu tư vào sản xuất, ông chủ công ty này lại cho xây một biệt thự ba tầng đồ sộ, trị giá cả tỉ đồng để “làm văn phòng công ty” song thực chất là để ở.

Chưa hết, bám sát lợi thế mặt tiền quốc lộ, Công ty Lam Sơn còn ngang nhiên đầu tư... mở thêm quán giải khát. Bi hài hơn khi trong cụm công nghiệp mọc lên cả quán “com-phở bình dân, kính mời” và một “trung tâm sinh vật cảnh” với tám biển Hạ Trắng. Đêm đến, trung tâm sinh vật cảnh này lại là một quán bar theo phong cách đồng quê đang thịnh hành trên các thành phố lớn, đèn màu nhấp nháy, nhạc mờ réo rất.

Tại đây có những ghé ngồi để trai gái tâm sự, quán phục vụ cả phê, cả rượu mạnh. Tụ điểm này còn “làm công nghiệp” bằng cách tận thu mặt bằng, hiên ngang trưng biển “nhận đặt tiệc, tổ chức đám cưới”.

Cụm công nghiệp Đông La chưa giúp người dân nâng cao chất lượng cuộc sống nhưng đã nhanh chóng khiến đất ở khu vực này tăng lên chóng mặt. Các “cơ sở công nghiệp” kể trên không cần nhiều nhân công nên nông dân chẳng những không được hưởng lợi từ những dự án đầu tư mà còn bị đặt vào thế không kể sinh nhai.

Với tiền đền bù giải tỏa khoảng 26.000đ/m², tình hỗ trợ thêm mỗi mét vuông... 1.000đ để chuyển nghề nữa, nhiều nông dân không mua nổi một miếng đất khác để canh tác chứ chưa nói đến chuyện hùn vốn tạo lập một nghề mới.

Anh Nguyễn Ngọc Ng., một nông dân, than thở : « Tổng số tiền tôi được hỗ trợ chuyển nghề chỉ vón vện 200.000đ, tính ra chỉ đủ tiền cám nuôi lợn hoặc cho con đi học tiếng Anh trong một tháng ». Trước đây anh Ng. còn ruộng, không phải mua thóc gạo nên cuộc sống dù khó khăn cũng tạm ổn, đủ đắp đổi cho con đi học. Nay tìm mãi không ra việc, đất ruộng thì đã bị giải tỏa, giọng người đàn ông này méo mào « cuộc sống cơ cực quá ».

Trong khi đó, theo tính toán của một ông chủ cửa hàng bán đồ trang trí nội thất ở thị trấn Đông Hưng (vừa thất bại trong việc thuê đất ở Cụm công nghiệp Đông La) thì : chỉ cần đặt bút ký thuê được đất với giá ưu đãi, chưa cần kinh doanh, doanh nghiệp đã lãi ít nhất là hơn 120 lần !

Nếu như Cụm công nghiệp Đông La là một điển hình về cách làm cụm công nghiệp theo kiểu thập cẩm, “công nông kết hợp” thì Cụm công nghiệp Gia Lễ - Đống Năm lại vấp phải tình trạng vườn không nhà trống. Với diện tích 100ha, theo tính toán sẽ có các nhà máy chế biến nông sản, xưởng may, da giày và cả công nghiệp điện tử...

Song đến nay đã mấy năm trôi qua, đứng nhìn cụm công nghiệp này ấn tượng nhất là... rác và sự quạnh quẽ, hiu buồn. Thay vì màu xanh của các ruộng lúa, nay ở đây là cát trắng, cỏ mọc tốt tươi bên trong hàng rào xộc xệch. Vắng vẻ, cụm công nghiệp bị biến thành nơi đổ phế thải của nhiều gia đình gần đó, mặc cho không ít tiền của đã được đổ vào đây để san lấp, giải phóng mặt bằng.

Tại Thái Bình, hiện có nhiều kiểu “khu công nghiệp” thể hiện quyết tâm công nghiệp hóa của tỉnh. Bên cạnh những khu công nghiệp thành lập theo nghị định 36 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã có vài quyết định thành lập những tổ hợp tập trung cũng gọi là khu công nghiệp.

Dưới hai kiểu khu công nghiệp này có các cụm công nghiệp do UBND các huyện quản lý. Và không chỉ có các cụm công nghiệp làm ăn kiểu lạ đời mà tại nhiều khu công nghiệp của tỉnh cũng có những dự án làm người dân, đặc biệt là nông dân, “nhức con mắt bên phải, đỏ con mắt bên trái”.

Đất chật, người đông, riêng khu công nghiệp rộng

Hai khu công nghiệp lớn nhất của Thái Bình là Phúc Khánh và Nguyễn Đức Cảnh được hi vọng là “quả đấm thép” giúp kinh tế cũng như công nghiệp Thái Bình cất cánh. Song ngay ở hai “quả đấm thép” mạnh nhất này, bên cạnh các dãy nhà xưởng vẫn có những “đốm xanh” rộng cả hecta... cỏ mọc ngút ngàn. Lý do : đất đã giao nhưng doanh nghiệp... chưa dùng hết.

Theo tìm hiểu của chúng tôi, các doanh nghiệp khi vào Thái Bình đều vẽ ra khả năng tài chính hùng mạnh với những dự án rất to và đã được tỉnh hào phóng giao ngay đất.

Dân được đền bù giải tỏa chóng vánh nhưng khi đã xong các thủ tục để nhận đất và đặc biệt là có quyền vay

vốn ưu đãi, các doanh nghiệp quay ra... án binh bất động suốt nhiều năm. Như Nhà máy dệt may Á Châu (AP) nhận khoán đất hàng ngàn mét vuông (ngay sát đại lộ Trần Thái Tông đẹp bậc nhất thành phố Thái Bình) bốn năm trước đây nhưng đến nay mới có vền vện hai dãy nhà xưởng nhỏ nhỏ xinh xinh mọc lên.

Phần đất còn lại cỏ mọc, cát bay đã lâu nhưng có vẻ doanh nghiệp này vẫn kiên quyết xin giữ với cam kết chưa có lộ trình : “sẽ tiếp tục mở rộng sản xuất”. Bên cạnh May Á Châu, May Đức Giang cũng đang thừa 2 ha chưa dùng đến. Nhà máy cán thép Đông Phương Hồng đến nay một phần không nhỏ diện tích vẫn là một màu của cát...

Giải thích lý do tại sao nhiều doanh nghiệp xin thừa đất, nhiều năm không dùng đến nhưng vẫn kiên quyết không muốn trả lại, ngay một anh xe ôm hành nghề cạnh Khu công nghiệp Phúc Khánh cũng biết : nếu đóng đủ tiền thuê 30-50 năm, chuyển nhượng được đất cho các doanh nghiệp khác thì mấy ông lớn đi trước sẽ lãi hơn cả mở xưởng sản xuất nên tội gì họ bỏ ? !...

Một đặc điểm nữa của các khu công nghiệp Thái Bình là chúng thường được giao thẳng cho một nhà đầu tư xây dựng. Nếu như Khu công nghiệp Tiên Hải của Thái Bình được định hướng phát triển dựa trên trữ lượng khí đốt đang ngắc ngoải vì niềm tin đặt nhầm chỗ, (công ty thăm dò khí đốt cho kết quả sai, trữ lượng không đủ để sản xuất), các doanh nghiệp ở đây đang phải tính đến phương án di chuyển đây tởn kém, ngay tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, 60 % diện tích khu công nghiệp rộng gần 300 ha này được giao cho tập đoàn Đài Tín.

Đã mấy năm trôi qua, nếu như phần 40 % do phía VN đầu tư đã lấp đầy cơ bản 100 % thì phần của Đài Tín mới lèo tèo vài doanh nghiệp. Thế là một diện tích gần trăm hecta đang bỏ hoang. Thái Bình bắt đầu có đất hoang, đầu tiên chính là ở các khu công nghiệp.

Song, vắng vẻ dẫu sao cũng còn may. Ở Khu công nghiệp Cầu Nghìn, mặc dù UBND tỉnh đã có quyết định thành lập từ tháng 9-2004 (quyết định 15-2004 QĐ/UB) nhưng đến nay vẫn chưa có phương án đền bù giải tỏa. Chính vì sự chậm trễ này mà người dân nơi đây phải sống trong sự phập phồng của tình trạng qui hoạch treo với biết bao nỗi khổ.

Khi hỏi ông Vũ Ngọc Thu, quyền trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp Thái Bình, ông này khẳng định « không lấy một ngôi nhà nào của dân » nhưng chính quyền xã An Bài, huyện Quỳnh Phụ (nơi đặt khu công nghiệp) lại kiên quyết không ký giấy chuyển nhượng nhà, đất thổ cư cho người dân ở sát khu công nghiệp với lý do “đất đang trong qui hoạch”! Bán không bán được, cho cũng không xong. Còn phương án đền bù, người dân ở đây bức xúc : « đến nay vẫn chưa ai nói cho chúng tôi biết khi nào sẽ có » !

Sống trong cảnh qui hoạch treo, tâm hồn phải “treo” đã đành, những người có nhà sát Khu công nghiệp Cầu

Nghìn còn mất ăn mất ngủ vì một nhà máy sang chiết gas lớn lại được xây ngay sát dưới... lưới điện cao áp. Những bình gas kim loại, dây điện rêu ù ù cách chỉ chục mét. Tính mạng người dân và các qui định an toàn đã bị phớt lờ ?

Đất ở nơi khác còn, cả khu công nghiệp mới có hai doanh nghiệp xây nhà xưởng sao vẫn cố đẩy nhà máy gas vào sát đường điện ? Ông Thu công nhận : « *Như thế không đúng. Về nguyên tắc, dưới đường điện doanh nghiệp không phải trả tiền thuê đất nhưng cũng không được xây nhà* ».

Trước sự quan ngại của chúng tôi, ông Thu trấn an : « *đường điện đã được qui hoạch di chuyển* ». Tuy nhiên, việc thực hiện phải đợi Bộ Công nghiệp. Còn hiện tại nhà máy sang chiết gas đã hoạt động, điện vẫn ngay sát gas...

Câu về của dân nghèo mất đất

Về Cụm công nghiệp Đông La những ngày hanh khô tháng mười một này, vào quán nước đối diện cây xăng, tức “Công ty chế biến và kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ”, bà chủ quán luôn miệng than nhức đầu vì mùi nấu nhôm của cơ sở sản xuất nhôm Bắc Dầu. Ống khói chi cao mấy mét của cơ sở này cứ vô tư nhả lên trời.

Nếu là nhà dân thì cơ sở sản xuất ô nhiễm đó chắc khó lòng tồn tại. Song đó lại là một cơ sở trong “cụm công nghiệp” nên người phụ nữ này đành cam chịu : « *Tại nhà mình không may nằm ngay sát nó, biết phải làm sao ?* ».

Cơ sở sản xuất phân vi sinh cũng cách khu dân cư không bao xa. Người ta đã qui hoạch thế, cơ sở sản xuất có giấy phép về môi trường chưa người dân không được biết nên họ chỉ còn biết đóng chặt cửa, che chắn thật kỹ thứ mùi “có vẻ công nghiệp” và mong sao “nó không đến nỗi quá độc hại”.

Trong các khu, cụm công nghiệp của Thái Bình, người dân mất đất ở Cụm công nghiệp Đông La bức xúc nhất. Ngồi với mấy người nông dân bên chén trà quê giữa bốn bề bụi tung mù trời, tôi nghe người dân truyền tai nhau câu về đây ý tứ : « *Trăm năm trong cõi người ta/ Đâu vào thì cứng đầu ra thì mềm/ Hộp đen thì cứ phồng lên/ Cáp dưới cứ giãy, cáp trên cứ dề* »...

Không phải ghen ăn tức ở, người dân sẵn sàng nhường đất cho chính quyền làm khu công nghiệp. Nhưng lại thấy toàn những người giàu cùng làng, cùng huyện nghiêm nhiên ra xây nhà, đào ao ở cụm công nghiệp thì họ xót xa quá. Giải tỏa đất nông nghiệp thì kiên quyết thế, sao việc giao đất... tái sản xuất nông nghiệp trong cụm công nghiệp lại quá dễ dàng?

Đã vỡ mộng rồi ước mơ được trở thành công nhân, sáng sủa đi làm ở khu công nghiệp. Mất đất, không nghề, người nông dân đang lo lắng cho một tương lai bất định. Lãnh đạo tỉnh Thái Bình có biết ?

CẨM VĂN KINH

Những tiêu cực « bóng đá... mở rộng »

Hoà Vân

Vụ xì-căng-đan bóng đá ở SEA Games 23 (xem Diễn Đàn số trước), như nhiều người dự đoán trước, đã bắt đầu lan ra ngoài sân cỏ !

Không chỉ còn là những vụ tiêu cực khác liên quan tới ngành thể thao này đang dần dần được lôi ra ánh sáng. Như vụ mua bán, dàn xếp tỷ số có liên quan đến một số trọng tài và huấn luyện viên (HLV) ở câu lạc bộ (CLB) Đông Á – Thép Pomina mấy tháng trước, mà 19 bị can đã bị khởi tố, trong đó 5 người đang nằm trong trại tạm giam chờ xét xử. Hay vụ « đưa, nhận hối lộ và tham ô tài sản » tại CLB Sông Lam – Nghệ An trong mùa giải 2000-2001 đang bị xới lại, với việc khởi tố 3 bị can và bắt giam đối với các cựu HLV Hữu Thắng, Xuân Vinh...

Những « *ngóc ngách dây mơ rễ má* » của vụ xì-căng-đan (theo cách nói của cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt), đang bước đầu được lần ra với vụ « cá độ hàng triệu đô la » mà nhân vật chính là một tổng giám đốc « lừng lẫy » của *Ban quản lý các dự án 18* (viết tắt theo tiếng Anh là PMU 18) thuộc bộ Giao thông – Vận tải.

Sự việc bắt đầu với việc « bắt quả tang » ngày 13.12.2005 một số « cán bộ, chiến sĩ công an » đang chơi trong một chiếu bạc di động ở công viên Bách Thảo (Hà Nội), giữa thanh thiên bạch nhật. Thực ra, cơ quan điều tra (CQĐT) đã biết từ mấy tháng trước, một người trong nhóm đó, cảnh sát giao thông Bùi Quang Hưng, chính là một tay trùm của một đường dây cá độ quốc tế, và việc « bắt quả tang chiếu bạc » tại Bách Thảo chỉ là lý do để áp dụng biện pháp tố tụng hình sự đối với anh ta.

Khám xét khẩn cấp nhà Hưng ngay trong đêm ấy, CQĐT đã kê biên một khối tài sản lớn (một ngôi nhà cao tầng trị giá khoảng 3 tỉ đồng, một ô tô con Mazda, 4 xe máy, 2 tỉ vi 100 inches...) dĩ nhiên vượt quá xa thu nhập của một cán bộ phòng Cảnh sát giao thông, công an Hà Nội, nguyên là lái xe cho trường phòng này. Và nhất là, nhiều giấy tờ, tài liệu, máy vi tính liên quan đến việc tổ chức cá độ bóng đá quốc tế...

Những dữ liệu (được mã hoá) trong máy tính của Bùi Quang Hưng cho thấy đây là đường dây cá độ bóng đá quốc tế lớn nhất từ trước tới nay bị phát hiện ở Việt Nam - với một mạng lưới chân rết gồm không dưới 50 đầu mối vệ tinh chuyên thu gom tiền cá độ ở nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước, với số tiền cá độ lên tới hàng triệu USD mỗi trận. Và với không ít khách hàng chủ là những « đại gia » trong xã hội đen, hoặc những doanh nghiệp giàu có và một số tổng giám đốc, giám đốc các công ty của nhà nước. Một danh sách ban đầu gần 40 người khách xịn trở thành đầu mối cho một cuộc điều tra hiển nhiên không còn có

thể được giam trong vành đai của các sân bóng. Ngay cả những cầu thủ nổi tiếng trong vụ SEA Games 23 – mà nhiều dấu hiệu cho thấy không phải không liên quan tới đường dây của BQH – cũng tự nhiên lui về phía sau, nhường sân khấu cho những người chơi khác... Song, hẳn cũng chính vì tính cách « xịn » của các đương sự mà một tháng sau CQĐT mới có thể nộp hồ sơ vụ việc lên thủ tướng, và vài ngày sau đó báo chí mới biết được một phần những thông tin liên quan.

Các bản tin đầu tiên về vụ « bắt quả tang chiếu bạc công an » nói trên chỉ xuất hiện trên báo chí từ ngày 17.1.2006. Báo Thanh Niên hôm ấy hé lộ danh tính của nhân vật hàng đầu trong bản danh sách : ông Bùi Tiến Dũng, tổng giám đốc (TGD) PMU 18, và con số 1,8 triệu USD mà ngài tổng giám đốc đã tung ra chỉ trong mấy lần cá độ cách nhau không đầy một tháng. Con số 1,8 triệu đô la – chưa phải là tất cả ! – và tên tuổi ngài tổng giám đốc (47 tuổi, con một vị tướng trong quân đội) mau chóng lan rộng trên khắp các phương tiện truyền thông, với một vài chi tiết về mức sống của ông ta (như một chiếc mercedes « xịn » nhất Hà Thành, mua với tiền công ty, vừa được « nhường » cho ông phó... khi vụ việc vừa lộ). Cũng may, phần lớn các nhà báo không rơi vào các chi tiết « people » (tuy không phải không có tâm quan trọng !) ấy, và những câu hỏi thực chất hơn được đặt ra : *từ đâu mà ngài tổng có tiền tiêu xài ở mức đó ? , ban PMU 18 – và rộng ra, những công ty, ban bộ khác của bộ GT-VT hoặc của các bộ khác – làm ăn ra sao (các vụ « rút ruột công trình » còn chưa xa) ? , ai là ô dù của ông ta ? , và còn những ai khác cùng cỡ « tổng » hay cao hơn sẽ phải lộ diện ? v.v.*

Hai câu hỏi đầu dĩ nhiên có liên hệ chặt chẽ, vì chẳng còn ai ngây thơ tới mức tin là nếu không « ăn » cách này hay cách khác vào những món tiền đầu tư khổng lồ của nhà nước vào các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng của đất nước, một quan chức dù cao cấp có thể tiêu pha rộng rãi như thế. Một nhà báo cho biết số tiền 1,8 triệu đô la (30 tỉ đồng VN) này tương ứng với một phần ba ngân sách của một tỉnh miền núi trong một năm, với 30 căn hộ chung cư hạng sang ở Hà Nội... Trong khung kế bên, chúng tôi xin tóm tắt một số « thành tích » của PMU 18. Nhưng bạn có thể nhìn sang một góc khác của sân khấu, nơi đèn vừa bật sáng : cùng ngày khi ông Dũng bị công an bắt giữ (20.1.2005), tại hội nghị triển khai công tác giao thông, bộ trưởng GT-VT Đào Đình Bình đang kêu gọi « triển khai ngay tuyên truyền trong cán bộ công nhân viên về Luật phòng, chống tham nhũng », để « đối mặt với nguy cơ tham nhũng, thất thoát rất lớn »... Năm 2006, Bộ GTVT được giao tới 1,5 tỷ USD xây dựng các công trình hạ tầng trên toàn quốc. Ông bộ trưởng hình như không cảm thấy mình có trách nhiệm gì đến việc đã bổ nhiệm một tổng giám đốc như ông Bùi Tiến Dũng !

Trở lại mấy câu hỏi nêu trên. Câu cuối cùng, cho đến nay (23.1.2006), người ta mới chỉ được biết tên tuổi của 3 “chiến hữu” thân thiết của ông Dũng : các ông Nguyễn Việt Bắc, *phó tổng giám đốc Công ty phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)*, Vũ Mạnh Tiên, “*phó chánh văn phòng*”

PMU 18, và Dương Mạnh Hoa, chỉ là lái xe cho ông Dũng nhưng hình như cũng đủ sức để nướng những món tiền lớn vào các cuộc cá độ... Ông Tiên vừa bị bắt tạm giam. Ông Bắc cũng bị khởi tố nhưng được cho tại ngoại vì đã “*thành khẩn khai báo*” và “*nộp lại số tiền cá độ*” (nhưng không được công an cho biết bao nhiêu).

Câu hỏi về ô dù của ông Dũng cũng chưa được báo chí trong nước trả lời. Đọc kỹ những bài viết khác nhau, người ta chỉ được biết là cả hai ông Dũng và Bắc đều từng là “*quân*” của thứ trưởng bộ GT-VT Nguyễn Việt Tiến, và (theo VietnamNet 23.1.2006) đều là “*đàn em thủ túc*” của một “*thứ trưởng nhiều quyền uy*” tại bộ GT-VT. Tờ báo không viết rõ hai ông thứ trưởng có là một hay không, nhưng trước đó ba ngày ông Tiến đã trả lời báo chí như sau về câu hỏi có phải ông là người phụ trách trên của hai ông Dũng, Bắc : « *lĩnh vực thuộc về tội phạm xã hội thì không nên chú trọng, nhấn mạnh vào việc lãnh đạo bộ ai phụ trách các cá nhân, đơn vị này (sic)... Và vấn đề quản lý cán bộ đảng viên trước hết phải từ cấp ủy, chi bộ, đảng bộ cơ sở của địa phương, phường, khối* ». Ông cũng từ chối trả lời có phải mình đã giới thiệu ông Dũng vào thường vụ đảng ủy bộ GT-VT. Chuyen còn chưa ngã ngũ, xin đợi hồi sau phân giải vậy.

Hoà Vân

(tổng hợp tin báo chí trong nước từ 17 đến 23.1.2006)

"Siêu ban" PMU 18

Thành lập năm 1993, nhiệm vụ của *Ban quản lý các dự án 18* (PMU 18) là thay mặt chủ đầu tư quản lý quá trình đầu tư và xây dựng các công trình giao thông ; giao dịch, tiếp xúc với các tổ chức trong - từ trái phiếu Chính phủ - và ngoài nước - viện trợ của WB và các tổ chức tín dụng nước ngoài... - để tìm nguồn vốn cho các dự án do Ban quản lý.

Mỗi dự án đều có vốn đầu tư từ vài chục tới hàng trăm triệu USD. Vì thế mà PMU 18 được coi là một "siêu ban" của bộ GT-VT, và tổng giám đốc PMU 18 được coi là một người có thể lực chi thua... bộ trưởng !

Trong số những dự án do PMU 18 triển khai, có nhiều dự án mang tai tiếng nhưng vẫn không bị xử lý, như :

Dự án nông thôn 2 ở nhiều tỉnh, thất thoát hơn 13 tỉ đồng, với những đoạn đường xây xong đã bị xói lở, lầy lún do nền yếu, vật liệu xây dựng bị trôi giạt, thậm chí hoàn toàn không sử dụng được vì bị ngập sâu trong lòng hồ ;

Cầu Hoàng Long (thay cầu Hàm Rồng – Thanh Hoá), chi phí đầu tư tăng lên 2,7 lần so với ban đầu (từ 83,5 tỉ lên 227 tỉ đồng) nhưng vẫn sụt lún, 10 năm nay chưa được bộ xử lý !

Quốc lộ 2, từ Đoan Hùng (Phú Thọ) tới Vị Xuyên (Hà Giang), vốn đầu tư gần 500 tỉ đồng, sau ba tháng sử dụng đã xuống cấp, sạt lở, nhiều đoạn bị rạn nứt, bong nhạ...

Tổng giám đốc Bùi Tiến Dũng trực tiếp “*nắm*” một số dự án quan trọng của PMU 18.

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

Việt Nam, thành viên Hội đồng bảo an ?

Theo báo *Thanh Niên* 10.1.2006, Việt Nam đã chính thức thông báo sẽ ra ứng cử chiếc ghế thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc (HĐBA LHQ) khóa 2008 – 2009 (nhiệm kỳ từ tháng 1.2008 đến tháng 12.2009).

Trao đổi với báo chí về vấn đề này, đại sứ trưởng phái đoàn VN tại LHQ Lê Lương Minh cho biết thêm, tuy đã có chủ trương từ năm 1997, nhưng đầu năm nay nhà nước VN mới chính thức có công hàm gửi tất cả các nước trong Đại hội đồng LHQ về việc ứng cử này. Ông Minh nói thêm : « *Hiện nay, chúng ta đang tích cực chuẩn bị cho quá trình này. Đang có đề án thay đổi về nhân sự và bộ máy để đáp ứng cho các hoạt động của phái đoàn VN tại LHQ, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong nước với nhau và trong nước với cơ quan đại diện tại LHQ. Bởi vì khi HĐBA họp theo đặc thù là không theo một chương trình có sẵn, có bất cứ tình hình nào khẩn cấp và đặc biệt là có thể nhóm họp ngay, bất cứ lúc nào trong ngày, kể cả nửa đêm* ».

Trả lời câu hỏi về « tình hình sau khi chúng ta chính thức tuyên bố ứng cử chiếc ghế này như thế nào », ông Minh đánh giá « *khả năng VN trở thành thành viên không thường trực của HĐBA LHQ là khả quan* ». Ông nói thêm : « *Cho đến nay, Việt Nam là ứng cử viên duy nhất đại diện cho châu Á ứng cử vào nhiệm kỳ tới. Hiện nay, châu Á đang có 2 đại diện tại HĐBA LHQ là Nhật Bản và Qatar thay Philippines vừa hết nhiệm kỳ. Không loại trừ vào phút chót sẽ có thêm các ứng cử viên khác tại châu Á, nếu như vậy cũng phải bỏ phiếu nhưng sẽ khó khăn hơn* ».

Về việc tham gia vào các lực lượng giữ gìn hoà bình trên thế giới, ông Minh cho rằng « *Nếu tham gia thì mình có nhiều lợi ích* », về chính trị là tăng trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, về quân sự thì binh sĩ VN sẽ có dịp làm quen với một mảng công việc mới... Ông cũng cho biết LHQ đã mời VN tham gia công tác này từ mấy năm nay, và thủ tướng Phan Văn Khải cũng đã tuyên bố sẵn sàng tham gia khi điều kiện cho phép vào thời gian thích hợp.

2005 - năm xử lý nhiều vụ án lớn

Theo báo điện tử *VietnamNet* ngày 27.12.2005, trong năm 2005 hàng loạt tổng, phó tổng giám đốc, giám đốc... bị khởi tố, bắt tạm giam về các hành vi « *nhận hối lộ* », « *tham ô* », « *cố ý làm trái* ». Hàng loạt vụ án lớn được đưa ra xét xử.

Ngoài các vụ tiêu cực trong bóng đá « *làm rung động dư luận* », mà Diễn Đàn đã đưa tin trong số trước và số này, tờ báo nhắc lại :

- Vụ án tham ô tài sản tại Cty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO), bị khởi tố ngày 16.5, ông tổng giám

đốc Trần Nghĩa Vinh bị bắt tạm giam. Đến tháng 11.2005, giai đoạn điều tra kết thúc, ông Vinh bị đề nghị truy tố vì tội « *nhận hối lộ* », cùng 5 bị can khác.

- Ngày 27.5, ông Lê Hoà Bình, phó tổng giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex) cùng 4 đối tượng khác, trong đó có nhân viên dưới quyền của ông Bình, bị khởi tố về hành vi « *lừa đảo, chiếm đoạt tiền hoàn thuế giá trị gia tăng* ».

- Ngày 24.8, sau nhiều tháng bị báo chí phanh phui, công an chính thức điều tra vụ án lắp đặt 312.000 điện kế điện tử "dòm" tại Công ty Điện lực TP.HCM (xem Diễn Đàn số 154, tháng 9.2005). Đến nay, có 13 bị can bị khởi tố, về tội « *Cố ý làm trái các qui định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng* », trong đó có ông Lê Văn Hoành - nguyên phó giám đốc Cty Điện lực thành phố TP.HCM. Tháng 11.2005, ông Lê Minh Hoàng, nguyên giám đốc Cty Điện lực TP.HCM, bị bãi nhiệm tư cách đại biểu Quốc hội.

- Trong các vụ tham nhũng bị phanh phui, nổi cộm lên là vụ án tham nhũng lần đầu tiên bị phát hiện trong ngành dầu khí (xem D Đ số 156). Các bị cáo nguyên là những cán bộ chủ chốt trong công ty Vietsovpetro đã móc ngoặc với nhau, móc nối với những công ty nước ngoài nâng thầu, nâng giá vật tư thiết bị trong 2 dự án xây dựng khối nhà ở 140 chỗ (block 140 chỗ) nằm trong tổ hợp công nghệ trung tâm 3 thuộc vòm Nam mỏ Bạch Hổ và dự án sửa chữa dàn ballast Đại Hùng để chia nhau hàng triệu USD.

- Nhiều vụ án ma túy xuyên quốc gia với số lượng ma túy được mua, bán lên đến hàng ngàn bánh heroin cũng đã được đưa ra xét xử. Đáng chú ý nhất là vụ án 2.354 bánh heroin do Hải "luận" cầm đầu, đây được xem là vụ án ma túy lớn nhất từ trước đến nay và 16 bị cáo trong vụ án này đã bị tuyên án tử hình.

☞ Danh sách này không đề cập tới những vụ việc đã bị phát giác nhưng chưa đưa ra xét xử, và nhất là, không phản ánh hết hiện tượng tham nhũng, lợi dụng quyền lực để sách nhiễu người dân, tuy không dính tới những quan chức lớn nhưng bàng bạc ở khắp nơi, đụng chạm trực tiếp hơn tới cuộc sống hàng ngày của người dân thường và gây thiệt hại khó đánh giá hơn. Đó là những hành vi lấn chiếm đất đai ở nông thôn của cán bộ xã, huyện, những hành vi đòi tiền « *mã lộ* » của cảnh sát giao thông v.v.

Chuyện hội : « No, gouvernemental organisation »

Theo *Sài Gòn tiếp thị* ngày 21.1.2006, trong phiên họp chính phủ hôm 27.12.2005, thủ tướng Phan Văn Khải đã "gút" trả dự thảo *Luật về Hội* cho bộ Nội vụ để tiếp tục lấy ý kiến chứ Chính phủ chưa thể thông qua khi còn quá nhiều ý kiến khác nhau về bản dự thảo.

Tờ báo cũng cho biết thêm, Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam (viết tắt dưới đây: LHKHKT), một tổ chức của giới trí thức sẽ bị luật này điều chỉnh, còn trình Thủ tướng một bản dự thảo mới do chính các chuyên gia của họ soạn thảo sau... hơn một tuần làm việc với 6 chương, 58 điều, và cho rằng dự thảo này được hoan nghênh hơn là bản của Bộ Nội vụ sau 14 năm làm việc với « *khá nhiều tiền của ngân sách* » !

Dĩ nhiên, chỉ riêng sự hiện diện của một bản dự thảo

luật xin tạm gọi là « ngoài luồng » này đã là một sự « vi phạm » không thể chấp nhận được. Trong một buổi họp hôm 23.12, đại diện bộ Nội vụ cũng là tác giả dự luật, ông Sim – bài báo không nói rõ họ tên – đã phản ứng ngay khi biết LHKHKT có ý tưởng (chắc phải gọi là « dị giáo ») này : « Luật này không phải chỉ riêng Bộ Nội vụ đứng ra làm, mà Quốc hội giao Bộ Nội vụ chủ trì. Ban soạn thảo gồm 16 người, đến từ nhiều cơ quan khác nhau. Ý kiến nêu ra trong dự thảo là thống nhất ».

Phản ứng mạnh này khiến ông Phạm Tuấn Khải, phó Ban xây dựng pháp luật Văn phòng Chính phủ, phải đỡ lời : « Chúng ta đến đây không phải để bảo vệ dự thảo của ta mà là để nghe. Nếu luật nào cũng làm được thế này thì quá tốt. Về mặt khoa học, những góp ý này rất đúng tâm và đáng bàn. Quy định làm sao để có lợi cho dân, để cho dân thì nhất định làm ». Đại diện Ban Nghiên cứu của Thủ tướng, bà Phạm Chi Lan nói thẳng : « Tôi thích bản dự thảo của nhóm chuyên gia LHKHKT đưa ra hơn là của Bộ Nội vụ »...

Về phần mình, một quan chức thuộc Văn phòng Quốc hội, cho rằng việc đối tượng bị điều chỉnh đưa ra một dự thảo cạnh tranh là thuộc phạm vi một sự góp ý, còn ý kiến đó « có được tiếp thu hay không là chuyện khác », Quốc hội sẽ biểu quyết theo đa số...

Tạp chí Khoa học và Tổ quốc, cơ quan ngôn luận của LHKHKT, số ra ngày 25.11.2005, dành nhiều bài vở cho Luật về hội này. Trong bài xã luận, ông Chu Hào, tổng biên tập báo, nêu rõ cái cơ chế « vừa đá bóng vừa thổi còi » (bộ, ngành nào quản cái gì thì làm luật cho cái đó) khiến cho « luôn luôn có sự vênh khá lớn giữa ý kiến của những chủ thể là đối tượng điều chỉnh của Luật với ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước ». Theo ông, đánh giá chung của các thành viên LHKHKT đối với dự thảo (lần thứ 7) Luật về Hội vẫn là 1/ sự bất bình đẳng giữa các Hội được coi là « nòng cốt » (Công đoàn, Nông dân...) và các hội khác ; 2/ sự hành chính hoá công tác quản lý các hội ; 3/ sự can thiệp quá sâu của công quyền vào các hoạt động nghề nghiệp của các hội v.v. Ông cũng đề nghị Luật về Hội phải thể hiện triệt để ý tưởng của Điều 69 Hiến pháp năm 1992 : « Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí ; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật », và cho rằng « việc ban hành một Luật về Hội phù hợp với các thông lệ pháp lý quốc tế là nghĩa vụ của Nhà nước VN ».

Báo chí VN đã làm quen từ nhiều năm nay với thuật ngữ tiếng Anh « non-gouvernemental organisation » (viết tắt : NGO). Nhưng các tác giả của dự thảo Luật về Hội chưa được chính phủ thông qua kia hình như vẫn chỉ biết nói « No, gouvernemental organisation » ?

Phát hiện giữa Hoàng Thành một con thuyền cổ

« Khi đào móng làm hệ thống cầu dẫn vào Hoàng Thành, chúng tôi bất ngờ "đụng" phải xác một con thuyền cổ còn khá nguyên vẹn ở khá sâu dưới đất cùng với một mảnh mái chèo bị vỡ ». PGS, TS Tổng Trung Tín, phụ trách công trường khai quật 18 - Hoàng Diệu đã thông báo như vậy vào chiều ngày 16.1.2006 nhân dịp khánh thành khu nhà mái che di tích này (*).

Con thuyền cổ trở thành một trong những hiện vật đầu

tiên được trưng bày tại chỗ ngoài trời. Nhìn con thuyền gỗ đen thui, nằm chéch nghiêng 45 % (một nửa vẫn chìm dưới đất), nửa lộ ra dài khoảng 1,5m, rộng khoảng 1m người ta không khỏi kinh ngạc : Tại sao giữa Hoàng Thành lại có thuyền này ?

Ông Tín lý giải :

« Vị trí của con thuyền chính là cạnh của dòng sông cổ chảy xuyên qua khu vực Hoàng Thành. Con sông này khá rộng, hai bên bờ chúng tôi cũng đã tìm được dấu vết của những thân cây gỗ, đó chính là "đường giao thông" giữa các cung điện thời xưa, đồng thời cũng là nơi tiêu nước ».

Ông cho biết điều này trùng hợp với chi tiết chép trong sử cũ là vào đời Trần, có năm Hoàng Thành bị ngập nước, một vị trong hoàng tộc còn đi thuyền để tới các cung điện... (theo Đại Việt sử ký toàn thư).

Trả lời câu hỏi về việc bảo quản hiện vật mới khám phá được này, ông cho biết, do kinh phí bảo quản hiện vật bằng gỗ rất lớn, và về kỹ thuật phải nhờ các chuyên gia Nhật Bản, « chúng tôi tạm thời lấp cát lại, để tiếp tục làm cầu dẫn ở trên. Nhưng do đây là một hiện vật đặc biệt, một minh chứng sống động và hấp dẫn về cuộc sống trong Hoàng Thành xưa, nên chúng tôi trưng bày tại chỗ bằng cách đặt một tấm ảnh con thuyền y như thật (tỷ lệ 1:1) lên chính vị trí đó, rồi làm lồng kính bên trên và chiếu đèn ở dưới cho du khách có thể tham quan, bảo đảm không khác gì xem hiện vật thật ! ».

(*) Mái bao phủ 12.640 m² trên tổng diện tích 19.000 m² của khu di tích, gồm 1 mái che cho khu A, 1 mái cho khu B và 3 mái cho khu D. Theo yêu cầu của Viện KHCHVN, mái che phủ được toàn bộ di tích từ 2-3 năm, sau đó nếu cần sử dụng tiếp thì phải thay mới phần mái.

(Theo Thể thao & Văn hóa)

Chôn rom rạ già làm gia cầm !

Để nhận tiền hỗ trợ đền bù của nhà nước, hàng chục hộ dân ở thôn Đại Đồng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, Hà Nội cho rom rạ xuống hố chôn, và là tiêu huỷ gia cầm trong đợt dịch cúm cuối năm 2005. Theo báo cáo của UBND xã Đại Mạch, tổng số tiền 145 hộ gia đình trong xã kê khai để được nhận đền bù lên tới gần 4 tỉ đồng với số lượng gần 300.000 con gia cầm.

Vụ việc bị phát giác do tố cáo của người dân, ngày 5-1, đoàn phúc tra đã tiến hành khai quật 7 hố chôn tại 7 hộ gia đình là đảng viên và cán bộ thôn. Kết quả, cả 7 hố chôn đều thấy rất nhiều bao tải bên trong chứa rom, trấu !

Ngày 13.1.2006 công an huyện Đông Anh Bùi Quang Đồng đã khởi tố, bắt tạm giam 3 tháng 4 cán bộ trong tiểu ban tiêu huỷ gia cầm của thôn : trưởng ban thú y, trưởng tiểu ban tiêu huỷ gia cầm kiêm trưởng thôn, phó thôn và cán bộ thú y. Những cán bộ này đã xác nhận khống, tạo điều kiện những hộ dân được nhận tiền hỗ trợ đền bù của nhà nước. Cả 4 người bị khởi tố tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Trưởng công an huyện Đông Anh cho biết, các lực lượng chức năng đang tiếp tục làm rõ những người này được hưởng lợi gì trong phi vụ trên.

Câu chuyện trong bệnh viện và y tế Việt Nam

Nguyễn Duy Khiêm

Cuối năm 2005 tôi có dịp về Việt Nam thăm nhà và đi vài nơi thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Qua kinh nghiệm của những chuyến đi xa, lần này tôi trang bị cho mình cái notebook để ghi chép những gì mình thấy được, nghe được và cảm được. Trước là chia sẻ với bạn bè, sau là -- nói ra không biết có to tát lắm không -- là làm chứng từ thật về những thay đổi (tốt có, xấu có) trong xã hội Việt Nam đang vào những năm đầu thế kỉ 21 này. NDK.

Tôi có dịp vào thăm người thân đang nằm tại một bệnh viện lớn ở TPHCM, và vài lần ghé qua bệnh viện đem lại cho tôi nhiều cảm giác vui buồn lẫn lộn. Bệnh viện là một trung tâm y tế lớn nhất và hiện đại nhất ở miền Nam (hay cả Việt Nam), cho nên có rất nhiều bệnh nhân từ khắp cả tỉnh, phần lớn là các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, được điều trị tại đây. Bệnh viện lúc nào cũng quá tải. "Quá tải" ở đây phải hiểu là có nhiều bệnh nhân hơn số giường, cho nên hầu như khoa nào của bệnh viện cũng có bệnh nhân nằm ngoài hành lang; bất cứ phòng nào cũng có tình trạng hai bệnh nhân phải nằm chung một giường! Khoa thấp khớp có 65 giường, nhưng hầu như tháng nào cũng có ít nhất là 100 bệnh nhân nằm, phần lớn là những bệnh do lạm dụng thuốc corticosteroid. Có một bệnh nhân mà nhìn qua tấm phim X-quang khó mà nhận ra các đốt sống! Khoa ung bướu có vô số bệnh nhân nằm la liệt trong phòng và ngoài hành lang trông cực kì thảm hại.

Mà một bệnh nhân có nhiều thân nhân đến thăm nuôi, cho nên con số người trong bệnh viện lúc nào cũng đông nghẹt. Nhìn từ xa thấy toàn cảnh bệnh viện rất hỗn độn và ... dơ bẩn. Có khi khó nhận ra đây là một bệnh viện. Những ai, và nhất là bác sĩ, từng làm việc trong các bệnh viện ở các nước Tây phương có lẽ khó mà tưởng tượng một cảnh trạng như thế.

Tuy nhiên, bệnh viện cũng có những khu vực (hay "khoa") tương đối sạch sẽ hơn. Chẳng hạn như khu vực "Nội quốc tế", dành các quan chức cao cấp, các bệnh nhân có tiền (kể cả bệnh nhân nước ngoài - do đó có chữ "quốc tế" trong tên gọi). Khu này có thể nói là gần như đạt tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh: phòng ốc sạch sẽ, mỗi phòng đều có cầu tiêu thiết kế theo kiểu vừa là nơi làm vệ sinh cá nhân vừa là nơi tắm rửa, có ti-vi, tủ lạnh, v.v... Khu này còn có nhân viên làm vệ sinh hàng ngày, nên trông rất sạch sẽ. Tuy nhiên giá cả thì không rẻ chút nào: giá tiền phòng cho mỗi ngày là 300.000 đồng, còn tiền thuốc và chi phí điều tra (X-quang, MRI, CT scan, v.v...) là bệnh nhân phải trả thêm. Một MRI scan tốn khoảng 2 triệu đồng (tức trên dưới 200 đô-la Úc), một giá không rẻ hơn ở Úc chút nào. Người dân lao động có thu nhập thấp không thể nào có khả năng chịu nổi những khoản phí tổn khổng lồ này.

Có lẽ là trung tâm y tế chính của cả nước, nên bệnh viện được đầu tư khá dồi dào. Tất cả các máy X-quang, MRI, CT scan, DXA scan, v.v... đều có ở đây. Ngay cả cơ sở phân tích sinh hóa cũng rất tốt, nhất là trong điều kiện kinh tế ở Việt Nam như hiện nay. Ngoài ra, có một thay đổi tích cực trong bệnh viện, đó là cấm hút thuốc lá. Trước đây, thân nhân và bệnh nhân hút thuốc lá thoải mái, rất ư là phân y tế, nhưng nay thì điều lệ cấm hút thuốc lá trong và ngoài khung viên bệnh viện đã được ban hành và được chấp hành rất nghiêm chỉnh.

Nhưng việc đi lại trong bệnh viện, nhất là đối với bệnh nhân ở các tầng cao như tầng 8, 9, và 10, còn rất nhiều khê và khó khăn. Cứ mỗi lần ra ngoài bệnh viện và đi vào bệnh phải tốn ít nhất là 30 phút! Lí do đơn giản là có quá nhiều thân nhân đến thăm nuôi, mà bệnh viện chỉ có 2 thang máy dành cho họ, vì thế người ta phải ... sắp hàng mỗi khi vào bệnh viện. Có khi hàng người kéo dài cả trăm mét ngay trước cổng bệnh viện, và cảnh chen lấn nhau, dành đứng đầu (người Việt Nam ta vẫn chưa quen với khái niệm trước sau), và kẻ lạ móc túi cũng gây ra bao nhiêu là phiền phức và thảm cảnh cho thân nhân. Vì rất nhiều thân nhân, nhất là thân nhân từ các miền quê, chưa biết sử dụng thang máy điện cho nên bệnh viện phải mượn một đội "tài xế" mà việc làm chỉ đơn giản là ... lái thang máy. Mỗi khi vào thang máy, chỉ cần nói số lầu là "tài xế" bấm nút và quay lại đọc tờ báo đã nhào bét từ buổi sáng! Trong khi chỉ có 2 thang máy được dành cho thân nhân thăm nuôi, thì bệnh viện có đến 12 thang máy dành cho nhân viên và chuyên tải bệnh nhân! Tôi thật không hiểu nổi tại sao lại có một sự bất cân đối như thế.

Có hôm tôi đi lạc vào khu thang máy dành cho nhân viên, đang loay hoay tìm cầu thang, thì liền bị một giọng nói phía sau đây uy quyền: ông kia, đi đâu đây? Dạ, tôi đi thăm nuôi. Thăm nuôi đâu đây, ngoài kia kìa, đứng sắp hàng ở đó đó. Anh nhân viên bảo vệ ra lệnh cho tôi. Mới số rờ sắp hàng, liền bị một anh bảo vệ khác gọi giật lại: ông kia, có cái gì trên vai vậy? Dạ, máy chụp hình. Hà, ông ăn cắp ở đâu vậy, trả cho người ta đi! Anh ta nói giữa thanh thiên bạch nhật như thế, và hàng trăm ánh mắt tò mò nhìn sang tôi. Vừa nói, anh vừa ra lệnh tôi cởi áo ngoài để anh ta xem cái máy chụp hình. Tôi dứt khoát không rời cái máy Nikon yêu quý của tôi, và khẳng định tôi là thân chủ của nó. Có lẽ thấy thái độ "giữ của" của tôi quá kiên quyết, nên anh ta hỏi: Ông đi đâu. Dạ tôi đã nói là đi thăm thân nhân trên lầu 10. Hà, lầu 10? Dạ. Anh ta quét mấy cái nhìn nghề nghiệp vào tôi và sau vài giây suy nghĩ, anh cho tôi vào thang máy. Ôi, thật là hú hồn một phen!

Thật ra hành động của anh bảo vệ cũng không phải là quá đáng, bởi vì nạn ăn trộm tại các bệnh viện lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay phải nói là đến độ nguy hiểm. Lợi dụng đám đông và tình trạng bệnh của bệnh nhân, có rất nhiều kẻ gian len lỏi vào bệnh viện để ăn cắp đồ đạc và tiền bạc của bệnh nhân hay của thân nhân bệnh nhân. Hầu như bệnh viện nào cũng có những biển như "Đề phòng trộm cắp", "Coi chừng móc túi". Có nơi còn cho phát thanh thường xuyên cảnh báo bệnh nhân và thân nhân về nạn ăn trộm và móc túi. Mà xem ra công an chưa có biện pháp gì để ngăn chặn tệ nạn này.

Thái độ của nhân viên bệnh viện, đặc biệt là y tá và hộ lí, ở bệnh viện này chỉ có thể mô tả bằng một danh từ: hống hách. Tôi có cảm giác là họ chẳng biết hay chẳng hiểu khái niệm phục vụ bệnh nhân có nghĩa gì. Câu chuyện và kinh nghiệm của tôi cũng đáng suy ngẫm về thái độ này. Hôm đó, tôi chuẩn bị thủ tục cho thân nhân xuất viện, và phát hiện tên của thân nhân tôi đã bị thay đổi chỉ với một dấu nặng. Tôi phàn nàn rằng cả hai tháng mà chẳng ai sửa lại tên bệnh nhân cho chính xác. Thay vì nói một lời xin lỗi, cô y tá nhìn tôi khinh khỉnh nói: Ôi, có cái tên mà làm gì phải nghiêm trọng vậy. Tôi cãi lại rằng nghiêm trọng chứ, vì nó biểu hiện thái độ coi thường bệnh nhân và cách làm việc cầu thả, ngay cả cái tên mà còn không viết đúng thì còn sai sót gì khác nữa đây.

Hôm xuất viện, một cô y tá, chẳng cần báo trước, xông vào phòng bệnh nhân, nói là đòi kiểm tra xem có mất gì không. Tôi thấy thái độ hách dịch và cách dùng chữ “mất” của tôi, nên không ngăn được một lời cảnh cáo: Thừa chị, tôi cảm thấy xúc phạm khi chị dùng chữ “mất”; thân nhân tôi đến đây để chữa bệnh, chứ không phải để ăn cắp của ai cả. Cô y tá quét một ánh mắt sáng ngời và khinh khi nói rằng: Đây là qui định, tôi phải kiểm tra. Dạ thưa chị, không ai không cho chị kiểm tra, tôi chỉ không chấp nhận chữ “mất”, và tôi nghĩ chị nợ chúng tôi một lời xin lỗi. Cô ta quay lưng bỏ đi, cũng như khi cô vào phòng, chẳng có một lời nói từ biệt chứ nói gì đến xin lỗi.

Do có đồng nghiệp làm việc ở đây, tôi có dịp ghé thăm vài khoa trong bệnh viện, tôi phải nói rất nhiều y tá ở đây thật khó ưa. Họ nói chuyện với bệnh nhân như là người chủ nói chuyện với người ở, và thái độ của họ thì hống hách, đe dọa, miệt thị đến độ có thể nói là vô giáo dục. Tôi thấy rất ít y tá có lời nói dịu dàng với bệnh nhân. Trước những quát mắng, bệnh nhân và thân nhân chỉ biết nhẫn nhục chịu đựng, nhẫn nhục cuối đầu thấp, y như là thân dân phủ phục trước bệ rồng của vua.

Người y tá phục vụ đã trở thành quan chức được phục vụ. Thật vậy, những thói những nhiễu, vòi vĩnh tiền bạc từ bệnh nhân xảy ra hàng ngày. Đi qua một vòng các giường bệnh và hỏi thăm thân nhân, tôi có thể nói 100 % thân nhân đều thường xuyên cung phụng các y tá trực phòng để được yên thân. Hình thức có thể là quà cáp, trái cây, tiền bạc. Thành ra, không một ai ở bệnh viện cảm thấy thoải mái cả. Bệnh nhân, ngoài căn bệnh ra, lúc nào cũng ám ảnh với những “ma” đang trực chờ lừa đảo, ăn trộm, và sợ những y tá vào la mắng, thành ra không lúc nào cảm thấy yên thân, chứ nói gì đến yên tâm. Có người cho rằng nằm bệnh viện là một cực hình, xem bệnh viện là một nhà tù, thậm chí đối với vài người nằm bệnh viện là một địa ngục ở trần gian.

Người ta nói nhiều đến vấn đề giáo dục, nhưng tôi cho rằng y tế cũng là một trong những vấn đề nổi cộm và nghiêm trọng nhất ở Việt Nam. Thiếu bệnh viện là một cái khó khăn triển miên, muôn thuở. Thiếu thốn phương tiện điều trị và chẩn đoán cũng là vấn đề đau đầu cho bác sĩ. Nhưng có lẽ cái thiếu thốn đau lòng nhất, nhức nhối nhất và nguy hiểm nhất trong ngành y tế hiện nay là hiện tượng vô cảm, là vấn đề y đức của giới y tế, kể cả bác sĩ và y tá. Những thái độ hách dịch, những hành vi xem bệnh

nhân như là người hưởng ân huệ, những trò “chuyên bóng” bệnh nhân để làm tiền xảy ra hầu như hàng ngày đến độ xã hội xem đó là chuyện thường tình.

Có thể nói hệ thống y tế Việt Nam hiện nay đang giết chết người dân. Ngày nay, người dân không bị bệnh truyền nhiễm, mà những bệnh liên quan đến ăn uống và thừa thải thực phẩm, và việc điều trị thường quá khả năng tài chính của bệnh nhân. Những bệnh thường hay gặp nhất ở nông thôn ngày nay là: cao huyết áp, tiểu đường, khớp xương, tim mạch và tai biến mạch máu não. Mỗi lần đi khám bệnh, chi phí bác sĩ thì không bao nhiêu, nhưng cái toa thuốc kèm theo mới làm cho nhiều gia đình điêu đứng, méo mặt. Một bệnh nhân tiểu đường, mỗi lần đi khám bác sĩ đều có một toa thuốc trị giá 600.000 đồng có thể dùng trong vòng 1 tháng. Đó là chưa kể các dịch vụ thử nghiệm khác, cũng tốn khoảng 100.000 đồng một lần, có khi lên đến cả triệu đồng. Một người nông dân làm trung bình một ngày chỉ 20.000 đến 30.000 đồng thì lấy đâu để trang trải toa thuốc này?

Chính phủ chẳng có tài trợ gì, người dân phải tự lo liệu lấy. Nếu người dân bị bệnh và không có tiền thì phải làm gì? Chờ chết. Cuộc sống thiếu thốn sản sinh ra nhiều thảm cảnh. Vài ba câu chuyện thương tâm xảy ra trong làng tôi. Bà X bị bệnh đau khớp xương, và qua biết bao lần chữa trị không hết, mà tiền thì cứ cạn dần. Đến lúc mợ thấy không muốn làm phiền và hao tổn con cái nữa, bà quyết định treo cổ tự tử chết. Một người Khmer ngày xưa (trước 1975) có khoảng 20 công ruộng; sau 1975 cũng còn nguyên vẹn, vì gia đình có 5 con. Mấy đứa con đều có gia đình và chúng ra ở riêng, chỉ còn một mình bà ở trong căn nhà lá đơn sơ. Vài năm trước đây, bà bị bệnh khớp xương, nghe nói là đau đốn lăm; bà cố gắng chịu đau, không chịu mua thuốc uống, vì thuốc đắt đỏ quá. Đến khi cơn đau lên cao, bà tự tử bằng cách lấy dao tự cắt cổ mình. Vì nghèo quá, nghèo đến nỗi không có tiền mua hòm để liệm. Hàng xóm phải góp tiền để mua cho bà một cái hòm để hỏa táng.

Các tổ chức y tế quốc tế một mặt ca ngợi thành tựu của ngành y tế Việt Nam, mặt khác họ cảnh báo rằng tình trạng thiếu công bằng trong chăm sóc sức khỏe cho người dân đứng vào hạng những nước tệ nhất thế giới (hạng 187 trong số 191 nước).

Trước những bức xúc như thế, người đứng đầu ngành y tế Việt Nam nghĩ gì? Đề cập đến chất vấn của các đại biểu về vấn đề y đức và nạn những nhiễu bệnh nhân, bà Trần Thị Trung Chiến (nghe đâu mang hàm phó giáo sư tiến sĩ) chẳng những không trả lời được mà còn than vãn xin được ... thông cảm: *“Nghề nào thì cũng cần đạo đức nhưng y đức của ngành y tế được đặt ra nặng hơn. Mọi người cũng phải thông cảm cho, hiện nay nhiều bệnh viện quá tải, cầu vượt quá cung. Một buổi chiều khám 100 người bệnh, bác sĩ còn đầu vui vẻ.”* Còn trước tình trạng thiếu bệnh viện và cơ sở vật chất trong ngành y tế, bà bộ trưởng cũng tỏ ra ... bó tay: *“Có những bệnh viện không mổ được một ca ruột thừa ... Tôi đã thiết tha nhiều lần để nghị đầu tư cho ngành y tế. Phải có kinh phí, nếu không Quốc hội hỏi tôi, chất vấn thế này, tôi không làm sao giải thích được.”* Nghe người đứng đầu ngành y tế của cả nước nói như thế, người dân còn gì là hi vọng?

Nguyễn Duy Khiêm

NGUYỄN QUANG

TỔNG THỐNG CHILÊ

Thế là Chilê đã bầu ra một nữ tổng thống, thuộc đảng xã hội. Tại vòng nhì của cuộc bỏ phiếu, bà Michelle Bachelet, ứng viên của liên minh trung-tả (tập hợp các đảng dân chủ Kitô giáo, cấp tiến và xã hội, không có cộng sản) đã thắng ứng viên phái hữu Sebastian Piñera với tỉ số 53,5% - 46,5%. Đây là một thắng lợi không thể chối cãi, không thiếu người coi đó là một thắng lợi « hai lần lịch sử » bởi vì tổng thống mới là một phụ nữ (Chilê là một nước công giáo và « macho », trọng nam khinh nữ) thuộc đảng xã hội (tại một nước mà tổng thống Salvador Allende đã bị Augusto Pinochet lật đổ), nhưng không nên nhầm viển cảnh. Trước tiên, phải nói bà Bachelet không phải là phụ nữ đầu tiên lên làm tổng thống ở Châu Mỹ Latinh : trước đó đã có Evita Peron (Argentina, 1974-75), Lydia Gueiler (Bolivia, 1979-80), Violeta Chamorro (Nicaragua, 1990-97), Mireya Moscoso (Panama, 1999-2004)... Cũng không phải lần đầu phe tả trở lại chính quyền ở Santiago : từ năm 1990 trở đi, khi chế độ dân chủ được tái lập ở Chilê, liên minh trung-tả « Concertation » đã liên tiếp thắng cử tổng thống, và ông Ricardo Lagos, tổng thống đương nhiệm, cũng là đảng viên xã hội.

Một thắng lợi nhiều chiều kích

Năm 2000, bóng đen của tên độc tài Pinochet đã bao trùm cuộc tranh cử giữa ứng viên Joaquín Lavín (phe hữu, ủng hộ Pinochet) và Ricardo Lagos, với tỉ số xấp xỉ 48,7 - 51,3 %. Người ta có thể chờ đợi lần này cũng thế vì nhân cách và nhân thân của bà Michelle Bachelet (cha của bà là một tướng không quân trung thành với chính quyền hợp hiến S. Allende, đã bị chế độ Pinochet tra tấn đến chết ; bản thân bà Bachelet và mẹ đã bị giam tù trước khi sống lưu vong ở Âu Châu). Nhưng cuộc tranh cử đã diễn ra suôn sẻ. Rất có ý nghĩa là trong vòng đầu, Joaquín Lavín đã bị loại, nhường chỗ cho Sebastian Piñera, một doanh nhân đa triệu phú, đại diện cho phái hữu doanh nghiệp, tức là xu hướng « hiện đại » của phái hữu, chấp nhận trở lại truyền thống dân chủ đã bị cuộc đảo chính năm 1973 làm gián đoạn. Cũng rất có ý nghĩa là việc Chilê là một nước mà tỉ số giáo dân lên tới 70 %, quyền li dị mới được ban hành cách đây 2 năm, phụ nữ phá thai (dù vì lí do sức khoẻ) là phạm pháp, Giáo hội và tổ chức phản động Opus Dei không ngần ngại can thiệp vào đời sống chính trị, vậy mà đa số cử tri đã bỏ phiếu tín nhiệm « con gái của Quỷ dữ », ba lần tội trọng : đảng viên xã hội, vô thần và « không chồng mà có con ». Con đường « trường chinh » của xã hội dân sự Chilê « sau Pinochet », từng bước thoát ra khỏi vòng kiểm soát của « grom giáo và que vẩy nước thánh », biểu tượng của quân phiệt và thần quyền, giống hệt quá trình mà

Tây Ban Nha đã kinh qua sau cái chết của Franco. Giai đoạn đầu là một nền dân chủ còn bị « ám quẻ », kí ức tập thể bị giam hãm, trong khuôn khổ những định chế thừa kế từ chế độ độc tài : hiến pháp vẫn hiến pháp năm 1980, « viết bằng lưỡi lê », cho phép quân đội can dự vào quá trình chuyển tiếp dân chủ, bọn tra tấn được miễn tố khi trở thành « thượng nghị sĩ chung thân »... Nhưng rồi biên giới mở cửa, sự trao đổi với thế giới bên ngoài, từng bước dân chủ hoá, tóm lại là quá trình bình thường hoá (hiểu theo nghĩa tốt đẹp của từ này) đã làm xói mòn một cách tất yếu quyền lực tàng ẩn của chế độ độc tài : biểu hiện rõ ràng nhất là vụ Pinochet bị bắt năm 1998 ở London. Không có vua (hay nói như phương Tây : vua đã cỡi truồng), người ta có thể quyết toán thanh lí những năm tháng đen tối : kí ức tập thể được giải phóng, người ta thảo luận công khai về những tội ác của chế độ độc tài quân sự, ngôn từ của phái tả tìm lại được tính chính đáng của nó... Quá trình « giải Pinochet hoá » đã tăng tốc dưới nhiệm kì tổng thống Ricardo Lagos, với hai đỉnh cao là : phục hồi danh dự của Salvador Allende (năm 2003, kỉ niệm lần thứ 30 ngày đảo chính) và huỷ bỏ Hiến pháp 1980 (năm 2005). Sự thắng cử của bà Michelle Bachelet đã vĩnh viễn khép lại trang Pinochet của lịch sử Chilê. Bàn cờ chính trị Chilê vẫn chia làm hai phe quy mô ngang nhau, nhưng có nước dân chủ nào không như vậy ? Điều quan yếu là sự phân cực ấy không đe dọa trở thành đoạn tuyệt (bùng nổ cách mạng hay đảo chính) mà vận hành trên cơ sở những lựa chọn về tổ chức xã hội, về dự án chính trị. Như vậy là sau giai đoạn chuyển tiếp kéo dài một phần tư thế kỉ, chế độ « dân chủ chưa hoàn tất » năm 1980 đã trở thành một nền dân chủ an bài. Đó là bài học quan trọng nhất có thể rút ra, đứng ở góc độ Chilê.

Nhìn từ bên ngoài, ắt có người muốn nhấn mạnh tới một kích thước nữa : thắng lợi của phe tả Chilê nằm trong xu thế « tả hoá » ở Châu Mỹ Latinh từ năm 2002 đến nay. Nhìn từ xa, xu hướng này rất « ấn tượng » : « Lula » thắng cử ở Brasil, Kirchner ở Argentina, Vazquez ở Uruguay, Chavez ở Venezuela, Morales ở Bolivia, và có thể, sắp tới (năm 2006), Lopez Obrador sẽ thắng phiếu ở Mexico và Daniel Ortega (thủ lĩnh đảng Sandinista) ở Nicaragua. Thời chủ thuyết Monroe còn hưng thịnh, thì « đọt sóng hồng » (hay « đỏ ») này sẽ bị ngăn chặn ngay từ đầu : cuộc đảo chính năm 1973 ở Chilê là bằng chứng. Vậy ngày nay chú Sam đang làm gì đây ? Trong bầu không khí « chống gringo » chưa từng thấy (phát sinh từ những tệ hại của « chủ nghĩa đơn phương »), các chính quyền « latino » đua nhau tung chường khiêu khích và cự tuyệt mà chẳng thấy « sen đầm » Washington nhúc nhích gì. Trong diễn văn nhậm chức, tổng thống Bolivia Morales hô to : « Vạn tuế coca, đá đảo đế quốc Mĩ ! ». Chavez thì bán dầu với giá rẻ cho người Mĩ nghèo khó. Tổ chức các nước Châu Mỹ (OAS) đã cử vào chức tổng thư kí một người Chilê thuộc đảng xã hội và loại trừ ứng viên của Hoa Kỳ. Tổ chức này còn từ chối, không cho Hoa Kỳ quy chế quan sát viên tại hội nghị cấp cao của các nước Nam Mỹ và các nước Ả rập. Sự án binh bất động này của Washington, không biết vì bất lực (Mĩ đã từng giật dây những cuộc xuống đường chống Chavez không thành công) hay bắt tài (3/4 quan

chức phụ trách quan hệ với châu Mỹ Latinh trong chính quyền Bush là người Mỹ gốc Cuba, chẳng hiểu gì về tình hình Nam Mỹ hiện nay). Song, ngược lại, sẽ là một sai lầm lớn nếu ta xếp chung là «phái tả» những nước đã trải qua những quá trình chính trị rất khác nhau. Những thủ lĩnh «dân túy» kiểu Chavez và Morales thoai mái hô hào «chống đế quốc» và chủ trương «toàn cầu hoá kiểu khác» (altermondialisme), còn những quốc trưởng khác, không phải hạng xoàng (Kirchner, Lula, Lagos và nay, bà Bachelet), tỏ ra rất cẩn trọng. Trường hợp tổng thống Brasil rất tiêu biểu : tầng lớp dân nghèo khó đã đặt nhiều – quá nhiều – kì vọng ở Lula, nhưng Lula phải đùng đùng vào những «thực tại» khá bướng bỉnh, đặc biệt khi ông muốn tiến hành cuộc cải cách ruộng đất. Trên thực tế, đứng về mặt kinh tế – xã hội, các nước lớn Nam Mỹ (và cả những nước nhỏ) đều chấp hành «đồng thuận Washington», nghĩa là chủ trương đòi hỏi phải nghiêm ngặt về ngân sách, tư hữu hoá toàn diện và mở toang biên giới trong mậu dịch. Các nước này chấp nhận «đồng thuận Washington» không chỉ đơn thuần vì thời thế bắt buộc hay vì muốn đạt hiệu quả, mà thực chất là họ chấp nhận các tiên đề của chủ nghĩa liberal về kinh tế, nếu có cò kè là bớt một thêm hai về phương thức áp dụng mà thôi. Đó là một quan niệm dân-xã có thể. Vậy ta hãy xem nó có thể áp dụng vào hoàn cảnh Chilê hay chăng.

Biệt lệ Chilê

Liên minh trung-tả Chilê đã thắng phiếu trong tất cả các cuộc tranh cử tổng thống từ năm 1990 đến nay, và năm ngoái, nó nắm luôn đa số ở lưỡng viện. Cho nên họ đã để dấu ấn lên diễn tiến tình hình gần đây và có thể nói rằng chính sách kinh tế (thành công) của họ đã thể hiện triết lí chính trị trung-tả. Chilê xứng đáng được chỗ cao trên bảng xếp hạng của các cơ quan quốc tế. Nói tới Chilê, các nhà kinh tế học thường gọi đó là «biệt lệ» vì những thành tựu khác thường của Chilê giữa một lục địa đang khủng hoảng và suy thoái triền miên : lạm phát khiêm nhường (dưới 3%), tài chính công cộng lành mạnh (nợ 38 tỉ USD, dự trữ 16 tỉ USD), ngoại thương mạnh (khoảng một nửa GDP), tăng trưởng đều đặn (từ 2 đến 5%), tham nhũng tương đối thấp (so với nạn tham nhũng tràn lan ở thế giới thứ ba)... Nhờ đâu mà nền kinh tế Chilê khoẻ khoắn như vậy ? Jorge Rodriguez, bộ trưởng kinh tế và năng lượng, không ngần ngại nói toạc móng heo : «Trước tiên, là vì đất nước chúng tôi hướng về thị trường». Khách quan mà xét, phải thừa nhận rằng biệt lệ Chilê có được là nhờ chủ nghĩa liberal, rằng thành tựu kinh tế vĩ mô của Chilê xuất phát từ hệ thống mở cửa và giải lệ mà những đồ đệ người Chilê (Sergio de Castro, Hernan Büchi) của Milton Friedman đã triển khai ngay dưới thời độc tài quân sự. Dựa vào khủng bố chính trị, nhóm «Chicago Boys» đã thực hiện, không khoan nhượng, một mô hình liberal cực đoan dựa trên tự do giá cả, mở cửa mậu dịch cho cạnh tranh quốc tế, ưu tiên xuất khẩu và nhất là một quá trình tư hữu hoá triệt để, kể cả hệ thống y tế và hưu bổng, cũng như hầu như toàn bộ các dịch vụ công cộng. Trong cuốn sách về chế độ Pinochet được coi là tác phẩm tham khảo chính, nhà sử học Carlos Huneeus cho rằng những

cải cách thẳng thừng này «*đã biến đổi một cách triệt để cơ cấu sản xuất của đất nước và [...] tạo điều kiện cho sự tăng trưởng*» (*). Ngay cả những người không thuộc phái liberal chính thống, chẳng hạn Oscar Landerretche, giám đốc «Fundacion Chile 21» (cơ quan «động não» của Đảng xã hội), hay Joseph Stiglitz, giải Nobel kinh tế, người được phong trào «altermondialisme» ưa thích, cũng buộc phải thừa nhận rằng biệt lệ Chilê dựa trên cái «đế» kinh tế vĩ mô thừa hưởng từ chế độ độc tài, rằng «đặc điểm của sự đổi thay chế độ [tái lập dân chủ] là biến đổi cấu trúc chính trị một cách sâu sắc song song với sự liên tục của hệ thống kinh tế, điều đó có nghĩa là hệ thống kinh tế rất hữu hiệu». Có chăng họ chỉ nhấn mạnh rằng nền kinh tế chỉ thực sự cất cánh và khởi đầu tư chi thực sự bùng nổ vào cuối thập niên 80, nghĩa là sau khi chế độ dân chủ đã được củng cố (O. Landerretche), hoặc chủ nghĩa liberal ở Chilê đi kèm với sự điều tiết ở mức nhất định (J. Stiglitz), thí dụ như vẫn giữ Codelco (Tập đoàn quốc gia khai thác đồng) trong khu vực quốc doanh, lợi nhuận xuất khẩu đồng được cho vào quỹ ổn định những cú sốc kinh tế đến từ bên ngoài, hoặc thuế «encaje» là một loại thuế nặng, đánh vào những đầu tư có tính chất đầu cơ (người Chilê gọi là «tư bản én liệng»).

Cũng phải nói thêm rằng những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tự chúng không đủ để phản ánh tình trạng phát triển, chúng thường che giấu một hiện thực xã hội không mấy phấn khởi. Chilê là một trong những nước bất bình đẳng nhất trên thế giới : 56% thu nhập quốc dân nằm trong tay của 20% dân số ; đại bộ phận các xí nghiệp lớn thuộc về 1% tài phiệt và các nhà đầu tư ngoại quốc ; 20% người dân Chilê sống dưới mức nghèo khó (2 USD/ngày), mặc dầu tỉ số người nghèo đã giảm đi một nửa từ ngày tái lập dân chủ ; tỉ số thất nghiệp lên tới 8% trong một nước mà sự bảo hộ xã hội đã bị tư hữu hoá toàn bộ ; những khu vực cốt yếu như giáo dục và y tế từ nay vận hành theo «hai tốc độ» như ở Hoa Kỳ, tùy theo chúng nằm trong công sở hay thuộc về tư nhân ; hầu như tất cả các dịch vụ công cộng đã bị tư hữu hoá, đặc biệt trong năng lượng và vận tải, đè nặng lên cuộc sống của người nghèo (vé xe buýt ở Santiago là 400 pesos, trong khi lương tháng tối thiểu là 100.000 pesos, tức là khoảng 200 €). Cho nên, ta hiểu tại sao bà tổng thống mới đã cam kết trước tiên là cải thiện chế độ lương hưu, chế độ y tế và giáo dục. Cũng cần nói là thương hiệu «phái tả» phải được sử dụng một cách hết sức thận trọng, bởi vì theo ngôn ngữ chính trị thông thường của châu Âu, «biệt lệ Chilê» nằm ở bên hữu lập trường «dân chủ xã hội», đại khái là «liberal xã hội». Cũng như những «ngôi sao mới» của chính trường Nam Mỹ (Chavez, Morales), không nên xếp «La Bachelet» là «khuyh tả», mà có lẽ nên gọi là... «khó tả». Sự xuất hiện của phong trào Zapatista ở Mexico năm 94, cuộc khủng hoảng năm 2001 ở Argentina với khuôn mặt nổi bật của các tầng lớp nghèo khổ chứng tỏ «làm chính trị một cách khác» trở thành bức thiết.

Nguyễn Quang

(*) Carlos Huneeus : *El Regimen de Pinochet*, Editorial Sud-americana, 2001.

Sổ Tay

Nguyện cầu cho một người Mỹ

“Hugh Thompson, người ngăn chặn cuộc thảm sát Mỹ Lai (Son Mỹ) ngày 16/3/1968 đã qua đời ngày 6/1/2006 ở tuổi 62”. Tôi sững sốt khi đọc dòng tin này trên BBC. Sao anh từ bỏ cái thế giới đầy những tranh đấu giữa Thiện-Ác này vợ và thế, Thompson ?

Tôi nhớ lần đầu được gặp Hugh Thompson và Larry Coburn khi hai anh về thăm lại Son Mỹ cách đây đã 8 năm. Và lần gặp thứ hai, vẫn với hai anh, cũng cách nay tròn 5 năm. Son Mỹ -- hay còn gọi là Mỹ Lai -- đã là một phần cuộc đời Thompson, và có thể là phần quan trọng nhất. Trong buổi sáng ngày 16/3/1968 cách đây tròn 38 năm, khi những lính Mỹ đồng đội của Thompson và Coburn đang điên cuồng xả súng sát hại những thường dân Son Mỹ thì chiếc trực thăng do Thompson làm cơ trưởng đã dừng cảm đến mức khó tin khi hạ cánh trước mũi súng những “đồng đội” và bất chấp hiểm nguy từ chính “người của mình” có thể gây ra, các anh đã cứu được hơn 10 người dân Son Mỹ thoát khỏi cái chết mười mười. Chính Thompson lúc ấy đã hạ lệnh cho xạ thủ súng máy Andreota sẵn sàng xả súng vào “đồng đội” của mình nếu họ không chịu dừng tay tàn sát dân thường. Hai lần hạ cánh cứu người, chiếc trực thăng của Thompson đã làm một việc mà trong chiến tranh chưa từng xảy ra : sẵn sàng đối đầu đối mạng với chính những đồng đội của mình để cứu người của “phía bên kia”. Những người dân Son Mỹ được phi hành đoàn Thompson giải thoát hầu hết bây giờ vẫn còn sống, và họ không bao giờ quên ơn cứu mạng của “ba người Mỹ tốt” mà người Mỹ to lớn nhất, tốt nhất chính là cơ trưởng Thompson. Trở về Mỹ từ cuộc chiến VN, Thompson và Coburn (Andreota đã chết ba tuần sau phi vụ cứu người ở Son Mỹ) đã bị giới quân sự phối với chính quyền Mỹ “trù dập” và “vùi vào im lặng” suốt gần ba chục năm. Mãi cho tới trước lễ kỷ niệm 30 năm vụ thảm sát Son Mỹ, hai ông mới được sang VN để gặp gỡ những người mình đã từng cứu mạng. Cuộc gặp ấy diễn ra vô cùng cảm động, đã được hàng mấy chục hãng thông tấn và truyền hình khắp thế giới đưa tin. Tôi cũng là một trong những nhà báo có may mắn tiếp xúc với Thompson, Coburn và viết hàng loạt bài trên Báo Thanh Niên về sự kiện đầy xúc cảm ấy. Năm 2001, hai ông Thompson và Coburn lại về Son Mỹ và ở lần trở lại này, họ đã gặp Đỗ Ba (còn gọi là Đỗ Hoà) -- cậu bé mà họ đã cứu sống từ đống xác người bên một dòng mương cạn trong ngày định mệnh 16/3/1968. Tôi nhớ, trong lần trở lại ấy, Thompson dẫn theo người vợ bé nhỏ của mình (rất bé nhỏ nếu so với ông) còn Coburn thì dẫn đứa con trai mới 9 tuổi. Họ muốn những người thân yêu nhất của mình ôm chặt người thanh niên Đỗ Ba đang sống khoẻ mạnh để cảm nhận hết chiều sâu của ân phúc được sống trên cõi đời còn biết bao lầm lạc đau đớn này. Và cũng để xác nhận lại một điều : lương tâm, lòng tốt, sự can đảm chân chính không hề mất ở những con người “thật là người” dù họ ở chiến tuyến nào. Thompson là một con người “thật là người”, và anh có thể

tự hào về điều đó. Nhưng Thompson hay Coburn mà tôi biết là những con người rất khiêm nhường và rất nhạy cảm. Tôi không bao giờ quên hình ảnh hai anh ôm chặt những đứa trẻ Son Mỹ hôm nay trong lòng, và những giọt nước mắt nhân hậu của hai anh đã chảy xuống mảnh đất Son Mỹ nhiều đau thương của chúng tôi. Những người tốt sao ra đi vội vã thế ? Tôi biết, Thompson như thổ lộ của chính anh từ 5 năm trước, muốn làm rất nhiều để Mỹ Lai (Son Mỹ) thực sự hồi sinh, để những vết thương giữa hai dân tộc Việt-Mỹ thực sự lên da non. Cuộc đời này vẫn còn quá nhiều việc cho những người lương thiện. Xin một lần gửi khúc nguyện cầu như tiếng đàn violon của một “người Mỹ tốt” khác là Mike Boehm đến hương hồn “người Mỹ tốt” Hugh Thompson. Cầu mong anh yên nghỉ !

Thanh Thảo

CD, ĐC...

Vào những ngày đầu năm dương lịch 2006, giáp tết Bính Tuất, thời sự Việt Nam dường như được viết nhiều bằng hai chữ cái C và Đ.

C và Đ, Đ và C như **đình công** và **công đoàn**. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận và bảo đảm quyền đình công “theo pháp luật quy định”. Theo pháp luật hiện hành, đình công chỉ “hợp pháp” khi do công đoàn đề xướng. Mà từ mấy ba chục năm qua, công đoàn chưa bao giờ quyết định đình công cả. Tất cả các cuộc đình công, gần đây nhất là vụ đình công của mấy vạn công nhân ở các xí nghiệp hợp doanh hay của tư bản nước ngoài, đều là tự phát và như vậy là phi pháp. Trả lời phỏng vấn của báo mạng vn-express, bà Cù Thị Hậu, chủ tịch Tổng công đoàn VN, đã trả lời khá thật thà : “...*chủ tịch công đoàn cơ sở (ở) dưới quyền ông chủ, cũng là làm thuê, ăn lương của ông chủ. Bây giờ đứng ra lãnh đạo đình công thì tất nhiên họ sẽ bị chủ sa thải, mất việc làm (...) ở cơ sở có đảng bộ, công đoàn lãnh đạo công nhân thì phải xin ý kiến của Đảng. Đảng liệu có đồng ý?*”. Chỉ vài câu, bà Hậu đã cho ta hiểu thế nào là công đoàn vàng, và tại sao từ 150 năm nay, công nhân đã phải lập ra công đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình (chứ không phải để xin ý kiến “đảng”).

C và Đ như **cá độ**. Sau vụ xi-căng-đan nhỏ tí của cầu thủ và liên đoàn bóng đá VN là mạng lưới cá độ “quốc tế” do một công an Việt Nam tổ chức, với khách hàng là những “đại gia”, cá độ những trận giao tranh bóng đá quốc tế. Một trong những “đại gia” ấy là một ông tổng giám đốc chương trình PMU 18 của bộ giao thông vận tải. Ông Bùi Tiến Dũng này đánh cuộc mỗi lần khoảng từ 100 000 đến 300 000 đô, năm ngoái, có tháng, ông cá độ tổng cộng 1,8 triệu đô, tức là 27 tỉ đồng, bằng 3000 năm lương tối thiểu của những người công nhân đang đợi phép đình công nói trên.

Ở công vào các chùa chiền hiện nay, ngoài hương hoa, kinh sách, tranh tượng Phật, người ta cũng hay bán những chữ nho đại tự. Chữ bán chạy nhất hình như không phải chữ **Tâm**, mà là chữ **Nhẫn** (chữ **Tâm** viết dưới chữ **Đạo** : trái tim chịu con dao đâm xuống). Hình như người ta muốn tự nhủ : phải biết Nhẫn. Mỗi lần về nước, tôi thường bị ám ảnh bởi chữ Nhẫn này và bởi chương trình bóng đá chiếu gần như 24g trên 24g trên một kênh truyền hình. Xem bóng đá và nhẫn.

Tết năm nay, chữ **Nhẫn** chắc còn bán chạy hơn. Nhưng sang năm, sang năm nữa ?

Phong Quang

Nguyễn Dư

Chó thật, chó đá, chó rom



Chó là con vật sống rất gần gũi người. Sương khổ như người.

So với chó nhiều nước thì chó Việt Nam chưa được xếp vào hạng được ăn ngon mặc đẹp. Tuy vậy, chó Việt Nam có thể hãnh diện về mặt huyết thống của mình.

Ta có ít nhất là ba giống chó. Ngoài chó thật biết gâu gâu, ta còn có chó đá trơ trơ và chó rom im thin thít... Mỗi giống một vẻ, mùi phân gần gần vẹn mùi.

Số phận con chó bằng xương bằng thịt thì ai cũng đã biết. Thật đáng thương.

Ăn thì bữa đói bữa no. Làm thì chẳng từ chuyện gì. Dọn cho thàng cu, liếm cho cái đĩ mỗi lần chúng bậy ra nhà. Nào là canh trộm ban đêm, canh người lạ ban ngày.

Thế mà còn bị... chụp mũ. Mất mạng như chơi.

Một người cưỡi ngựa đi đến đầu làng kia, có con chó đang ngủ giữa đường, bỗng giật mình thức dậy, đuổi theo con ngựa, sủa cắn mãi, làm cho con ngựa sợ, chạy lồng lên.

Người cưỡi ngựa tức giận vô cùng, muốn giết ngay con chó, mới bảo rằng :

- Tao mà có súng, thì cho mày một phát là hết cần. Nhưng mà được, tao đã có cách làm cho mày chết.

Nói xong, người kia chạy đến giữa làng, kêu to lên rằng :

- Chó dại ! Chó dại !

Những người xung quanh đấy, nghe tiếng kêu chó dại, liền vác gậy, vác xẻng ra đuổi đánh chết con chó.

Góm thay cho lời nói của người ta, có khi giết hại được hơn là đồ binh khí !

(Quốc văn giáo khoa thư, lớp sơ đẳng, 1948)

Chó nước ta được sinh ra trên mảnh đất lấm người nhiều quán nhậu. Ngàn năm văn hiến, đậm đà truyền thống « hoa thom bướm lượn, chó rông người thèm ».

Chó là một trong mấy cái thú ở đời. Không những thế...

Con chó nhà kia bị chủ hoá kiếp.

Xuống âm phủ, Diêm Vương gọi chó ra hỏi tội.

- Đồ chó chết kia, ai cho mi được vinh dự đến châu ta ?

Chó run sợ, méu máo kể lể :

- Tâu Diêm Vương, con ăn ở hết lòng với vợ chồng chủ con từ tấm bé. Nào trông nhà, nào dọn đồ dơ.

Thế mà con vẫn còn bị chúng nó đánh chửi, huỷ hoại cả « thú vị ». Đau quá Diêm Vương ơi. Đòi mà hết động cõn, sống âm thầm như một hoạn quan, thì còn gì là đời.

Tuần vừa qua, nhà chúng nó bỗng vui như mở hội. Nào rượu, nào mẹ, riêng tôi, lạc rang, húng quế. Thân con bị băm vằm, chia năm xẻ bảy. Tung bưng lá vông. Rựa mạn, tiết canh, dôi, gan. Nướng, xào, luộc, rim...

Diêm Vương nuốt nước miếng, cắt lời chó :

- Đùng nói nữa kẻo... tao thêm. Trông mày hơ hớ như thế kia thì ai mà chả muốn « đánh » mày.

Chó bẽn lẽn... toát mồ hôi lạnh.

- Mày bị giết oan, tao cho đi gác cầu Vòng. Chờ ngày bọn khốn nạn kia xuống đây, cho mày bẻ răng, xẻo lưỡi, móc mắt chúng nó.

Diêm Vương cho chó chơi trò cân phúc, cân tội ! Có tiếng xì xào « Phen này chúng mày sẽ biết... mồm ông ». Nhưng không...

- Con không biết trả thù. Con chỉ xin Diêm Vương bắt chúng nó từ nay phải tôn trọng « cầu quyền », « thú vị », cho đồng bào con được nhờ.

- Khá khen thay. Hôm nay ta học được bài học « Có dung người dưới mới là khuyến trên ».

Từ đó, trên dương gian bắt đầu có hội bảo vệ súc vật.

Đây là chuyện dưới âm phủ. Chuyện trên trần gian cũng lâm li không kém.

Có lần tôi được nghe bố mẹ kể chuyện những năm loạn lạc.

- Làng mình được lệnh phải giết hết chó.

- Mấy con mực, con vện cứ thấy tự vệ, du kích là sủa toáng lên. Tây ngoài đồn bắt hô lính chạy vào làng lúng xét, tra hỏi. Ủy ban bắt buộc phải đổi phó kịp thời...

Thế là làng xóm được một dịp đánh chén bát đấc dĩ.

Ông giáo ngà ngà say, đưa tay dụi mắt, giọng lè nhè :

Phong trần đến cả thôn quê

Tang thương đến cả trâu kia khuyến này

Chó cũng bị đẩy vào cuộc chiến. Nói chẳng ai tin.

Ngoài mấy trường hợp đặc biệt kể trên, phần đông chó Việt Nam sống cuộc sống bình thường của chó. Nghĩa là ăn, ngủ, chạy rông. Thịnh thoảng a dua bạn bè.

Con chó đi gặp con gà trống mới chào, rồi nói :

- Tôi trông cho gặp anh một chuyện, mà hỏi một chuyện.

Con chó mới hỏi : Trời phú tính cho anh hay, chó phải chơi sao ! Sao lại biết canh ba, lại khi gần sáng dậy mà gáy ; ngày ngày cũng vậy.

Con gà nói :

- Cái là trời đã phú táng hễ tới chùng thì gáy. Rồi con gà mới hỏi : Còn như anh làm sao anh biết có người đi mà sửa ?

- Vốn cái tâm tôi thuộc đất : hễ động đất là động tới tâm tôi, nên tôi biết.

- Mà khi anh nằm dưới đất thì làm vậy, chớ như khi anh nằm trên ván, thì biết sao được mà sửa ?

- Chùng tôi ở trên ván, nghe chúng sửa, thì tôi bắt chước sửa hòa theo mà thôi.

(Trương Vĩnh Ký, *Chuyện đời xưa*, Sudasie tái bản, 1994)

Con chó thành thực đến độ dễ thương. Không biết nó có hòa theo bạn bè cắn càn người ta không ?

Xưa kia tục ta tin rằng chó trắng mũi đỏ là yêu khuyển, không nên nuôi. Ngược lại, nên nuôi chó đen vì giống này kị yêu ma.

« Giống chó (trắng) này tuy mang hình chó, nhưng khi chủ vắng nhà, nó nhảy lên nằm vòng đưa như người, và những đêm thanh vắng, sáng trăng suông nó sẽ đội nón, chống gậy đi trên mái nhà bằng hai chân sau như người. Nó sẽ tìm gặp những yêu ma để tỏ rõ hết mọi sự trong nhà và xui giục ma quấy rầy nhà chủ, gây bệnh hoạn làm đau ốm các người trong gia đình.

Những phụ nữ hữu sinh vô dưỡng khi sinh thường lấy máu chó đen vẩy ở quanh buồng đẻ để tà ma không dám tới, nhất là để kị giặc Phạm Nhan. Theo ông Nghiêm Thẩm, thì các sản phụ này phải ăn thịt và dồi chó đen và còn phải chôn ở dưới chân giường xương chó đen nữa. Phải kén chó đen tuyền mới hiệu nghiệm ».

(Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam*, tập 2, Xuân Thu tái bản, tr. 265).

Thời Xuân Thu, Phạm Lãi giúp Việt Câu Tiễn đánh bại được Ngô Phù Sai.

Câu Tiễn là người đa nghi, hay giết. Phạm Lãi đoán biết rằng những người có công giúp Câu Tiễn trong lúc khó khăn, không thể sống chung với Câu Tiễn trong thời bình.

Phạm Lãi quyết định từ quan. Trước khi rời bỏ Câu Tiễn, ông nói với xung quanh :

« Thỏ từ cầu phanh, điều tận cung tàng » (thỏ chết rồi thì chó bị làm thịt, chim không còn thì cung bị cất giấu).

Phạm Lãi là một nhà tiên tri. Ông còn cho chúng ta biết một điều quan trọng là người Trung quốc cũng ăn thịt chó. Rất có thể trước cả người Việt Nam.

Thế mà nhiều người cứ bô bô... tỵ hào bậy !

Trở lại chuyện chó nước ta.

Chó Việt Nam thông minh, có óc sáng tạo. Cứ nghe chó giải bày tâm sự với đám trâu, ngựa, dê, gà, lợn thì đủ hiểu :

(...)

*Khi sống thì gìn giữ của đời
Khi thác xuống giữ cầu âm giới
Người có phước muông đưa ra khỏi
Ai vô ơn, qua chẳng đặng đâu
Chủ có lòng suy trước, xét sau*

*Khi lâm tử, gạo tiền tống táng
Chủ đã có công dày, ngài rộng
Muông dễ không tiếp rước đãi đưa (...)*

(Truyện Lục súc tranh công)

Thật khó tin ! Chó chết được chủ lo gạo tiền, tống táng. Nước ta có chủ nào từ tế với chó đến mức như vậy không ?

Có chứ ! Có nhiều lắm. Nhưng tại sao chó lại được đối đãi như vậy ? Tại vì...

Thành ngữ « Tiền cột cổ chó » được Huỳnh Tịnh Của (*Đại Nam quốc âm tự vị*) giải nghĩa là : « Ngu tục hiểu con chó chết rồi, hồn nó xuống giữ cầu âm giới, cho nên phải cột tiền hối lộ mà tống táng, hoá ngày sau nó đã không cần mà lại đưa mình qua cầu âm ti ».

Chu choa, chèo đéc ơi !

Phải công nhận rằng chó Việt Nam đáng nể hơn chó các nước khác.

Chú kia chắc là ăn ở cũng khá lem nhem, sợ bị Diêm Vương chiếu cố. Hấn lo móc nối ngay từ bây giờ, sửa soạn phong bì đi hối lộ cai tù tương lai của âm phủ. Gặp được con chó ngoan, biết điều. Minh là chó, lúc cần mình thì nó tôn mình lên. Hết cần thì nó cho một chày là xong. Đùng tưng bở. Minh gặp thời, nó mời mình ăn. Không ăn đĩa khác cũng đớp mắt. Ủng của trời. Chi bằng cứ bài bản « vừa có tình, vừa có lí » cho xong chuyện.

Tiếc rằng dư luận lâu nay cứ chĩa mũi dùi vào mấy ông, mấy bà đây tớ vênh vào kia! Nhảm đối tượng rồi, bà con ơi. Ôn ào mà chả đi đến đâu. « Chó sửa, đoàn người cứ đi » (Les chiens aboient, la caravane passe).

Trước hiện tượng « Tiền cột cổ chó », giới khoa học nước ta tỏ ra lo ngại, tranh cãi sôi nổi. Phe theo thuyết tiến hoá thì cho rằng chó truyền bệnh sang người. Phe khác phản bác, dựa vào lịch sử xã hội để chứng minh rằng người truyền bệnh sang chó.

Tuy chưa có kết luận thống nhất nhưng cả hai phe đều đồng ý với nhau trên một điểm là người giống chó, chó giống người, cả hai cùng biết ăn hối lộ.

Dân đen gọi những ông hèn kém mà lại có địa vị cao, hợm hĩnh, là « chó nhảy (hay ngòi) bàn đọc ». Bàn đọc là bàn ngòi đọc sách, bàn để đồ thờ. Có người diễn nôm chữ đọc là chất độc, là cái bả. Nghe cũng hay hay.

Năm 1929, Nguyễn Công Hoan viết truyện ngắn *Răng con chó của nhà tư sản*, kể chuyện một ông lão ăn mày lập mưu cướp được đĩa cơm của chó, bị ông chủ chó phóng xe ô tô « kẹp cho mày chết tươi, rồi ông đèn mạng. Bất quá ba chục bạc là cùng !».

Khoảng 1952, Canh Thân sáng tác bản nhạc tả cảnh chó bęc giê nhà giàu « Lính loáng hết ngay một đĩa đầy » thịt bò.

- Mới thấy một con chó nhà giàu mà đã nóng mặt. Những nhà tư sản mới bây giờ nuôi cả bây có nghe ai nói gì đâu!

Ngày xưa, nước ta có « Chó đá » (Thạch khuyển).

*Lần kẻ xuân thu biết mấy mươi
Của nghiệm thăm thăm một mình ngòi*

*Đêm thanh nguyệt dãi màng trông nguyệt
Ngày vắng ruồi bầu biếng ngập ruồi
Cẩn kẻ tiểu nhân nào đoái miệng
Chào người quân tử chẳng phe đuôi
Phỏng trong sức có ngàn cân nặng
Dấu nhần ai lay cũng chẳng dời.*

(Lê Thánh Tông, *Hồng Đức quốc âm thi tập*)

Cửa nghiêm là chỗ thờ phụng trang nghiêm.

Trước kia, hai bên cửa vào nội điện Lam Sơn có « hai con chó đá thô sơ ». Phan Huy Chú cũng cho biết « ngoài cửa nghi môn có hai con chó ngao bằng đá rất thiêng » (Nguyễn Tiến Cảnh, *Mỹ thuật thời Lê sơ*, Văn Hoá, 1978, tr. 35).

(Chúng tôi có tham khảo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú nhưng không thấy đoạn viết được Nguyễn Tiến Cảnh nói đến).

Bằng chứng chắc chắn hơn là con chó đá đầu trước đền thờ Đinh Tiên Hoàng, tại Hoa Lư. Theo Bezacier thì con chó đá này được tạo dựng vào khoảng năm 1610 (Louis Bezacier, *L'art vietnamien*, Editions de l'Union française, 1955, tr.193).

Dường như lúc đầu, khoảng thế kỉ 15 hoặc sớm hơn nữa, người ta đặt chó đá để canh giữ chỗ thờ phụng vua.

Đời sau, nhiều làng bắt chước chôn chó đá để yểm trừ ma quỷ, bảo vệ dân làng. Ban đầu chôn ở cửa đình, cửa chùa, rồi dần dần chôn cả ở cổng làng, đường làng.

Cadière (1918) cho biết :

Làng Nam Phổ Đông nằm trên đường từ Huế ra Thuận An có chôn 2 con chó đá. Một con để chắn hướng đôn ngang của ngôi đình làng Phú Khê nằm gần đó. Con kia để chắn hướng một con đường chạy qua bãi tha ma.

(Léopold Cadière, *Croyances et pratiques religieuses des Vietnamiens*, tập 2, E.F.E.O., 1992, tr.132, 133).

Dưới gốc đa già, bên cạnh con đường dẫn vào làng Hoàng Mai (quận Hai Bà Trưng, Hà Nội ngày nay) trước năm 1945, có chôn 4 con chó đá.

Tiếp theo làng quê, đến lượt các nhà giàu cũng chôn chó đá.

Xưa kia, cửa ngõ thường không làm đúng chính giữa nhà và sân để cho người ngoài đừng nhìn thẳng vào trung tâm nhà. Người ta cũng thường kiêng không nên để cho có con đường đâm thẳng vào nhà, hay là có đền chùa ở trước nhà. Nếu bất đắc dĩ không tránh được những điều kỵ ấy thì người ta chôn ở trước nhà một con chó đá hay là treo một cái gương ở trên cửa chính để yểm tà khí.

(Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, Đông Nam Á tái bản, 1985, tr.179).

Kho thóc của thành Quảng Trị có chiếc đôn hướng vào dinh quan án sát. Người ta cho đắp một con chó (thần cầu) đặt trên mái dinh để ngăn chặn ảnh hưởng của chiếc đôn kia (L. Cadière, sđd).

Hàng quý tộc chôn chó đá để canh giữ, bảo vệ chỗ thờ vua chúa. Nhà phong thủy chôn chó đá để thay đổi dương cơ, âm phần. Dân gian chôn chó đá để xua đuổi ma quỷ.

Nếu không tiện chôn hay đặt chó đá thì có thể gắn một

tấm gương.

Tại Huế, gần bến Đông Ba có nhà bị đôn ngang của đền Quan Đế phía trước đâm thẳng vào. Chủ nhà cho gắn một tấm gương trên mái. Gương sẽ phản chiếu, đổi hướng đi của chiếc đôn ngang.

Bị một con đường phía trước hướng thẳng vào nhà người ta cũng cho đặt một tấm gương trên mái để tránh rui ro. (L. Cadière, sđd).

Thành ngữ « Đánh chó đá vãi cứt » được dùng để ám chỉ bọn bất tài mà lại hay huyênh hoang, khoác lác.

Chó rom (sô cầu) có từ thời cổ xưa. Lão Tử than :

« Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cầu ; thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cầu... » (Trời đất bất nhân, coi vạn vật như chó rom ; thánh nhân bất nhân, coi trăm họ như chó rom...).

Những con chó kết bằng rom khi chưa bày để cúng thì được cất kỹ trong rương hoặc giỏ, bao bằng gấm vóc, khi cúng xong rồi, người ta liệng chúng ra đường, người đi đường giẫm lên đầu, lên cổ chúng hoặc lượm về để nhóm lửa ».

(Nguyễn Hiến Lê, *Lão Tử - Đạo đức kinh*, Văn Hoá, tr. 171).

Chó rom bị vứt ra đường, bị người ta giẫm lên, hoặc lượm về để nhóm lửa. Như vậy thì chó rom không phải là đồ tế lễ của triều đình, vua chúa.

Chó rom là vật cúng của dân gian. Bên cạnh chó rom (hay chó cỏ) còn có rông đất cũng là một vật cúng.

Thành ngữ « Chó cỏ rông đất », được giải nghĩa là :

« Xưa kia ta cúng tế thường bện chó bằng cỏ, nắn rông bằng đất để dùng lễ cúng ; chừng cúng xong thì đem đi liệng bỏ. Nghĩa rộng (của thành ngữ) là : Người hoặc vật mà người ta hết cần dùng. Công thần đã đem mối nước lại cho nhà vua, mà bây giờ bị nhà vua sa thải ».

(Diên Hương, *Thành ngữ điển tích*, Phương Lai, 1954, tr. 80).

Rông là biểu tượng của vua chúa. Chó là con vật gần gũi dân đen. Tại sao « chó cỏ » lại nằm cạnh « rông đất » trên bàn thờ ?

Câu trả lời đơn giản là rông (long) của dân gian không phải là rông của vua chúa. Rông của dân gian là con long xà (loài rắn lớn), con giao long (cá sấu, loài thủy quái), con khủng long của thời tiền sử.

Tín ngưỡng dân gian tin rằng :

Những kẻ sát nhân, những gái giang hồ, những người bất nhân độc ác khi chết hồn bị đọa xuống địa ngục, phải leo qua cầu Vòng. Cầu Vòng tròn như bờ mỡ bắc qua sông Nại Hà. Những tội nhân thường chỉ leo được đến lưng chừng là ngã lặn xuống sông Nại Hà bị chó ngao, thường luồng, rắn giải cắn xé.

(Toan Ánh, *Tín ngưỡng Việt Nam*, quyển 1, Xuân Thu, tr. 321).

Người ta phải làm lễ cúng chó ngao, thường luồng, rắn giải dưới âm phủ để cầu cho người chết qua sông Nại Hà được bình yên.

« Chó cỏ, rồng đất » tượng trưng cho chó ngao, thường luông, rắn giải của âm phù.

Nhiều người sợ chó ngao nhưng lại hay mang chó ngao ra... hù dọa người khác.

Hù dọa bằng cách mời thầy phù thủy làm phương thuật « Yểm bùa hòng chó ».

Thầy phù thủy làm một cái bùa, kết thành hình người mà thân chủ muốn trả thù, muốn hại. Rồi thầy thấp đèn đốt nhang, đọc thần chú, tung phép bắt hồn người kia nhập vào bùa. Bùa luyện xong, được thầy phù thủy yểm vào hòng một con chó.

Người bị trả thù kia sẽ bị âm binh bắt nộp cho chó ngao.

Huỳnh Tịnh Của cho biết là chó cỏ (sô cầu) còn được dùng để tế đảo vũ (cầu mưa).

Văn học thỉnh thoảng cũng mượn hình ảnh con chó để ví von, luận bàn thể sự.

Người thì chửi bọn làm tay sai cho thực dân Pháp :

*Sống thì bắt thỏ thỏ kêu rêu
Thác thả dòng sông xác nổi phều
Vần vận sắc còn phơi lũng đũng
Thúi tha danh hầy nổi lêu bêu
Tối lui bịn rịn bầy tôm tép
Đưa đôn lao xao lũ quạ điều
Một trận gió dổi cùng sóng dập
Tan tàn xương thịt biết bao nhiêu*
(Nguyễn Văn Lạc, *Chó chết trôi*)

Người thì than vãn cho cuộc đời phù du :

Lò cừ nung nấu sự đời

Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương.

(Nguyễn Gia Thiều, *Cung oán ngâm khúc*)

Vân cầu là đám mây hình con chó. Cuộc đời đổi thay nhanh như đám mây trắng bỗng chốc hoá thành hình chó xanh (thơ Đỗ Phủ).

Người khác lại muốn được... như chó :

*Tâu rằng : « Hồ phận ngu si,
Đem lòng khuyến mã đền nghì bể sông »*

(*Nhị độ mai*)

Khuyến mã (chó ngựa) là lời tự khiêm của bầy tôi đối với vua hoặc tớ đối với chủ.

Ồ hay ! Sao lại vàng thau lẫn lộn như thế ? Bầy tôi có bốn phận của bầy tôi. Tớ có phong cách của tớ. Tại sao tôi tớ lại chơi trò, đòi so sánh mình với chó ngựa ? Vô tình hạ thấp uy tín của chó ngựa.

Cao Bá Quát mượn chuyện các quan cãi nhau để chửi khéo triều đình Tự Đức :

*...Hai bên cãi nhau
Bên này bảo chó
Bên kia cũng chó
Hai bên đều chó
Rồi họ đánh nhau...*

(Thái Bạch, *Giai thoại văn chương Việt Nam*,
Xuân Thu tái bản, tr. 108)

Kho tàng văn chương bình dân truyền khẩu có bài (tạm đặt tên là) *Đôi ta* :

*Em đẹp như phân lạc giữa dòng
Anh như chủ khuyến đưng bên sông
Dòng sông nước chảy em trôi mãi
Anh đứng trên bờ rõ dãi trông*

Hương tình ngào ngọt, thiết tha đắm đuối. Tiếc thương cho số phận nổi trôi, đôi bờ phân cách. Bao giờ thuyền tình mới ghé bến mơ ?

Kinh nghiệm sống dạy người dân quê một điều :

*Chó đâu chó sủa chỗ không
Chẳng thằng ăn trộm thì ông ăn mày*

Ngoài nghĩa đen, nghĩa bóng, câu ca dao còn phản ánh nền đạo lí của ta.

Ăn trộm, ăn cắp, ăn cướp, bắt kẻ già hay trẻ, lớn hay bé, tất cả đều là thằng đáng khinh. Ngược lại, ăn mày được gọi bằng ông một cách kính trọng.

Ăn mày kiếm ăn giữa ban ngày, ăn trộm là phường chỉ thậm thụt bắt kẻ ngày đêm.

Chó có đạo lí của chó. « Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo », chưa chắc chó đã thua người.

Các nước phương tây ngày nay đã thành công trong việc huấn luyện chó để cứu người, tìm ma tuý, chất nổ.

Người ta đang cố gắng dạy chó người được những đồng tiền bản.

Trời đất quý thần ơi ! Sao lại dạy chó... chống lại người như vậy ? Người ta muốn diệt chủng chó à ?

Chó nước ta thực tế, biết mình biết người. Không mơ mộng được cung chiêu. Chỉ mong giang sơn gấm vóc kia giảm bớt những lò sát sinh treo « cờ tây » ngất nghểu. Bày, tám món ăn chơi. Chín, mười món ăn thiết. Bớt những tám bảng hiệu chào khách lung lẳng, cao gàn bằng... mái đình làng!

Trong ngôn ngữ hàng ngày, chúng ta nên thận trọng để tránh một vài ngộ nhận.

« Chó má » là lời khen con nít mới đẻ xinh tốt, mà không dám nói ngay (Huỳnh Tịnh Của). « Đồ chó má » là câu chửi, khinh thường người khác.

« Cây chó đẻ » là một loài cỏ dùng làm thuốc chữa bệnh hậu sản. « Đồ chó đẻ » là câu chửi tục tĩu.

Đúng như các cụ vẫn thường nói, cứ đụng đến « đồ » là hết cả trang nghiêm. Nhất là... đồ chó.

Nguyễn Dư

(Lyon, 9/2005)

CHÚ THÍCH : Hình CHÓ ĐÁ ở đầu bài lấy từ bộ tranh dân gian khắc gỗ của Oger (đầu thế kỉ XX). Hai chữ nôm « chó đá » khắc thiếu nét, lẽ ra phải là

狂 侈

hát lễ

N.L.

Trong cái xóm lao động hỗn tạp và phần lớn lụp xụp, lầy lội của tôi, với những con đường đất chạy ngồng ngoèo, né tránh những căn nhà mọc ra và lớn lên thật bất ngờ và bất trắc, vậy mà lại có gia đình một ông Tây. Ngay cả nhiều người trong xóm, ở xa con lộ chính một chút thôi, cũng ít biết về ông Tây này.

Nói cho chính xác ra thì lão Nico là một ông Tây đảo Corse. Về cái tên Nico, khi mới nghe lần đầu, tôi cũng nửa tin nửa ngờ. Vì nó được loan truyền qua mẹ Năm, vợ lão. Cái bà vừa nói tiếng Tây giọng Quảng Nom vừa nhai trầu, hút thuốc vắn. Cái điệu thuốc rê bụ bằng ngón tay cái. Nghe đâu, vợ trước lão Nico là em mẹ Năm. Bà này không biết ốm đau sao đó, chết sớm, để lại một ông chồng Tây và hai đứa con lai. Mẹ Năm thương cháu, xung phong điền vô chỗ trống, gọi là để phụ giúp lão Nico nuôi dạy hai đứa trẻ nhỏ xíu, mồ côi mẹ.

Trở lại vụ cái tên. Tôi có hồ nghi về cái tên lão Nico thì cũng có căn cứ. Cứ nghe mẹ Năm rang rang giới thiệu hai đứa con là thằng Năng và con Ệt, thì - sau khi ôm bụng cười cho đã - ai còn dám tin mấy cái tên Tây do mẹ đưa ra ? Người bập bẹ tiếng Tây thì chắc cũng phải vô đầu bút tai để mà đoán hai cái tên gốc của thằng Năng và con Ệt. Sau điều tra, gạn hỏi, lọc bỏ các cách bỏ dấu qua cái giọng Quảng đặc sệt của mẹ Năm, mấy người mới truyền cho nhau hai cái tên như sau : Fernand và Henriette. Sau này, khi đủ lớn, hai cô cậu con lão Nico đã có dịp xác nhận tên mình với lối xóm.

Trong gia đình tôi, người đầu tiên phát hiện và nói đúng được hai cái tên đó lại là má tôi. Ba cái chữ Tây còn sót lại thời sơ học bổ túc của má tôi té ra cũng có chỗ dùng. Nếu nói về đàn chữ Tây thì chắc má tôi cũng dám qua mặt mẹ Năm một đoạn dài. Nhưng, xí xô xí xào với ông Tây, dù là ông Tây Nico, thì má tôi thua xa mẹ. Má tôi nói, nghe bà xí xào với ông Tây, tao có hiểu trời đất gì đâu. Vậy mà ông Tây cũng gật đầu lia lịa, như con bừa củi bị dí dưới ngón tay thằng em tôi. Tôi xía vô, chắc gì ông Tây hiểu bà ? Người hài lòng với hai cái tên Năng và Ệt trong gia đình tôi là bà Ngoại. Còn ông già tía của hai đứa nó thì Ngoại tôi chỉ kêu, ông Tây la-de. Vì lão Nico làm đại lí bia và nước ngọt cho hãng BGI, " người sành điệu uống nước ... bọt con cọp ". Ngoại tôi nói, tao thì hồng có Ni-cô bà vãi gì hết, tiếng Tây tiếng u nói tọc họng, phát mết.

Thằng Năng và con Ệt học trường Tây, có xe đưa đón.

Cái xe chở học sinh đầu tiên, và duy nhất trong một thời gian dài, ghé qua đầu xóm tôi ở. Dù vậy, hai đứa cũng không sạch được hết dấu vết lem luốc của cái xóm lao động của chúng tôi. Ở nhà, chúng nó chỉ chơi với một vài đứa ở thật gần nhà. Lớn lên một chút, con Ệt dạo xóm nhiều thêm một chút. Chỉ thua mẹ Năm. Cả hai đứa nói được một thứ tiếng Việt lơ lớ. Người lớn vẫn kháo nhau là hai đứa con Tây lai đứa nào cũng ngộ hết sức. Thằng Năng cao ráo, tóc nâu hơi quăn, tròng mắt xám xanh, trong veo. Con Ệt thì có hơi bụ bẫm, nước da trắng nõn, tóc hoe hoe, mặt có nhiều chấm tàn nhang chung quanh mũi, dưới mắt. Con nhỏ trở mã sớm. Có lần, tôi nghe lóm, má tôi nói với mẹ Năm : Sao bà hồng chỉ biểu cho nó ăn mặc coi cho gọn gàng chút vậy bà. Con gái con đứa, trọng cái rồi, trở mã rồi, ăn bận lệch xệch, vú móm cứ lơ lơ ra đó coi sao được. Mẹ Năm cười hô hố, không cãi, mà hình như cũng không nghe. Vì sau đó tôi vẫn thấy con Ệt "nơ nơ" ra đó, chạy quanh xóm.

Không biết do đâu, mẹ Năm lại rất ưa má tôi. Lúc rồi rãnh mẹ cũng hay chạy qua chơi với má tôi, kể lể đủ thứ chuyện. Cha tôi có lí thuyết : Má bậy kín miệng, lại không hay dạo xóm, mẹ Năm qua nhà mình đĩa không sợ bà đi rao lại cho cả xóm. Nghe cũng có lí. Mẹ còn đòi làm xui gia với má tôi nữa, mới động trời chớ. Mẹ nói, con Ệt là tây trắng, thằng Chi là Tây đen, hai đứa xứng đôi. Chi là thằng em kế tôi. Anh em nhà này được trời cho, nước da đậm đà hơn nước da bánh mật đầu cũng tới vài "tông", Chi lại là đứa đậm nhưt nhà. Lúc đó, hai đứa nhỏ chắc mới đầu chừng 13, 14 tuổi. Nghe mẹ Năm nói, má tôi cười ngất, nhưng cũng không bao giờ đối đáp lại loại đề tài đó của mẹ. Riêng thằng Chi, nó đâm ra nực con Ệt. Bà Ngoại tôi nói, chưa biết đâu à nghe con. Mai mốt, lớn thêm chút nữa, coi chừng bây leo đèo chạy theo nó hực hơi. Thằng Chi lén liếc xéo bà Ngoại, tức tối ra mặt.

Tiên đoán của bà Ngoại tôi rồi không xảy ra. Con Ệt mang bầu rồi bông về một đứa nhỏ, dặt theo một thằng chồng lúc nó đâu 16, 17 gì đó. Con trên tay, nó càng xô xề hơn, mà cũng vẫn cứ lơ lơ. Không lâu, thằng chồng mặt búng ra sữa biến khỏi xóm.

* *
*

Nhưng, mỗi " giao tình " giữa hai gia đình thì phải nói là gắn bó ở cấp cao : hai ông gia trưởng.

Lão Nico là một " thằng cha Tây mập mà lùn ". Nói gọn, kiểu con nít trong xóm, là như vậy. Người lớn có người nói, lão Nico là Tây mà có tướng ngũ đoản. Cái cục mịch của lão hình như cũng giúp lão trộn vô với xóm để dàng hơn một chút. Lão quần quật suốt ngày, bung, khiêng, vác không mệt mỏi mấy " kết " la-de, nước ngọt, bỏ lên xe ba bánh cho khách mua, lại chất cũng các thứ ấy lên chiếc xe cam-nhông-nết Citroen 2CV cà tàng của lão, xành xạch chạy đi giao hàng. Giữa những con bận bịu đó, món giải trí của lão là cất nhà và sửa nhà. Toà nhà hai căn, cao hai tầng của lão là một cái gai đâm vô

mắt ai còn tưởng nhớ tới cái đẹp. May là lối xóm hình như không có ai thuộc tạng đó. Lão Nico tự làm hết mọi thứ. Lão là kiến trúc sư, kỹ sư xây cất, kiêm thợ hồ, thợ mộc, thợ điện, thợ ống nước, lát gạch, quét vôi, v.v.. Nếu có muốn người làm phụ, lão chỉ thuê người trộn hồ, bung gạch, làm những việc lật vật. Bà Ngoại tôi chê, " Tây gì mà keo, rít chúa ". Bà Ngoại càng bực, sau khi cậu họ tôi sang xin việc thợ hồ với lão Nico và bị lão từ chối phăng.

Cha tôi có lần nhận xét : Cái nhà của cha Nico bị bỏ bom cũng không sập được. Cha tôi rành. Vì ông cũng mắc bệnh ghiền cất nhà, sửa nhà hạng nặng. Ông theo dõi, quan sát, và nhào vô bàn bạc góp ý với lão Nico qua từng chặng thi công trong cái công trình không ai còn nhớ ngày khởi đầu, và hình như cũng không ai dám ước lượng ngày hoàn tất. Bù lại, lão Nico sẵn sàng truyền nghề làm bê-tông cốt sắt, xây gạch, tô vách cho cha tôi. Quan hệ hợp tác hai bên còn đi thêm một nấc : cho nhau mượn đồ nghề. Từ lâu, cha tôi dành riêng ra một mớ cửa, bào, đục bị ông coi là tệ, để dành cho người quen và lối xóm mượn. Đồ nghề kiếm com thì cha tôi gìn giữ nghiêm nhặt lắm. Phải là tay nghề cỡ nào đó thì may ra cha tôi mới cho mượn. Cỡ lão Nico thì cũng chỉ được mượn mấy thứ hạng nhì. Vì, theo cha tôi, cha Nico mà thợ mộc nổi gì. Chỉ có tài " đập vập, bẻ queo ". Cha tôi thì thỉnh thoảng qua căn nhà quét vôi màu lá cây của lão Nico, vác về những cái máy đóng đầy xi măng và vôi, hình thù dị hợm, không còn ra hình dáng gì. Bà Ngoại tôi chê, giống ba cái đồ ve chai. Cho tao cũng hỏng thêm. Cha tôi cãi lại, vậy mà mua không nổi đó, Má.

Đến đây, có lẽ tôi đã ít nhiều làm cho người đọc có cảm tưởng là cha tôi tệ gì cũng lóm bóm tiếng Tây, hay lão Nico cũng bập bẹ được đôi ba câu tiếng Việt (dù là với giọng Quảng). Tức cười là, cả hai ông, người này dứt khoát không nói, không nghe được ngôn ngữ của người kia. Nếu cố gắng lắm, thì cha tôi có thể quì, nong, có thể mọc-xi, ô-voa, bông rua bông xoa chút đỉnh, hay vài ba đôi đáp khác, ở mức một chữ, một lời như vậy. Suốt thời gian dài, theo dõi cái quan hệ của lão Nico với cha tôi, anh em chúng tôi, và cả má tôi nữa, vẫn không thể không thắc mắc và tức cười. Qua nhiều lần nghe lóm cuộc đàm thoại giữa hai người, thường tôi nghe lão Nico phát biểu rõ hơn cả là " bông ! Bông ! ", còn lại là những tiếng lầu bầu kèm giữ trong cổ họng.

* *
*

Nếu tôi nhớ đúng, lần ấy cha tôi đang ngồi trước nhà sửa sang lại một chiếc đèn ngôi sao, ông tự làm lấy đầu cũng vài năm trước. Anh em tôi cũng đã không khỏi ngạc nhiên khi lần đầu thấy cha tôi bỏ công làm một chiếc đèn ngôi sao để treo dịp lễ Noel, vì cha tôi đã bỏ nhà thờ lâu rồi. Từ trước khi ông gặp Má tôi.

Và lão Nico ghé qua. Sau màn " bông rua " nong nhiệt, lão chỉ chiếc đèn, hỏi " Noël ? ". Cha tôi : " Noël ! ". Lão Nico có vẻ ngạc nhiên, lão chỉ vào cha tôi, xong thu tay về, hươ qua lại trước ngực, làm dấu. Cha tôi cười, chỉ vào lão xong quay lại chỉ vào ngực mình, " ca-tô-lic ".

Lão Nico giơ cả hai tay lên trời, cười khoái trá. Xong, lão hạ tay xuống, một tay chỉ vô ngực, nói : " catholique ", nhưng lão liền đưa tay kia ra tức thì, bàn tay đưa ngang cỡ lưng quần, xoè ra, úp lòng bàn tay xuống đất. Cha tôi nhìn, ngẫm nghĩ. Một lúc, ông như tìm ra chữ để nói : " garçon ? ". Lão Nico khoái trá vừa vỗ vỗ vô ngực mình, đầu gật, miệng nói " petit garçon, petit garçon ".

Sau đó, cả cha tôi và lão Nico đều im lặng. Hình như, cả hai người đều tìm cách để tiếp tục cuộc " đàm thoại ". Và, trong lúc không ai ngờ nhất, lão Nico cất tiếng hát. Giọng lão khô đặc, âm thanh phát ra như hoen ri, bị gãy vụn, tiếng nghe được, tiếng không. Chỉ có cha tôi là chăm chú lắng nghe. Nét vui dần hiện rõ. Và, cũng thật bất ngờ, cha tôi cũng cất giọng hát theo...

Sau chừng chục " câu " hát của hai ông, tôi bắt đầu nhận ra một điều gì đó khá quen thuộc. Tiếng hát lẽ ! Dĩ nhiên là tiếng hát trong veo, ngọt ngào của các chú đồng nhi phụ lễ, và phần ê a trầm bổng thì mất tiết điệu của những bài hát lẽ. Cái phần âm thanh phảng phất của những buổi sáng sớm chủ nhật, tôi, đứa nhỏ 7, 8 tuổi, vừa ngủ gà ngủ gật vừa lèo đèo đi theo cô tôi đi xem lễ. Và tôi đã hiểu. Thì ra, lão Nico nảy ra ý nghĩ, biết đâu cha tôi xưa cũng đã từng giúp lễ ở nhà thờ ; và nếu vậy, rất có thể cha tôi cũng thuộc, và còn nhớ, những bài hát lẽ bằng tiếng La tinh, như lão. Và lão đã đoán đúng.

Và hai người đàn ông xôn xôn, lam lũ, một Tây một ta, vào một buổi chiều tháng Chạp dương lịch, gân cổ lên để hát lẽ với nhau. Những bài hát có lẽ ít gì cũng đã vài chục năm họ chưa một lần có dịp để hát. Và chúng tôi, đám con của một trong hai ông " đồng nhi " ấy, chỉ biết lặng người ra để mà nhìn, để có dịp nhận ra và gập lại, một hình ảnh khác nữa của cha mình... Bài này sang bài khác, chẳng ai trong chúng tôi biết các ông hát đúng hay sai. Và hình như cả hai cũng không thèm để ý ai hát đúng, ai hát sai. Hai kiểu phát âm rõ ràng khác biệt. Có chung được chút nào là cái âm hưởng giúp người này tìm ra và bắt vào câu xướng của người kia.

Tôi không biết những bài hát lẽ kia có đưa lão Nico vượt ngàn dặm về lại quê hương đảo Corse của lão hay không. Có chăng là chút vui phảng phất trên khuôn mặt khắc khổ, lóm chòm râu ria. Và cha tôi ? Cha tôi đang cảm thấy gì khi lục lọi trí nhớ, tìm lại những câu hát chôn sâu của nhiều năm trước ? Cha tôi có đang bay bổng qua những chặng đường, qua những chiếc bắc, để bắt chuyến đò ngang từ mé chợ M.L. qua bên cù lao G., chỗ bến đò có những cây ô môi già ? Quay về, để nhìn lại gác chuông ngôi nhà thờ xưa, nơi xóm đạo cha tôi đã một thời yêu thương. Và một lần lần trốn, bỏ xứ mà đi như một kẻ tội phạm. Vì cha sở không thể nào chấp nhận một con chiên của ông dám rời đàn, nhơ nhoe " làm quốc sự ".

Tất cả một thời thơ ấu, tất cả nỗi nhớ nhung ấy chừng như đọng lại trong những bài hát lẽ, trong một buổi chiều tháng chạp ?

N. L.

(tưởng nhớ và ghi, 2-1-2006)

MÙA HOA GIỮA PHỐ

Nguyễn Ngọc Tư

Mùa báo hiệu bằng một vạt cây kiểng bày ở góc đường. Có lẽ họ chuyển cây suốt đêm hay sao, mà sớm ra đã thấy mai chiếu thủy, mai trắng, mai vàng ngậm sương. Những cây mai còn chưa tuốt lá. Bên cạnh đó là những cây kiểng còi, con con. Dăm bụi chùm rùm được tạo dáng chó (năm ngoái là gà, năm nào thì tạo hình ứng với con giáp ấy), nai, phượng, rồng... Lọt thỏm giữa phố chợ đông đúc, nên cả rông cũng ngơ ngác.

Tôi qua đường sáng ấy, nửa nôn nao nửa thất thân, mèn oi, Tết tới nơi rồi. Ngày nào cũng xem lịch, cũng biết ngày Xuân đang đến thật gần, nhưng khi thấy hoa tràn về chợ mới thật sự vào cuộc gấp rút. Rồi bận bịu coi in báo Xuân. Dọn dẹp cơ quan. Trang hoàng nhà cửa. Sắm sửa Tết. Túi bụi cắm mặt vào những công việc cuối năm. Ngẩng lên, bỗng ngộp thở, ngây ngất con đường đến Hội Văn nghệ ngập tràn cây kiểng, hoa tươi, đến nỗi vào cơ quan chỉ còn lối đi nhỏ xíu.

Hoa chẳng cần nói gì hết, diêm nhiên rực dưới nắng trời. Con người sững sờ, sượng diên lên với cái đẹp không lời đó. Cái buồn vì sắp "bị" thêm một tuổi biến đầu mất. Mùa xuân qua là đáng chờ đợi, vì ngọn gió hiu hiu này, vì sự đoàn tụ và sum họp này, vì chỉ dịp này, những con đường ở trung tâm thành phố vốn khô khốc bê tông mới trở thành dòng sông hoa, uốn lượn rực rỡ.

Năm nào cũng vậy, anh cây kiểng đến trước, khi ấy chợ hoa Tết còn vắng. Chỉ có những người bán lạng lẽ đứng tuốt lá mai, sửa sang lại thế cho mấy cây kiểng còi, đôi ba người khác chồm hồm xúm quanh mấy hộp com nhỏ xíu. Tôi bỗng chạnh lòng, vào thời điểm mà người ta dồn hết tâm trí về gia đình, chăm chút cho mái ấm thì họ, những người bán hoa Tết lại vào mùa xa nhà. Vạ vạt ở những vỉa hè nắng chang chang, thót tim khi thấy hoa chảy tràn ở các ngã đường, có người thờ dài; nhìn hoa trở chứng nở rộ khi mới hai ba tháng Chạp, có người nuốt nước mắt. Dường như Lâm Đại Ngọc trong Hồng Lâu mộng cũng không nát lòng bằng người bán hoa khi nhìn từng cánh hoa rơi, mà giao thừa còn năm bầy ngày mới tới. Lại phải thấp thỏm với cuộc đờc - mất, lỗ - lời...

Họ, phần lớn là nông dân, nom lấm lem và lác lõng, gương mặt sương nắng dạn dày. Suốt cả ngày ba mươi

Tết, họ không thể ngồi, chỉ đứng, ngó mong. Có lẽ, trong lồng ngực họ, nhịp tim bắt đầu hồi hả, nhanh dần, nhanh dần... Và thất lại khi pháo hoa nở rực trên nền trời, những công nhân vệ sinh chợ bắt đầu dồn đuổi thấp thoáng, người bắt đầu thừa khi hoa vẫn còn rực lên một cách tuyệt vọng.

Chi kẻ mua là nhân nha, mặc cả cho hết giá. Dường như con người ta có một chút khoái trá khi thấy kẻ yếu bị dồn đến cùng đường. Mấy ai nhìn vào khuôn mặt sạm nắng của người bán, để thấy bất nhẫn, giống như mình bỏ thêm muối vào mớ hôi, làm họ càng thêm xót xa thêm. Tôi cũng có lần giận mình, giận luôn chị bạn đồng nghiệp. Mấy cái Tết liền chị không bỏ tiền mua hoa, chị chờ sau giao thừa, cười toe đi lượm hoa ế người ta bỏ lại. Khó khăn ai cũng có, sao không chia sẻ một ít cho nhau ?!

Sáng mồng Một qua những con đường này, thấy sót lại vài vạt hoa, vẫn vàng vẫn đỏ, vẫn hồng rực rỡ nhưng sao thấy buồn hiu hiu như người con gái vẫn còn đẹp nhưng quá thì. Chắc người bán cũng đau lắm khi dứt áo trở về nhà. Tôi hình dung, trên một chuyến xe nào đó ngược về Đồng Tháp, hay Bến Tre, họ chào đón năm mới với những nỗi lo trĩu lòng.

Chuyện của Sơn, Thịnh mà tôi biết còn buồn hơn. Năm ngoái, hai anh này "đóng quân" trước Hội Văn nghệ. Hôm chuyển cây kiểng xuống, cả hai ngời ngời võ tay cười, nói "năm nay tụi tui làm trùm chợ Cà Mau. Toàn hàng 'độc quyền' không thôi. Đây nè, ở đây, cô mà kiếm được cặp cau Nhật nào giống như vậy, chặt đầu tui tui". Một người chạy xe ôm đứng nhìn cây cau, buột miệng, "ủa, sao giống cây chà là quá ta". Tròi, ai đòi cây cau nhập ngoại giá cả triệu bạc mà nói giống loại cây hoang dại mọc dọc theo những triền sông. Tôi ngờ là câu nói ấy chắc là diêm báo. Hoa kiểng dột chợ, hai anh chàng ngồi buồn đi buồn... lỗ hơn mười lăm triệu. Sáng mồng ba, tôi đến cơ quan trực, thấy anh Sơn ngồi ở đó, mặt buồn thảm buồn sâu, bộ râu xúi xị, tiu nghiu. Anh bảo hồi đi vợ đã cản nhưng anh không nghe, bây giờ về thế nào gia đình cũng xào xáo, đầu năm đầu tháng mà... Ngồi nói chuyện với tôi, một chút anh lại gọi điện cho Thịnh, hỏi với giọng rầu rĩ, tình hình êm chưa mậ ? Báo hại, bộ phận công đoàn của cơ quan hí hửng tưởng đâu thu được ít tiền điện, nước, ai dè... nghèo gặp nghèo hơn.

Năm nay, những tờ lịch đã rụng dần về Tết, nhắc chuyện cũ, người cũ, nhớ mấy lần cùng nhau trái chiếu nhậu giữa sân, một anh đồng nghiệp bỗng thốt lên, "sợ lại năm nay hai thằng cha đó không quay lại nữa".

Ờ, có thể... Nhưng cây kiểng và hoa không vì thế mà lỗi hẹn, chúng vẫn trải đầy trên những con đường trung tâm thành phố, chúng vẫn như dòng nước mát, tưới tắm tâm hồn người, làm dịu khi khói bụi thị thành.

Có điều, người năm cũ không quay lại, tôi và anh bạn đồng nghiệp biết uống rượu cùng ai. Anh Sơn, anh Thịnh ới ới !

HOÀNG ĐẾ và NGƯỜI THI SĨ

Cao Huy Thuần

Khi nghe tin người thi sĩ ấy mất, cả thủ đô rung động. Trong một thoáng, mọi người ai cũng nghĩ như ai : chưa có nhà thơ nào lớn hơn thế. Như một cây đại thụ mệnh mỏng, người ấy tỏa bóng mát trong hơn nửa thế kỷ trên vườn hoa tư tưởng đơm bông mới. Thơ của người ấy vang dội trên mỗi bước dựng xây của nền Cộng Hòa, trên mỗi chiến thắng, mỗi thất bại của dân chủ. Với ông, lịch sử biến thành thơ. Với thơ, ông phát cờ cho tự do, công lý. Bàn tay của ông nóng trong bàn tay của người cùng khổ. Tiếng nói của ông đập trong ngực của bất cứ ai yêu mến tự do. Ngày 22 tháng 5 năm 1885, khi ông ngừng thở, dường như người ấy đang thở trong tim của mọi người. Người ấy là Victor Hugo.

Sáng sớm chủ nhật 31 tháng 5, quan tài của ông được chở đến Khải Hoàn Môn trước đám đông dân chúng đã đứng chờ suốt đêm tại đó. Như lúc ông còn sống, họ hoan hô : « Victor Hugo muôn năm ! » Một tấm màn đen mệnh mỏng phủ trên Khải Hoàn Môn, nhấp nhánh tên những tác phẩm của người thi sĩ. Trên các nẻo đường đổ vào Khải Hoàn Môn, hàng trăm ngàn người kéo đến tiễn hành không ngớt trước quan tài.

Suốt cả ngày hôm đó cho đến nửa khuya, đại lộ Champs-Élysées tràn ngập người, Khải Hoàn Môn được thấp sáng với hai hàng kỳ binh cầm đuốc. Tờ mờ năm giờ sáng hôm sau, mỏng một tháng sáu, dân chúng lại nườm nượp kéo đến, kèn lại thổi vang, vòng hoa lại phủ một núi hoa chung quanh quan tài. Đúng 11 giờ, 21 phát súng đại bác nổ vang, báo hiệu lễ chính thức. Quân nhạc thổi bản tang hành của Chopin. « Đây không phải là đám tang ; đây là lễ đăng quang của vua chúa » : ai đó, từ một bài diễn văn, đã nói lên đúng ý nghĩ của mọi người.

Lễ « đăng quang », người thi sĩ ấy đã nhận từ lúc còn sống. Ngày 25-12-1881, thủ tướng Jules Ferry đích thân đến viếng ông tại nhà riêng, mang quà tặng sinh nhật 80 tuổi của chính phủ. Ngày 27, đúng ngày sinh nhật, dân chúng lũ lượt diễn hành trước gian nhà được trang hoàng đèn hoa, hoan hô vang dậy tên tuổi của ông. Vòng hoa thi nhau móc vào tường : « Tặng người thi sĩ, tặng nhà triết gia, tặng người chiến sĩ tranh đấu cho công lý của các dân tộc ». Hết đoàn đại biểu này đến đoàn đại biểu khác của các thành phố, của các tỉnh, lần lượt bước vào nhà, giữa tiếng hoan hô vang dậy. Diễn hành, dàn nhạc, dàn ca, và hoa, và hoa, và hoa phủ lên nhau chật

nhà, chật ngõ, từ sáng đến đêm, giữa trời tuyết, và người, và người, và người chen nhau, đủ mọi thành phần, mũ dạ của trưởng giả chen với cát-két của thợ thuyền, học sinh chen với binh lính, tay chen tay vẩy lên cửa sổ. Quà tặng, huân chương, sách, báo, chen nhau đưa đến tận tay người nhận. Trên tóc bạc của người thi sĩ ấy, dường như mở ra rặng đông của thời đại mới mà vầng trán kia đã không ngớt mơ tưởng bằng thơ văn, bằng hành động.

Bằng thơ văn và hành động : Victor Hugo ngự trị trên thế kỷ của ông là vì thế. Văn thơ của ông là khí giới sắc bén trong cuộc đấu tranh chính trị sắt máu, triển miên từ cách mạng tư tưởng 1789 đến sau cách mạng xã hội 1848, với quần chúng thấp hèn vươn lên nắm lấy vận mệnh của mình. Đưa thơ vào chính trị, ông thổi khí thế cho quần chúng. Làm chính trị với uy lực của thơ, ông tạo chấn động trong nghị trường. Thơ của ông kích thích như bài hịch. Dấn thân của ông ngay thật, bất khuất. Ông là lương tâm của thế hệ cộng hòa, chiến sĩ của tự do, nhà tiên tri của nhân loại, kẻ tiên phong của Âu châu hợp nhất, người bênh vực giới khốn cùng. Tất nhiên ông có địch thủ. Trong giới nhà thờ. Nơi phe bảo hoàng, quân chủ. Nhưng ông càng cao, địch thủ của ông càng thấp.

Đâu phải người thi sĩ này sinh ra và lớn lên giữa lòng của khuynh hướng cấp tiến ! Ngược lại, gia đình ông mang truyền thống thiên chúa giáo và bảo hoàng. Ông bắt đầu sự nghiệp văn thơ và chính trị dưới bóng lá cờ trắng của phe quân chủ. Cuộc sống trước mắt và kinh nghiệm chính trị máu xương xoay tầm nhìn của ông về chân trời khác, rất sớm. Vợ kịch *Cromwell*, viết xong năm 25 tuổi, mở đầu cách mạng lãng mạn trong kịch nghệ, cời trời cho bi kịch thoát khỏi những quy tắc cổ điển. Ông tuyên bố tự do trong nghệ thuật, đưa nhân vật trong kịch trở về với đời sống thực, với con người thực, con người toàn diện, gồm cả cao thượng lẫn thấp hèn. Cùng với kịch và thơ, ông viết xong một truyện ngắn xứng đáng được xem như phát súng đầu nổ vào thành trì bảo thủ kiên cố nhất, không phải của ngày hôm qua mà cả ngày nay : *Ngày cuối cùng của người tử tù*. Rất sớm, Victor Hugo đi trước thời đại ; từ đó cho đến cuối đời ông không để lỡ một dịp nào để đòi hỏi chấm dứt tội tử hình. Cái gì đã đưa ông đến thái độ quyết liệt như vậy ? Một kỷ niệm mà ông kể lại 40 năm sau, năm 1862 :

« Tại Paris, năm 1818 hay 19, một ngày hè, vào khoảng trưa, tôi đi ngang qua trước tòa án. Một đám đông vây quanh một cột trụ. Tôi đến gần. Một thân hình người, không biết đàn bà hay con gái, bị trói vào cột trụ, gông quàng trên cổ, bồng đội trên đầu. Dưới chân của thân hình người ấy, một lò lửa cháy rực than hồng, một miếng sắt cán gỗ vùi trong than, đỏ ừng, đám đông có vẻ hài lòng. Người phụ nữ ấy phạm cái tội mà luật lệ gọi là ăn cắp của chủ và ngôn ngữ thông thường gọi là tính thêm tiền chợ. Đồng hồ điểm 12 tiếng. Thoạt nhiên, từ phía sau tội nhân, một người đàn ông vọt ra, leo lên thang chém. Trước đó, tôi để ý thấy chiếc áo ngắn của người phụ nữ bị tách ra hai vạt, buộc lại sau lưng bằng sợi dây. Người đàn ông nhanh nhẹn mở dây, vén áo lên, lộ trần lưng của người

đàn bà đến eo, vó lấy miếng sắt trong lò lửa dí sâu vào chiếc vai trần. Một màn khói trắng bốc lên, phủ mờ miếng thép và bàn tay của tên đao phủ. Hơn 40 năm sau, tai tôi vẫn còn nghe và lòng tôi còn chấn động tiếng thét hãi hùng của người bị hình phạt. Từ kẻ ăn cắp, người phụ nữ trong tôi đã trở thành người tử đạo. Tôi ra khỏi đám đông, lòng quyết tâm chống lại đến cùng những hành động tai hại của luật lệ. Lúc đó, tôi 16 tuổi ».

Tháng 6 năm 1848, quần chúng nổi loạn. Cuộc vùng dậy bị dập tắt trong máu. Victor Hugo xông trận trên khắp chiến tuyến : đòi tự do chống lại thiết quân luật ; đòi tương trợ xã hội chống lại nghèo khổ ; đòi chủ quyền cho nước Ý chống lại quyền hành chuyên chế của giáo hoàng ; đòi giáo dục tiểu học trung lập chống lại trường học lệ thuộc giáo quyền ; đòi phổ thông đầu phiếu chống lại đầu phiếu hạn chế. Người thi sĩ trở thành chiến sĩ của phe xã hội. Đáo chánh quân chủ tháng chạp năm 1851 đẩy ông ra khỏi nước Pháp, mở đầu cuộc đời lưu đày kéo dài gần hai chục năm. Đây là giai đoạn phong phú nhất trong sáng tác của ông. Hầu hết các tác phẩm danh tiếng nhất ra đời trong khoảng thời gian này, đáng kể nhất, đối với độc giả Việt Nam, là tập tiểu thuyết **Những người cùng khổ**. Trong một lời tựa gởi đến nhà xuất bản năm 1862, ông viết :

« Cho đến khi nào, bằng luật lệ và phong tục, xã hội bày đặt ra một cách giả tạo, giữa nên văn minh đang nảy nở, những địa ngục để đày đọa con người, làm con người lầm tưởng rằng vận mạng của mình, vốn linh thiêng, đã được an bài từ trước ; cho đến khi nào ba vấn đề của thế kỷ - con người bị rơi tụt xuống hàng vô sản, phụ nữ bị mất phẩm cách vì đói, trẻ em teo tóp vì đêm khuya - chưa được giải quyết ; cho đến khi nào, trong nhiều nơi, con người vẫn còn có thể bị bóp nghẹt trong xã hội ; nghĩa là, nói rộng hơn, cho đến khi nào trên mặt đất còn ngu dốt và khổ cùng, những quyển sách như quyển truyện này vẫn còn ích lợi ».

Ông viết thêm trong thư gởi Lamartine cùng năm :

« Vâng, thế đấy, tôi muốn hủy diệt số phận an bài ; tôi kết án chế độ nô lệ, tôi xua đuổi nghèo khổ, tôi dạy cho sự dốt nát, tôi chữa cho bệnh tật, tôi thắp đèn cho đêm khuya, tôi cầm thù sự cầm thù. Tôi là như vậy, và đó là lý do tôi viết **Những người cùng khổ**. Trong suy nghĩ của tôi, đây là quyển truyện lấy tình huynh đệ làm gốc, lấy tiến bộ làm ngọn ».

Đó chưa phải là xã hội chủ nghĩa. Chi xã hội thôi đã quá đủ để phe hữu mặt sát, la ó, tố cáo người thi sĩ ấy phun nọc độc cách mạng. « **Đả đảo Jean Valjean !** » « **Giết chết Jean Valjean !** » giới bảo thủ ở Bruxelles, nơi ông lưu vong, còn ném hăm học vào cửa sổ nhà ông mười năm sau khi quyển truyện ra đời. Họ đồng hóa ông với Jean Valjean, nhân vật trong truyện, người tù bị đày khỏi xứ. Nhưng Jean Valjean là hiện thân của công lý dưới ngòi bút của Victor Hugo. Vượt ngục, trở về nước, đổi tên, sống cuộc đời thánh thiện, giúp người nghèo, nâng đỡ thợ thuyền, được yêu mến, được kính trọng, bỗng một hôm Jean Valjean nghe tin cảnh sát bắt được một tội nhân vượt ngục tên là ... Jean Valjean. Làm gì bây giờ ? Tiếp

tục sống đời thánh thiện, cứu giúp đồng loại, mặc người kia hàm oan, hay nhận lãnh trách nhiệm, tránh bắt công ? Jean Valjean lựa chọn công lý. Ông tự nộp mình cho cảnh sát. Nhưng hành động đạo đức cao thượng ấy cũng là hiện thân cao nhất của tự do, bởi vì tự do cụ thể nhất, cơ bản nhất, là tự do lựa chọn. Sống vì tự do, chết vì tự do, con người phải có tự do lựa chọn : đó là thông điệp hùng vĩ nhất của Victor Hugo, trong **Những người cùng khổ** cũng như trong tất cả tác phẩm và hành động chính trị của ông.

*
* *

Chính tư tưởng đó đã khiến Victor Hugo lựa chọn đời sống lưu vong thay vì chấp nhận ân xá của một chế độ độc tài. Cũng chính tư tưởng đó đã khiến ông thay đổi thái độ đối với Napoléon, thần tượng của ông lúc trẻ. Napoléon ! Có ai lớn hơn vị thần ấy ? Núi, sông, đồng bằng, lâu đài, kinh đô, trận mạc, Đức, Ý, Áo, Phổ, Nga, giáo hoàng, tất cả Âu châu, cho đến tận Ai Cập xa xăm, huyền bí, tất cả đều nằm rạp dưới vó ngựa của hoàng đế. Napoléon ! *Như hình vẽ từ ngón tay đứa bé trên cát / Tiếng đế quốc ngổn ngang xóa sạch dưới chân người.* Napoléon ! « Không có một cái đầu nào, dù cao lớn, ngạo nghễ đến đâu đi nữa, mà không cúi chào vâng trán kia, trên đó rõ ràng bàn tay của Trời đã đặt hai vương miện, một làm bằng vàng mà người ta gọi là vương hiệu, một làm bằng ánh sáng mà người ta gọi là thiên tài ». Napoléon ! *Người ngự trị trên thời đại chúng tôi, thiên thần hay quỷ dữ không cần biết / Cánh ó của Người mang chúng tôi phiêu du khắp chốn, ngắt ngây.*

Đó là Napoléon thần thánh của Victor Hugo lúc trẻ, ngôi sao dẫn đường trong đêm tối trước khi trở thành mặt trời chiếu sáng cho thế kỷ mở đầu. Vầng ánh sáng đó rạng rỡ quá, che khuất hẳn mặt tối của ông thần nhưng không xóa được. Mặt tối ấy là tham vọng, độc tài. Tham vọng làm tanh máu trên bàn tay của ông. Máu của hơn 800.000 xác chết vắt trên khắp chiến trường. Máu của 3 000 lính Thổ đầu hàng ở Jaffa năm 1799 mà ông hạ lệnh bắn chết sạch. Sạch ! Giữa sa mạc, chỗ đâu mà chứa ? Quang cảnh hàng ngày trước mắt ông là hàng ngàn, hàng chục ngàn thi hài hấp hối, thối rữa. Bài học vỡ lòng của ông là phải có trái tim sắt, không biết cảm động : bản chất của sự vật, theo ông, là như vậy. Suốt đời, ông đi trên máu và thịt ; ông lấy máu làm mực để viết lịch sử. Lịch sử của tham vọng, của ước mơ trong đầu ông. Ông hô to : « *Ta đưa các người đến những cánh đồng phì nhiêu nhất thế giới* ». Cánh đồng này rồi cánh đồng khác, lính của ông tha hồ cướp bóc, và giết, và chết.

Ông áp dụng « bản chất của sự vật » đó vào chính trị : sẵn sàng giết không động lòng. « *Chính người lính dựng xây Cộng Hòa ; thanh gươm là trục quay của thế giới* », ông tuyên bố. Cho nên, tướng biên cương, ông cướp gươm về kinh đô đảo chánh ngày 18 Mãn Thu. Ông đoạt quyền. Ông ngồi trên gươm để cai trị. Ông dạy : « *chính trị không có tim, chỉ có đầu* ». Chống đối, ông dẹp. Hiến pháp, ông sửa. Địch thủ - quận công d'Enghien - ông bắt cóc, ông

bán. Ông thổ lộ : « Từ toàn thắng đến sụp đổ, chỉ một bước thôi. Bao giờ cũng vậy, một chuyện còn con, vô nghĩa lý, chốt đến, quyết định những sự việc trọng đại ». Tay độc tài nào cũng sợ những « chuyện còn con » như vậy. Cho nên đã nắm trọn vấn cứ muốn nắm trọn hơn nữa quyền hành : ông dẹp luôn chế độ cộng hoà. Từ Bonaparte, ông trở thành Napoléon hoàng đế. Ôi, cay đắng cho bao nhiêu hy vọng đặt vào ông để bảo vệ gia tài của cách mạng lúc đầu ! « Bonaparte đập nát tự do bây giờ, nhưng ông sửa soạn tự do cho ngày mai bằng cách kiềm chế cách mạng và tiếp tục tận diệt những gì còn sót lại của nền quân chủ hôm qua. Ông cày bừa cánh đồng ngổn ngang xác chết và phế tích : chiếc cày lực lưỡng của ông được Vinh Quang kéo đi, đào sâu trong đất những luống cày từ đó những hạt giống tự do sẽ mọc ». Ôi, ngây thơ ! Ngây thơ ngu ngon với những y của Bonaparte và thúc dục với cái vương miện trên đầu hoàng đế.

Victor Hugo không chối bỏ hình ảnh vinh quang mà ông đã nhận được từ thần tượng của ông lúc trẻ, nhưng lòng yêu tự do khiến ông biết nhìn cả hai mặt của ông thần và biết mình đứng ở đâu, với ai, trong tư tưởng. Được bầu vào Hàn Lâm Viện năm 1841, lúc ông mới 39 tuổi, diễn văn của ông đối đầu cây bút với lưỡi gươm :

« Tất cả lực địa cúi mình trước Napoléon - tất cả, trừ sáu người thi sĩ, sáu nhà tư tưởng, vẫn đứng thẳng trong một vũ trụ quý gôi : Ducis, Delille, phu nhân de Staël, Benjamin Constant, Chateaubriand, Lemerrier ... Sáu thi sĩ nổi giận đó tượng trưng trong Âu châu điều duy nhất mà Âu châu đang thiếu lúc đó : độc lập ; tượng trưng cho nước Pháp điều duy nhất mà nước Pháp lúc đó đang thiếu : tự do ».

Độc tài, nhưng thông minh xuất chúng, Napoléon biết giá trị của người cầm bút. Trong vinh quang của quyền lực, ông biết vinh quang của văn chương. Ông muốn hai vinh quang đó hợp lại sáng rực dưới triều đại của ông, nghĩa là dưới uy quyền của ông. Cho nên, « khoa miệng quân chúng cũng chưa đủ, ông còn muốn Benjamin Constant phải quy phục ; chiến thắng 30 quân đội cũng chưa đủ, ông còn muốn chiến thắng Lemerrier ; chinh phục bấy nhiêu vương quốc cũng chưa đủ, ông còn muốn chinh phục Chateaubriand ». Danh vọng, chức tước, địa vị, không thiếu thứ gì ông đem ra chiêu dụ họ ; tất cả đều từ chối. Vuốt ve không được, ông đập. Không người nào nhượng bộ. « Nhờ sáu tài năng đó, nhờ sáu cá tính đó, dưới triều đại của ông, tuy bao nhiêu tự do đã bị dẹp bỏ, tuy bao nhiêu vua chúa đã bị làm nhục, phẩm chất cao quý của tư tưởng tự do vẫn còn được duy trì ».

Các văn hào ấy không phải chống đối cái hào hiệp, cái hiêm có, cái lừng lẫy nơi Napoléon. Nhưng họ thấy « con người chính trị đã làm mờ nhạt con người chiến thắng, bậc anh hùng sống đối với tay bạo chúa, một nửa người này đối đáp cay đắng với nửa người kia ». Hơn thế nữa, độc tài và chiến tranh thúc đẩy lẫn nhau ; họ phản đối chiến tranh vì chiến tranh triển miên đến mức ấy đã động đến lương tâm con người.

Tất nhiên, không phải chiến tranh nào cũng xấu, có

chiến tranh là cần thiết. Nhưng « lúc chiến tranh vươn đến mục đích thống trị, lúc chiến tranh trở thành tình trạng bình thường của một xứ sở, lúc chiến tranh bước vào giai đoạn kinh niên, lúc 13 chiến tranh diễn ra trong vòng 14 năm, lúc đó, dù cho kết quả về sau là thế nào đi nữa, đến một lúc con người không chịu đựng mãi được. Lúc đó, phong hóa suy đồi vì bị cọ xát với những tư tưởng bạo tàn, thanh gươm trở thành dụng cụ duy nhất của xã hội, sức mạnh chế tạo ra một thứ luật pháp cho riêng mình, thương mại, kỹ nghệ, sự phát triển rạng rỡ của trí óc, tất cả những hành động của hòa bình đều biến mất. Chính lúc đó, dù đang giữa mùa chiến thắng rầm rộ của gươm giáo, xã hội cần có những nhà tư tưởng để khuyến cáo người anh hùng ; lúc đó, các nhà thi sĩ - nghĩa là các người làm nên văn minh một cách nhẫn nại, thanh bình, an nhiên - cần đứng lên phản đối những người chinh phục - nghĩa là những người làm nên văn minh bằng bạo lực ».

Vinh quang của người này phải tôn trọng vinh quang của người kia. Vinh quang của người này cần có vinh quang của người kia. Đó là động cơ của tiến bộ. Ở tột đỉnh của quyền lực, ở tột đỉnh của vinh quang, Napoléon không còn biết đến ai nữa. Ông chỉ còn nghĩ đến ông và một đứa con trai phải đẻ ra để bế lên ngai vàng của ông, đánh bật những dòng máu chính thống khác. Ông trèo quá cao nên ngã quá đau. Giá như ông chịu khó hỏi ý kiến của một người dân quê nào đó ở phương trời Á châu xa xăm, chắc ông đã được nghe nói : “mãnh hổ nan địch quần hồ”. Tham vọng của ông đưa ông vào tử lộ. Và đây là tử lộ trong thơ của Victor Hugo, người đã xem ông là thần tượng trước khi biết trách ông quên mất vinh quang của tự do :

Tuyết rơi. Rơi trên hùng binh gục ngã
Lên đầu tiên con ó cúi đầu
Lệnh hoàng đế rút lui nhục nhã
Bỏ đằng sau bốc khói Mát-Sco-Va.
Tuyết rơi. Mùa đông vỡ tan theo tuyết
Mênh mông đông tuyết, đông tuyết mênh mông
Tướng ở đâu, cờ ở đâu, không biết
Đại binh hôm qua, nay đàn súc khốn cùng.
Mơ ước lạc loài tan theo sương khói
Dưới trời đen hình bóng mông lung
Cùng với tuyết trời kia yên tĩnh
Dệt khăn tang trùm hàng vạn tàn binh.
Trước tàn quân lua thua trên tuyết
Người vinh quang run rẩy nhìn trời
Nói gì đây một câu sám hối
“ Phải chăng đây trừng phạt hồi Trời ? ”
Napoléon ! tên ông ai gọi
Nghe mơ hồ ai nói với ông :
Không.

Ba năm sau, Waterloo khép lại bước đường cùng. Khi

lớp tinh binh cuối cùng của Napoléon bị tiêu diệt sạch, khi tàn binh bỏ chạy như sóng lũ, người, ngựa, cò, trống roi quy ngổn ngang trên trận địa,

Napoléon hốt nhiên hồi hận

Lính chết. Ta thua. Trời hồi ! Ông than

Đế quốc ta tan tành như gương vỡ

“Phải chăng đây trờng phạt hồi Trời ?”

Napoléon ! tên ông ai gọi

Nghe mơ hồ ai nói với ông :

Không.

Trời không dung. Bởi vì thanh gươm của ông đâm vào tự do của các dân tộc. Bởi vì thanh gươm của ông đâm vào tự do.

*

* *

Giống như bất cứ ai, tôi cũng đã từng choáng ngợp trước hào quang của Napoléon. Người Việt lại dễ choáng ngợp hơn ai hết, vì lịch sử mà chúng ta học từ bé là lịch sử của võ công, của trận mạc, của danh tướng. Huống hồ, trong huyền sử chung quanh Napoléon, còn phảng phất thêm phấn hương hồng lâu mộng Joséphine ! Trai mới lớn chúng tôi ngày trước có đứa thuộc lòng từng đoạn trong thư tình ông gửi cho hoàng hậu. « *Ta đang trên đường từ chiến trận về thăm nàng đây. Đừng tấm né !* » Khói bốc ra từ hàm ngựa và mùi mồ hôi dâng lên từ phía dưới cổ quý phi, trai nào mà không rạo rục ? Lớn lên chút nữa mới hiểu rằng đâu phải chỉ ngồi trên mình ngựa mới làm nên lịch sử ! Nhưng có lẽ chưa già thì chắc cũng chưa dám nghĩ đến việc so sánh sức mạnh giữa cây bút với lưỡi gươm. Chưa già thì chưa nhận ra rằng hóa ra lưỡi gươm chẳng thắm vào đâu so với lời nói và chữ viết. Riêng về chuyện Napoléon, dù ông là thần thánh, ông đã chết. Yên lặng trong nấm mồ / Ông nằm nghe lòng đất nói về ông. Victor Hugo vẫn còn sống. Bằng chứng là ông đang tiếp tục viết lịch sử của ngày mai. Ông viết lịch sử của tự do thì bao giờ ông cũng vẫn còn đây. Đây, tôi xin tóm tắt một đoạn mà nét mực vẫn còn tươi.

« *Hồi thế kỷ này mới bắt đầu, có một đứa bé sống trong một ngôi nhà lớn, kín đáo ẩn khuất giữa một khu vườn lớn, trong một vùng thanh vắng nhất Paris. Trước cách mạng, nhà đó là một tu viện mang tên là Feuillantines. Đứa bé sống một mình, với mẹ, hai anh và một ông linh mục dạy trong nhà. Ông linh mục là người đáng kính, nhưng lối giáo dục của ông tiếm vào đầu óc non trẻ của chúng tôi sự già nua của thành kiến, hút bình mình ra để đưa đêm tối vào, đổ đầy quá khứ vào tâm hồn đến nỗi không còn chỗ nào để chứa tương lai. Đứa bé đó là tôi, cách đây sáu mươi năm.*

Đó là giai đoạn huy hoàng của Napoléon, chiến thắng tiếp theo chiến thắng. Tôi còn nhỏ, không biết gì, chỉ sống giữa hoa bướm với ong, không thấy ai ngoài mẹ, hai anh và quyển sách dưới nách ông linh mục.

Bỗng một buổi chiều, vài người khách ở đâu đến viếng mẹ tôi, chuyện lạ chưa từng thấy trong ngôi nhà Feuillantines

này. Khách ba người, bạn của cha tôi đang công tác xa. Khách và mẹ tôi đi dạo trong vườn ; mẹ tôi nghe khách nói chuyện, tôi bước theo sau mẹ tôi. Hôm đó là một ngày lễ lớn, đèn, pháo bông, đại bác nổ vang, cả kinh đô tung hô hoàng đế và quân đội của ông, đêm hồng lên ánh lửa, khu vườn sáng tỏ như ban ngày. Ba người khách nói chuyện ; cây cối lặng yên ; đàng xa đại bác trang nghiêm nổ, mười lăm phút một phát. Điều mà tôi sắp kể sau đây, không bao giờ tôi quên được.

Khi ba người khách bắt đầu bước vào dưới lùm cây lớn, một trong ba người dừng lại, nhìn lên trời đêm rực ánh sáng, bật tiếng lớn :

– *Dù sao đi nữa, người ấy thật vĩ đại.*

Bỗng một tiếng cất lên từ trong bóng tối :

– *Chào Lucotte, chào Drouet, chào Tilly.*

Rồi một người cao lớn hiện ra trong ánh sáng mờ ảo của lùm cây. Ba người khách ngẩng đầu. Một người kêu lên : “Ồ !” Ông chưa kịp gọi tên người ấy thì mẹ tôi, tái mặt, ra dấu bảo im. Họ im. Còn tôi, ngạc nhiên, đứng trố mắt. Chưa bao giờ tôi biết trong góc vườn sau, chỗ có một căn nhà nhỏ bỏ hoang, có người trú ẩn từ lâu nay. Người ấy lớn tiếng :

– *Lucotte, anh vừa nói người ấy vĩ đại.*

– *Đúng.*

– *Có người vĩ đại hơn Napoléon.*

– *Ai ?*

– *Bonaparte.*

– *Lúc nào ?*

– *Trước ngày 18 Mãn Thu.*

Rồi tiếp luôn :

– *18 Mãn Thu là sụp đổ.*

– *Đúng rồi, của Cộng Hòa.*

– *Không, của Bonaparte.*

Cái tên Bonaparte làm tai tôi bõ ngỡ vô cùng. Tôi vẫn thường nghe nói : “hoàng đế”. Từ lúc đó tôi mới chợt hiểu cách nói tự nhiên, pha chút khinh bạc, về sự thật. Ngày hôm đó, tôi mới biết tiếp cận cách xưng hô hùng vĩ mà y tao thân mật với lịch sử.

Ba người khách là ba ông tướng ; họ nghe với dáng mặt vừa ngạc nhiên vừa nghiêm trọng. Ông Lucotte nói :

– *Anh có lý. Để xóa bỏ 18 Mãn Thu, tôi sẽ hy sinh tất cả. Nước Pháp lớn, tốt. Nước Pháp tự do, tốt hơn.*

– *Nước Pháp không thể lớn nếu không tự do.*

– *Đúng. Để lập lại nước Pháp tự do, tôi cho hết gia sản. Còn anh ?*

– *Tính mạng.*

Lại im lặng một lúc. Đàng xa vắng đến tiếng huyền não của Paris vui nhộn, cây cối hồng lên, ánh sáng của lễ hội chiếu trên khuôn mặt của ba người. Sao đêm trên đầu mờ nhạt giữa rục rục của Paris thấp sáng, vắng sáng của Napoléon làm ngập bầu trời.

Thốt nhiên, người trú ẩn khi nãy xoay mặt về phía tôi khiến tôi sợ và lén trốn ; ông nhìn tôi đăm đăm, rồi nói :

– *Này cháu, hãy nhớ câu này nhé : trước hết là tự do.*

Rồi ông đặt tay lên vai tôi ; cho đến bây giờ vai tôi vẫn giữ nguyên cái rùng mình khi ấy. Và ông lặp lại :

– *Trước hết là tự do.*

Rồi ông đi vào dưới lùm cây, chỗ mà khi nãy ông bước ra.

*Người ấy là ai ? Một tội nhân bị truy nã. Tướng Lahorie, bạn của cha tôi, tuy lớn hơn cha tôi 25 tuổi. Năm 1801, ông chống lại Bonaparte, bị truy lùng, đầu ông bị treo giá, cha tôi cho ông ẩn nấp trong nhà hoang. Nhà phế nát chứa chấp một phế nát khác - một kẻ bại trận. Chim chóc tự do bay vào chỗ ông trốn, sợ gì một chiếc giường con, một khẩu súng lục, và một cuốn sách lịch sử Cộng Hòa Roma thời cổ. Tôi còn nhớ như in một hôm ông bế tôi trên đùi, mở cuốn sách ra và đọc hàng chữ la tinh : *Urbem Romam a principio reges habuere*. Ông dừng lại, thâm thi :*

– *Nếu Roma hãy còn vua chúa, Roma đã không phải là Roma.*

Rồi, nhìn tôi âu yếm, ông lặp lại câu nói ấy :

– *Này cháu, trên tất cả là tự do.*

Một ngày kia, ông biến mất khỏi nhà. Tôi không hiểu tại sao. Nhiều biến cố xảy ra quá. Một buổi chiều tháng 10-1812, tôi nắm tay mẹ tôi đi trước nhà thờ Saint-Jacques-du-Haut-Pas. Một áp phích lớn, màu trắng, niêm trước cột cổng, cột bên phải, sau này thỉnh thoảng tôi vẫn nhìn cột đó. Người qua đường liếc nhìn tấm áp phích, dánh sợ hãi, lướt mắt đọc qua, rồi bỏ đi thật nhanh. Mẹ tôi dừng lại bảo tôi : con đọc đi. Tôi đọc. Tôi đọc thế này : “Đế chế Pháp quốc. Chiếu bản án của phiên tòa án binh đầu tiên, đã bắn trên phố Grenelle, vì âm mưu chống lại đế chế và hoàng đế, ba cựu tướng Malet, Guidal và Lahorie”. Mẹ tôi nói : “Lahorie, con nhớ tên của bác ấy”. Và tiếp theo :

– *Bác ấy là cha đỡ đầu khi con mới sinh ».*

Cũng giống như “những chuyện còn con” ám ảnh hoài các nhà độc tài, câu nói còn con của người trú ẩn, thốt ra giữa một đêm tung bừng ánh sáng vinh quang của quyền lực tối cao, vang dội mãi trong đầu của người thi sĩ ấy : “trước hết là tự do”.

Nếu có ai khác nói tự do, tôi sẽ còn xét lại. Nhưng khi đưa bé trong chuyện là tác giả *Những người cùng khổ*, khi người bệnh vực cho những người cùng khổ nói lên tự do, tôi lắng tai nghe định nghĩa của người ấy. Người ấy định nghĩa tự do như thế này : là “*Lý Trí trong triết lý, Hứng Khởi trong nghệ thuật, Công Lý trong chính trị*”. Một tự do với định nghĩa rõ ràng như vậy, có gì trái với hướng đi của ngày nay ?

CAO HUY THUẬN

Chú thích:

Ngoài thơ văn của Victor Hugo, những trích dẫn in chữ nghiêng lấy từ Max Gallo, *L'homme qui était l'Histoire*, Express 29-11-2004 ; và quyển sách vừa xuất bản : Michel Winock, *Victor Hugo dans l'arène politique*, Bayard, 2005 (trừ câu về quý phi trích theo trí nhớ - vì dễ nhớ).

Thơ rời

*Mưa hết nhiều hải đảo đen mưa sô-nát một cảng cuối
tôi viết trùng chữ
hành vi trùng lặp: một giờ ra
một giòng, một câu
thu kết tạm cái vừa tới, đã mất
điều gì vừa bất ngờ làm trật
một nhịp đập, rớt ra*

*trí nhớ đúng
(một góc căn phòng trống)
như một ai khác
khi tới ngày đọc, đọc lại*

*cho hơn
là một hơi nóng, một cái hát tạt
của đất tháng Tư
rễ cỏ rề, ngày hạn, vậy.*

*Trước nền sóng những bóng đèn
sẽ hiện lên, như người ấy nói, cũng phải ghi nhận nó
như thế, đây, nơi đây
cái khoét xoáy trầy trụa, vỡ nát
nền đất từng gói đầu*

*gập đóng và nhìn ra
đất nát nhão thế nào
người ta vào trong đất*

*đêm để hỏi lỗi
chiều để tạ tội
những buổi sáng tôi không đúng.*

*Chẳng ai khác ngoài giấy
chút ánh sáng để nhận
mặt chữ và khoảng trống, khoảng cách
đứng sừng gò núi*

*người lương y cuối cùng
trận càn cuối cùng,
tôi đã không biết
trên đất tôi đi
biển giữ bao nhiêu,*

*ai chịu trách nhiệm ?
Đưa cho tôi chiếc nón
đưa cho tôi một ngọn đèn bão công sự
cuộc triển lãm thiết kế nửa thế kỷ sau
tôi sẽ là người
im một sô-nát xanh*

*những điều gần cận:
sự ra đi
của một hát thờ
cái nhìn cuối,
ngọn gió đuối
tiếng nói, tiếng rên
người và thú,
súng ống đem đến
từ một kho đạn, một hải cảng, nhiều hải cảng
cuốn vở, chiếc áo nhiều năm
vết thương rách còn lâu hơn
trên đất, ngoài biển.*

*Giờ đóng cửa người ta có thể đốt
cuộc hòa tấu
toàn bộ
cũng nằm trong.*

Thường Quán

1/ 2006

Con chó, văn học và dân tộc

Năm nào, năm nao, năm nào cũng vậy, mỗi lần Tết, viết báo Xuân, thì một ý tưởng lại về. Năm ngoái đã viết câu này, năm nay viết lại : què tôi có câu hát ru thậm hay :

Con mèo, con chó có lông,

Cây tre có mắt, nổi đồng có quai

Câu hát giàu chất thơ, nằm ngoài cái hay từ chương, học được ở nhà trường hoặc qua sách vở. Lời thơ đơn giản trong từ vựng cũng như bút pháp, và không mang một lượng thông tin nào đáng kể cho người nghe, vì chỉ nói lên những điều hiển nhiên, tầm thường, người người đều biết. Lời nói xem như không có nội dung, mà vẫn đứng vững được đời này sang đời khác ; như vậy, câu nói tự lấy mình làm nội dung, ngôn ngữ tự lấy mình làm cứu cánh. Đây là một câu thơ đích thực, theo quan niệm hiện đại. Mà lại là một câu thơ hay, phần nào nhờ giàu nhạc tính, phụ âm k luyến láy ở những vị trí trọng yếu, làm nổi bật động từ có, vừa là sở hữu (avoir) vừa là hiện hữu (être). Bộ lông là hiện thân, là thành phần bản thể tự nhiên của con mèo, con chó. Câu thơ gợi lên một không gian im lìm, thân thuộc : mảnh vườn, góc sân, xó bếp, trong tâm trạng thư thái, hạnh phúc, tin cậy vào cuộc sống. Phong cảnh ở đây ngưng đọng thời gian, ngoại quan là một tâm cảnh, một tâm cảm dù không có chữ nào diễn đạt tâm tình.

Dù vậy, không phải ai ai cũng thích ; Xuân Diệu đã chê gắt gao : « *đó là một kiểu mẫu về câu thơ vô vị (...)* trần trụi như mèo chó đã bị vật lông (!) và nghe đến nó thì ông tre cũng không hứng thú gì mà có mắt nữa » (!) [1].

Tệ đến thế là hết nắc !

Về chó, ca dao ta còn có câu cực hay :

Bực mình con chó nhỏ sủa dai

Sủa nguyệt lâu dài, sủa bóng trăng lu

Nhà thơ Tô Thùy Yên, khi trích dẫn

câu này, đã bình luận : « *nhóm từ ‘nguyệt lâu dài’ không rõ nghĩa, nhưng dàn dựng cho lời thơ một cảnh sắc hoang đường lạ lẫm. Thi tính, đôi khi nếu chẳng phải là thường khi, vượt ra ngoài những diễn luận thông phàm. Một trong những kỳ tích của thơ, có lẽ cũng của tình yêu nữa, là ôm công được cái thực tách khỏi chỗ thường nhật. Cái thực trong thơ là cái thực rỗng » [2]*

Tô Thùy Yên sành văn học dân gian và do đó dè dặt hơn Xuân Diệu. Câu ca dao trách con chó sủa dai, phá giấc ngủ, lúc nào cũng sủa được : trăng lu cũng sủa, trăng sáng lại sủa. ‘*Nguyệt lâu dài*’ là cảnh trời mây huy hoàng trắng lẹ khi trăng bỗng nhiên rục rờ, đối lập với ‘*bóng trăng lu*’.

Thơ Xuân Diệu :

*Đêm nay rằm yến tiệc sáng trên trời...
...Trăng đĩa ngọc giữa mâm trời huyền bí*

Thơ Hàn Mặc Tử :

*Trăng tan thành rơi xuống một cù lao
Hóa đài điện đã rất nên trăng lệ*

(Phan Thiết)

Điều lạ làm lạc hướng Tô Thùy Yên, là một người thơ dân gian, vô danh, không chuyên nghiệp, đã sáng tạo ra được hình ảnh ‘*sủa nguyệt lâu dài*’, tân kỳ, hư ảo và diễm ảo.



Trong văn học thành văn, con chó cũng đã góp mặt rất sớm qua bài thơ *Vô Đề*, mở đầu Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi, tác phẩm bình minh trong nền thi ca Việt Nam :

Ao bờ hẹp hời khôn thả cá

Nhà quen xú xúa ngại nuôi vằn

Ngày xưa nước ta con chó không có tên, được gọi theo màu lông, con vằn, con vện, con mực, con khoang... *Vằn, vện* cùng nguồn gốc ngôn từ, là chữ *văn* trong Văn Lang, văn hóa, văn minh ; có

khi phát âm ra *vân* trong *quả cau nhỏ nhỏ, cái vỏ vân vân...* Câu thơ Nguyễn Trãi : *xú xúa* nghĩa là xuề xòa, xuềnh xoàng ; ngại nuôi vằn vì bạn mình ưa lục lợi, nên tục ngữ có lời khuyên : *chó treo, mèo đây* ; nhà thơ mãi lo tiếp *mây khách khứa, nguyệt anh em* ắt không mấy để tâm đến việc *đậy điệm, treo leo*.

Tác phẩm Nguyễn Trãi còn lưu truyền đến nay là nhờ vua Lê Thánh Tông giải oan và ra lệnh sưu tầm ; Thánh Tông sống sót là do Nguyễn Trãi bao che, và lên ngôi nhờ công Nguyễn Xí phù lập. Nguyễn Xí lập sự nghiệp bắt đầu từ việc... nuôi chó : ông có tài điều khiển đàn chó săn hàng trăm con của Lê Lợi, trước khi cầm quân thời khởi nghĩa Lam Sơn và trở thành danh tướng.

Bóng dáng, tiếng sủa của con chó gắn bó với phong cảnh làng mạc Việt Nam, được Nguyễn Khuyến ghi lại bằng câu thơ tài tình :

Trâu già gốc bụi phì hơi nằng

Chó nhỏ bên ao cắn tiếng người

Lời lẽ nôm na, toàn những tiếng đơn âm, gợi lên phong cảnh, khí hậu buổi trưa hè Việt Nam trong những chỉ tiết độc đáo và chọn lọc, hơi thở mạnh của con trâu trong khí nóng bức và im ắng, khiến một âm hao nào đó của con người cũng đủ khuấy động không gian, làm giật mình con « chó nhỏ » thơ ngây. Câu thơ nôm na như vậy để làm người đọc quên nguyên tác bằng chữ Hán :

Ngọa thụ bì ngưu hư thử khí

Cách trì tiểu khuyến phệ nhân thanh

Bài này Nguyễn Khuyến làm để tặng người anh họ là Đặng Tự Ý và tự dịch ra quốc âm. Có lẽ câu thơ dịch hay hơn nguyên tác, vì hợp tình hợp cảnh hơn.

Thời thế đổi thay, con chó cũng đổi thay. Có lần Tổng đốc Nam Định là Vũ Văn Báo, theo lệnh chính quyền Pháp, vời Nguyễn Khuyến đến nhà, có ý mời ra làm quan. Nguyễn Khuyến cùng đi

với con cá là Nguyễn Hoan, vào đến công dinh tổng đốc thì gặp viên công sứ Pháp đi ra, lại bị con chó tây chồm lên cắn ; Nguyễn Khuyến hoảng hốt đẩy con ra chấn chó. Sau đó, trong câu chuyện với chủ nhân, ông đã làm thơ tức cảnh :

*Hốt đáo nhĩ môn phùng nhĩ cầu
Cấp tương ngô tử thế ngô thân*

Tạm dịch :

*Chợt đến cửa người, gặp chó người
Kịp đưa con mõ thay thân mõ*

Không rõ đây là chuyện thật, hay là giai thoại, hư cấu theo chuyện Nguyễn Khuyến từ quan nhưng đẩy con trai, phó bảng Nguyễn Hoan, ra tham chính thay mình. Dù sao hình ảnh con chó tây xuất hiện ở đây, cũng đánh dấu một giai đoạn xã hội khác, đời mới, người mới, chó mới, như trong bài văn tế Ri-vi-e (Henri Riviere), chết tại trận Ô Cầu Giấy, năm 1883 :

*Nhớ ông xưa
Mắt ông xanh lè, mũi ông thò lõ
Đít ông cười lừa, mồm ông huýt chó*

Loại chó tây này, càng về sau, càng rõ nét hơn như trong bài thơ *Thăm bạn*, 1937 của Võ Liêm Sơn (1888-1949) :

*Lâu ngày đi thăm bạn
Đến ngõ chó tuôn ra
Những con to và béo
Tiếng sủa như đồng loa
Thấy chó biết nhà chủ
Làm ăn rày khá mà.
Thôi thế, cũng là đủ
Bất tất phải vào nhà.*

Có những con chó làm cho con người gần nhau. Hay xa nhau.



Trong quá trình phát triển của đất nước, Nam Bộ gia nhập vào văn học muện màng; có khi nhờ vậy mà ít vướng mắc vào những kiêng dè đề tài, và đề cập nhiều đến chó.

Huỳnh Mẫn Đạt (1807-1883) quê Gia Định, có bài thơ đề cao công trạng chó, tự ví mình với con chó già, than thân chó, trách phận mình, lời thơ ưu ái :

Con chó già

*Tuy rằng muông cầu có ân ba
Răng rụng lâu năm nó phải già
Bởi đui hươu Tần nên mới gỏi*

*Vì lo khi Sở mới dùng da
Không ai trấn Bắc ngăn bầy cáo
Ít kẻ ngừa Tây giữ đũa tã
Mạnh mẽ khi xưa còn hơn hổ
Bây giờ yếu đuối hết xông pha*

(Hươu Tần, khi Sở : điển tích về việc tranh bá đồ vương thời Tần Hán, và nhiệm vụ săn bắt của loài chó)

Nguyễn văn Lạc (1842-1915) thường được gọi là Học Lạc, quê Mỹ Tho, có bài thơ nhiều người biết :

Chó chết trôi

*Sống thì bắt thỏ, thỏ kêu rêu
Thác thả dòng sông xác nổi phều
Vần vện xác còn phơi lưng dưng
Thúi tha danh hỹ nổi lều bều.
Tới lui bị rịn bầy tôm tép,
Đưa đón lao xao lũ quạ diều.
Một trận gió dòn cùng sóng dập
Tan tành xương thịt biết bao nhiêu.*

Thảm cảnh một xác chó, dưới một góc độ nào đó, cũng ẩn dụ thân phận con người.

Nói đến Mỹ Tho, chạnh nhớ đến nhà thơ Phạm Công Thiện, quê miệt ấy, khoảng 1970, trôi dạt sống tại Paris, đi lang bang trong chợ trời Montreuil, có bài thơ thân phận :

*Thân anh như con chó
Treo bảng bán chợ chiều
Một lần em qua đó
Con chó đứng nhìn theo...*

Một bạn thơ khác, Luân Hoán có một thi phẩm tên *Trôi Sông*, lấy ý từ thành ngữ “lạc chợ trôi sông”, nói lên cảnh chìm nổi, trôi giạt của một thế hệ thanh niên. Bạn bè nghịch ngợm lại đùa, cho rằng anh lấy ý ở ca dao :

*Em như cục cát trôi sông
Anh như con chó đứng trông trên bờ.*

Dĩ nhiên là chuyện đùa vui giữa bạn bè thân thiết. Chỗn văn học nghiêm trang, không ai dám nói thế.

Nhưng dường như các nhà thơ phía Nam ưa tả chó : Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), tả cảnh lụt : *Lồm xồm giường cao thấy chó ngồi*. Tuy là cảnh hiện thực, nhưng ý lấy từ thành ngữ *chó nháy bàn độc*, ám chỉ những tiểu nhân đắc chí trong cảnh nước mất nhà tan, *bốn mặt giang sơn ngập cả rồi*.



Giữa chó và lịch sử dân tộc truyền thuyết dân gian đã thiết lập mối quan hệ lâu đời : An Dương Vương Thục Phán chấm dứt triều đại các vua Hùng, lên ngôi năm 258 trước Tây lịch, dời đô từ miền trung du Vĩnh Phú về miệt đồng bằng Sông Hồng. Vua định đô tại làng Tô (Uy Nỗ), rồi dời về gò Cổ Loa là theo chân... đàn chó, có lẽ là chó săn vì các thủ lĩnh bộ lạc là những thợ săn lỗi lạc – Lê Lợi về sau cũng vậy. Con chó được vua sủng ái nhất, có lẽ là chủ soái đàn chó săn, cũng dời về Cổ Loa để lót ổ đẻ con. Ngày nay, dân địa phương còn chọn nơi chó đẻ để làm nhà, cho là đất phát phúc .

Ông vua xây dựng cơ chế quốc gia độc lập lâu dài cho nước Đại Việt là Lý Công Uẩn, sinh năm Giáp Tuất, 974, cảm tình chó. Truyền thuyết kể rằng bà mẹ họ Phạm sống trong chùa, nằm mơ thấy thần chó đá và thụ thai. Sinh con trai, bà mang đến chùa Cổ Pháp và con chó bằng đồng của chùa bỗng sủa mừng; Sư cụ là Lý Khánh Vân cho là điềm lành, ứng vào sấm ký của chùa, rước nuôi đứa bé và đặt tên Công Uẩn, cho mang họ của mình. Cậu bé theo học thầy Vạn Hạnh, thành đạt, làm tướng giỏi, sau lên ngôi vua, 1009.

Năm sau, Canh Tuất 1010, Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, gần Cổ Loa, đặt tên Thăng Long. Lúc dời đô, có con chó cái bơi từ Cổ Pháp vượt sông Hồng, theo vua, về lót ổ đẻ bên Hồ Tây, chỗ hồ Trúc Bạch bây giờ còn dấu tích. Truyền thuyết khác, kể rằng con chó Cổ Pháp vượt sông lót ổ đẻ trên núi Nùng, nên Lý Thái Tổ dời đô về phía ấy và chọn núi Nùng làm chính điện, lập đền thờ. Đại Việt Sử Ký Toàn Thư còn kể chuyện *con chó châu Cổ Pháp, đẻ con sắc trắng có đốm đen thành ra hai chữ “thiên tử”, kể thức giả nói đó là điềm người sinh vào năm Tuất làm thiên tử, quả là ứng nghiệm* (vào Lý Công Uẩn).

Dĩ nhiên đây là huyền thoại. Nhưng huyền thoại do đâu mà ra ? Học giả Kiều Thu Hoạch, trong một bài báo nghiêm túc, cho rằng do tục thờ chó đá cổ truyền, còn vết tích tại Hà Nội, như Tô Hoài đã kể cận kề trong *Chuyện Cũ Hà Nội*, 1998, mục *Con Chó Đá*. Và một vài nơi khác ở Hà Tây, và Vĩnh Phúc. Ông Kiều Thu Hoạch trích dẫn

chính xác nhiều sách Hán Nôm ghi lại những truyền thuyết về chó và vua Lý Thái Tổ.



Chế độ thuộc địa Pháp cáo chung vào năm 1945 và dẫn đến cuộc chiến tranh Việt Pháp. Người lính da trắng đầu tiên của Việt Minh là Erwin Borchers lấy tên Việt Nam là Chiến Sĩ và có lẽ là công thần ngoại quốc số một. Ông là lính lê dương gốc Đức, thuộc quân số Trung Đoàn 5 REI lừng danh, quan hệ với phong trào Việt Minh từ 1944 vì chuyên... một con chó ! Ông kể lại là đã chứng kiến hai cánh ngọ : một đầu bếp Việt Nam thịt con chó của ông chủ người Pháp, thì lãnh một tháng tù ; còn anh lính lê dương đâm chết một phu xe Việt Nam vì kì kèo tiền xe thì lãnh 15 ngày tù : vậy sinh mệnh con người Việt Nam chỉ đáng giá nửa con chó tây. Đây là *khởi điểm một ý thức chính trị* đã đưa ông đến quyết định đào ngũ và hợp tác với phong trào giải phóng, chủ yếu là viết bài cho báo *Le Peuple*, về sau phụ trách huấn luyện, phục kích và địch vận, quân hàm thiếu tá [5].

Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến, Quang Dũng là một tác giả hiếm hoi ghi lại đời mắt con chó, khi Trung Đoàn Thủ Đô rút quân :

*Nhớ buổi trung đoàn ta ra đi
Dân ta gánh gồng cả cơ nghiệp
Mái nhà trăm năm thôi để lại
Lạc chủ chó gây mắt hoang dại*
(1947, Sứ Một Trung Đoàn)

Khi phát động du kích, 1947, những hy sinh hàng loạt đầu tiên, là những con chó, để bảo vệ bí mật chuyển quân. Hai mươi năm sau, 1968, trong vụ Tổng công kích Mậu Thân, những ngày áp Tết, loài chó, một lần nữa lại nhất loạt hy sinh. Sau trận tập kích, những con chó lạc chủ lang thang lại mắt mạng. Cứ mỗi lần đất nước có biến động lớn lao, loài chó là những nạn nhân tiên tiêu. Và món thịt cây cũng tùy nghi thăng trầm, phát triển, chúng tôi xin miễn dẫn chứng hay lý luận chi tiết ở đây, e mắt vui ngày Tết.

Là một điều : thơ đương đại ít khi tả chó, dù nó vẫn là bóng dáng và âm vang quen thuộc của làng quê. Trong tập « *Bức tranh Quê* », 1941, Anh Thơ đã tả chó sáu lần. Huy Cận thường tả cảnh

nông thôn, nhắc đến nhiều súc vật, mà dường như không tả chó. Hay là nhà thơ Ngô Văn Phú, chuyên viên về đời sống nông thôn, trong một tuyển tập dày cộm gồm 400 bài, chỉ một lần tả chó, mà là chó đất làm đồ chơi, con *tò he* [6].

Người đọc khó bề giải thích sự việc này bằng chính sách, lập trường. Tuy nhiên ta có thể nhận xét trong thơ đương đại, những tác giả bên lề đường lối, lại thường nhắc đến chó : Phùng Cung trong tập thơ *Xem Đêm*, 1995, có đến những mười bài nói đến chó, Hoàng Hưng có nhiều bài thơ về đề tài này :

Chó Đen và Đêm [7]

1

*Con chó
Con chó đen
Con chó đen chạy vào đêm
Đêm giữ giữ, ảm ảm*

2

Chó đen sủa bông sứ máu

3

Chó đen ngửa mặt nhìn trăng

4

*Chó đen rin rít những điều khó hiểu
Hồn ai đang lang thang trong đêm*

5

*Buồn quá chó ơi
Ai cũng bỏ ta rồi
Phì phì mà ghéch mõm vào môi*

6

*Chó đen sùng sục suốt đêm
Nổi ngứa ngáy tiền kiếp
Phát điên vì không nói được*

Chó ở đây không phải là một súc vật có thật – nó sẽ là chó Mục – mà biểu tượng cho bóng tối, đau thương, cô đơn, u uẩn, uất ức. Trong tập thơ *Hành Trình* mới đây, 2005, Hoàng Hưng lại có bài *Chó Rừng* u uất như vậy.

Cùng cảm hứng này, Tuệ Sĩ có bài *Tình Thất* [8] dài 32 khổ, làm năm Tân Tỵ, hai khổ 5 và 6 như sau :

*Lon sũa bò nằm im bên chợ
con chó lạc
đến vỗ nhíp
trời mưa
Tôi lang thang
đi tìm cọng cỏ
Nó nhìn tôi
vô tư.*

*Trời cuối thu se lạnh
Chó giỡn nắng bên hè
Nắng chợt tắt
Buồn lê thê.*

Trong các bộ môn văn học nghệ thuật, thơ là một thể loại nặng tính cách chủ quan, riêng tây, nhưng ngược lại, cũng giàu chất đại đồng (universalité) nhất ; những câu thơ Tuệ Sĩ, Hoàng Hưng, Phùng Cung là cách nhìn, cảm xúc cá nhân, nhưng như xé ra những mảng da thịt rớm máu từ lịch sử dân tộc. Những biểu tượng tù đầy, oan khiên, tuyệt vọng không nói nên lời. Để có cái nhìn thâm thiết kia, các tác giả phải trải qua những nghịch cảnh, những oan khuất. Họ không làm thơ ngẫu hứng, tự trào, ngâm vịnh buồn vui ; họ cũng không đẽo gọt những hình ảnh văn chương trác tuyệt lưu lại cho sử sách, do đó mà đã sử dụng hình ảnh con chó, vốn được yêu thương và bị nguyên rủa và... thương thức. Nghiệm trong lịch sử dân tộc gần đây, không ai, và không cái gì là vô tội, con chó cùng chung số phận : chó là một gia súc bán hợp pháp, một hồ sơ chưa kịp, hay chưa cần thụ lý.



Hình ảnh con chó đa dạng, đa nghĩa, hàm súc, thâm trầm và hoa mỹ nhất là trong thơ Tô Thùy Yên, tôi đếm được 15 lần trong hơn 30 năm - nhất định là thiếu sót.

Bài *Vườn Hạ* tạo nên không gian an bình, hạnh phúc, như *thiên đường xanh những mối tình thơ dại* trong thơ Baudelaire :

*Mênh mang lưu thủy trường trăng
lạnh
Con chó tung tăng giỡn bóng mình
Mương nước rì rào sao sáng thơ
Đài hoa sương nạm hạt lân tinh* [9]

Thơ Tuyển, tr.93

Tác giả không ghi thời điểm sáng tác ; dường như là khoảng 1974. Bài thơ gồm 17 khổ thật hay, về hạnh phúc của quê hương thơ ấu miền Nam Bộ. Trong không gian thiên đường xa xôi ấy, cảnh tứ biệt sinh ly vẫn êm ả, thơ mộng :

*Con chim lạc bạn kêu trời rộng
Hồn chết trôi miền dạ lý hương*

Thơ Tuyển, tr.94

Nhưng chiến tranh đã ập đến. Cuộc

tranh chấp năm châu thế giới đã òa ập xuống đầu một dân tộc nhỏ bé, trên quê hương mong manh trắng tơi và nắng lưa :

*Xa nghe đợt gió lên cơn bão
Nhân loại quay cuồng biến đổi sâu
Bầy chó năm châu cắn sủa rú
Quý ma cười khóc rộn đêm thâu...*

Thơ Tuyển, tr. 46

Tiếp theo là hình ảnh con chó, trong bài *Mùa Hạn*, 47 khổ, làm trong trại tù Nghệ Tĩnh, năm 1979 :

*Làng mạc giờ đây đã trống trơn
Con dê con chó cũng không còn
Người đi bỏ xác nơi bờ bụi
Miếu sạt, thân hoàng rũ héo hơn*

Con chó không còn, nhưng vẫn còn tiếng tru rân :

*Cái chết tru rân giờ nguyệt tận
Máu bung từ mỗi lỗ chân lông
Mọi người nghe chính mình kêu rú
Liệu sáng mai còn ai nữa không ?*

Thơ Tuyển, tr.104-103

Sau 13 năm tù, tác giả sang định cư tại Hoa Kỳ từ 1993. Bài *Nhà Xưa, Lửa cất ú*, trong *Thấp Tạ*, gồm 21 đoạn, làm năm 1997 :

*Nghe trong xanh thăm thời gian
Dai dẳng
Tiếng con chó nhỏ bên hè
Sủa bóng trắng lư*

...
*Bàn thờ nhện giăng
Nói chi com cúng
Tội cho hồn con chó nhỏ vẫn nằm chờ
Mơ màng người chủ vừa ra đi.*

Đây là cảnh ngộ của nhiều người, tiêu biểu cho một giai đoạn lịch sử. Nhà thơ gửi thêm vào một hoài niệm riêng :

*Em đứng lại, khóc cựu tình sơ ngộ
Nghe hồn con chó nhỏ quẩn mừng em.*

Thấp tạ, tr. 60,62 và 66

Nhưng rồi con chó già đi, hao mòn ký ức :

*Nắng mưa thấm thoát đời ta
Mối nợ căn nhà rệu rã
Đòi phen năm tháng cũ dò về
Chó già lạ hơi sủa
Chuyện đời như thất thiết
Vàng đá còn không giữ nổi mình
Biết nhờ đâu xác chứng ?*

... *Quê nhà nghe nói có
Chỉ dấu tìm không ra*

2002, Thấp tạ, tr.100-102

Con chó đeo đẳng mãi với thơ Tô Thùy Yên, càng ngày càng bi thiết. Trong bài mới làm hồi tháng 5-2005, anh tự xem mình là “Khất giả” :

*Chỉ mong đồng loại chó xưa đuổi
Giờ này thế giới kín khuya khoắt,
Còn cửa nào cho ta gõ đây ?
Lũ chó sủa rong theo
Quả đáng ngờ vực, mọi nhân dạng [10]*

Câu cuối chua xót : con người mất xứ sở, mất tài sản tinh thần, *may còn tiếng nói tùy thân*, mất niềm tin, nơi mình, nơi kẻ khác. Ngờ vực cả nhân gian, nhân dạng, cả nhân tình, nhân tính. Lũ chó sủa rong theo là một biểu tượng cay nghiệt và cay đắng.



Chuyện ngày Tết, lẽ ra phải vui, nhưng cuộc đời vẫn có chuyện không vui, cho dù ngày Tết. Trong tiếng Việt, chó là lời nguyện rủa. Thường thường là nặng nề và oan ức. Con chó tự nó không có gì xấu ; cái ta cho là xấu là do con người sai khiến, luyện tập. Trong hoàn cảnh xã hội đảo điên, lịch sử nghiệt ngã, chó trở thành biểu tượng u uất, đa nghĩa, như trong đoạn thơ Tô Thùy Yên dưới đây :

*Chuyện kể cốt qua đêm, nề chi
chuyện kể lại
Chó tru, miền xa tối rộn gai
Nơi hóc đá một cành hoa đợi sáng nở
Đi. Đi qua. Đi qua nữa. Đi qua nữa
nữa.*

2003, Thấp tạ, tr. 116

Làm nhớ thơ Phùng Cung :

*Chạng vạng chiều – rơi
Trên xóm nhỏ
Con chó hoang
Ngoạm vành khăn tang
Rượt theo lòng xóm
Tới ngã ba - nhón nhác
Lại cắm đầu rượt tiếp
Phía trước mặt trời đang tắt
Vàng trắng đang mọc phía sau*

(bài Chạng Vạng)

Những lời thơ thống thiết. Nhưng vẫn còn lóe lên một tia hy vọng, với *một cành hoa đợi sáng* nơi Tô Lang hay

vàng trắng đang mọc phía sau của Phùng Quân



Chúng ta đã thấy con chó gắn bó thế nào với con người, văn học và lịch sử Việt Nam. Vì gắn bó, nó thành liên đới và chia sẻ số phận với con người. Mà không cứ gì là người Việt Nam.

Chó làm bạn, làm đồng minh với nhân loại từ 15.000 năm nay, khắp nơi trên mặt đất. Chó thời tiền sử giúp con người săn bắt, bồi dưỡng chất đạm cho lương thực, chó canh chừng giấc ngủ an toàn cho chủ nhân. Ăn ngon ngủ yên, con người gia tăng sức lực, và thành thoi hơn, để phát triển kinh nghiệm, ngôn ngữ, tín ngưỡng, chăn nuôi, nông nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, kinh tế. Nói khác đi, chó là kết quả, thành phần và tác nhân của các nền văn minh, văn hóa văn hiến. Dân dã, có lúc, có nơi người phụ chó, chứ ít khi chó phụ người.

Ngày Tết, nói chuyện chó, là nhắc lại chút nghĩa cũ cang.

E một mai có lia tư ý...

Đặng Tiến

Tết Bính Tuất,

Orléans, 22/01/2006

[1] Xuân Diệu, *Thi hào dân tộc Nguyễn Du*, tr. 39, nxb Văn Học, 1966, Hà Nội.

[2] Tô Thùy Yên, *Thấp Tạ*, tr. 128, nxb An Tiêm, 2004, Houston

[3] Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội Nghìn Xưa*, nxb Văn Hóa Thông Tin, tr. 141, 1975, Hà Nội.

[4] Kiều Thu Hoạch, báo *Văn Hóa Nghệ Thuật*, tr.37-43, số 10-2005, Hà Nội.

[5] Jacques Doyan, *Les Soldats Blancs de Ho Chi Minh* (Những người lính da trắng của Hồ chí Minh) tr. 45-46, nxb Fayard, 1973, Paris.

[6] Ngô Văn Phú, *Tuyển Tập*, tr. 407, nxb Hội nhà văn, 2000, Hà Nội.

[7] Hoàng Hưng, *Người đi tìm mặt*, tr. 33, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1994, TPHCM.

[8] Tuệ Sĩ, *Giấc Mơ Trường Sơn*, tr. 74-75, nxb An Tiêm, 2002, Paris-San José.

[9] Tô Thùy Yên, *Thơ Tuyển*, tác giả xuất bản, 1995, Minnesota.

[10]. Tô Thùy Yên, *Khất Giả*, Tạp Chí Gió Văn, tr 4, số 5, 2005, Texas.

Khuôn mẫu và nét bút



Tôi nhìn thằng cháu tập viết. Tay nắm chặt cây viết, môi nó mím lại theo nét bút, cổ sức nắn nót cho đúng với chữ mẫu ở cuốn tập đồ.

Nó không thể biết còn bao mẫu mực, chờ đợi nó. Ở gia đình, trường học và cả ở cuộc sống xã hội.

Nếu tất cả các khuôn mẫu chỉ tạo ra những gì giống nhau ; thì cái gọi là cá tính lại làm ra những cá nhân khác nhau.

Cá tính hiện ra ở nét bút khác nhau. Có nét bút vội vã, nóng nảy. Có nét bút thanh thản, điềm đạm. Có nét đối trá, ba hoa. Và những nét thật thà, trung thực.

Những nét bút, nét cọ trong tác phẩm đã nói lên được, phần nào, tư chất phong cách của người cầm bút cầm cọ. Đó là tiếng nói của tiềm thức, vô thức đã vượt khỏi kiểm soát của trí óc, của ý muốn, của tính toán.

Người Tàu có câu nói : một nét bút đã phân biệt người quân tử, kẻ tiểu nhân. Có ý kiến cho rằng : quân tử hay tiểu nhân thì dính dáng gì đến vẽ đẹp ở bức hoạ. Tuy nhiên các nhà nghiên cứu phê bình nghệ thuật cũng thường tìm hiểu tiểu sử của hoạ sĩ để so sánh đối chiếu với nét bút trong tác phẩm để sự so sánh đối chiếu đỡ phần sai lệch. Berenson là một nhà phê bình lỗi lạc, ông chuyên nghiên cứu về những bức hoạ ở thời kỳ Phục Hưng ở nước Ý. Từ Hoa Kỳ là nơi ông sinh trưởng ; ông đã đến sống ở tỉnh thành Florence miền Bắc nước Ý. Ông từng nói : « nét bút cá nhân còn chứa đựng cả một nền văn hoá. Tôi thấy cần phải sống ở Florence ; để tìm hiểu nền văn hoá nơi này ; hầu sự đánh giá tác phẩm đỡ sai lầm ». Tác phẩm nghệ thuật, xuất phát từ những nền văn hoá khác nhau. Các nhà phê bình phương Tây, thường chỉ chú trọng đến những tác phẩm thuộc vùng văn hoá mà họ am tường. Họ sao lãng với những tác phẩm thuộc vùng văn hoá các nơi khác mà họ chưa nắm vững.

Lòng ưu ái với những tác phẩm thuộc vùng văn hoá mình sinh trưởng cũng là điều tự nhiên, chính đáng.

Dân tộc nào, cũng hãnh diện với những tài năng thuộc dân tộc mình.

Quốc gia nào cũng dành ưu tiên, một chỗ quan trọng trong viện bảo tàng nghệ thuật cho những tác phẩm nghệ thuật của dân tộc.

Tiếng ĐẸP thường được hiểu theo những ý nghĩa khác nhau ; vẻ đẹp Đông phương, vẻ đẹp Tây phương. Sự phân biệt là do những nguồn mỹ cảm khác nhau. Mỹ cảm khác biệt lại do nền văn hoá không giống nhau, thời đại không giống nhau.

Tây phương tuy chia ra nhiều quốc gia ; song hầu như đều chung một cội nguồn văn hoá không mấy khác biệt từ lâu đời. Van Goth, Modigliani, Picasso, Chagall, tuy là những con

người tứ xứ ; mà vẫn chung nền văn hoá Tây phương.

Họ đã được đánh giá trước hết, bởi giới làm văn học nghệ thuật và quần chúng đông đảo nơi xứ sở họ. Tính nghệ thuật của tác phẩm sẽ vượt không gian ; để đến với mọi người yêu thích tranh.

Thái Tuấn

VỀ MỘT BỨC TRANH THÁI TUẤN

Hoạ sĩ Thái Tuấn rời Việt Nam sang định cư tại Pháp từ 1984, ở gần nhà tôi.

Năm 1987, anh vẽ một bức sơn dầu vuông vắn, 70 x 80 cm. Tranh đơn giản từ màu đến nét. Trên nền xám tím, những nét thẳng góc, vẽ nên một căn phòng trống. Góc trên cao là khung cửa nhỏ, đục qua bức tường dày, để hở một xó trời xanh nhạt, phía dưới là một bục gỗ vuông chành chạnh, xám xịt và xanh tái, có đặt một cái bát trắng tròn, lòng bát trắng hếu, làm nổi bật khoảng trống.



Năm rồi, 2004 anh soạn ra đưa tôi xem và hỏi « Tôi vẽ cái gì đây hở ông ? Sao tôi vẽ thế ? ». Có lẽ anh cũng ngạc nhiên vì bức tranh này tương phản với những họa phẩm khác, anh thường cấu trúc trên những đường cong mềm mại, dịu dàng, và sử dụng nhiều uyển sắc, dù cho u buồn thì cũng thơ mộng, thoáng rộng. Quả là có lạ, có khác, có bất ngờ, và tôi không biết nói gì. Anh tiếp : « Thôi ông cứ mang về nhà treo, thấy ra điều gì thì mách tôi ».

Mấy hôm sau, tôi đến chơi và trình bày : « Đây là những ám ảnh tiềm ẩn trong ông sau 1975. Ám ảnh tù ngục, thiếu đối, cách ly, trống vắng, cô độc – vì lý do này hay lý do khác. Thời đó, tại Sài Gòn, ông không vẽ được. Ra nước ngoài, bức tranh tự bật ra từ những ấn ức bị dồn nén. Bật ra như một òa vỡ ». Tôi nói thế vì biết Thái Tuấn không vẽ tranh thời sự, không minh họa tư tưởng. Đặc điểm tranh Thái Tuấn – hay, dở : tùy người – là không phản hồi một tia sáng nào của lịch sử, mặc dù anh đã kinh qua trọn vẹn hai cuộc chiến tranh và các biến động kèm theo.

Nghe tôi trình bày, hoạ sĩ trầm ngâm « ông đã nói thế thì giữ lấy tranh ấy mà treo ».

Tôi đặt tên tranh là *Ký Ước*.

Kể lại chuyện, là nói về lịch sử một bức tranh, không phải chuyện tranh lịch sử.

Đặng Tiến

21/11/2005

Lòng ngưỡng mộ

Gửi hy vọng cho người về đêm tối qua một dòng sông
Hút mù như đóm sao băng
Gửi lửa cho anh đốt cháy phi trường
Gửi đạn cho anh phá trại tù binh
Lòng ngưỡng mộ về rừng gửi lá cò xanh trên cửa phố
Gửi vinh hiển cho người lăn vào chiến xa
Gửi lúa ngô mẹ già cho người kháng chiến
Bằng máu thịt xương thánh thiện ở rừng xa
Bằng lịch sử chín vàng đồng lúa
Bằng ngọn lửa cháy bùng trái tim
Gửi thù hận băng qua Thái Bình Dương
Khắc nhiệt tâm bằng cẩm thạch
Bắn rụng cánh chuồn chuồn bay (1)
Đêm tối gửi tương lai cho người trở về
Đốt ngọn đèn lịch sử
Nổi trống dậy khắp hoàng thành
Gửi màu xanh cho lòng chờ đợi
Gửi tàu bay thiết giáp vào lò nung sắt thép xây thành
phố mới
Gửi cho tham vọng đế quốc một đồng tro tàn
Gửi cho người người trong đau thương một nhành
lúa mới Tôi ngưỡng mộ muôn người đã chết cho đất
này được sống
Và muôn người sống cho quê hương này xanh tươi
Xin gửi tấm thân hèn mọn của thơ làm ngọn lửa ven
đời
Soi dấu chân người chiến sĩ.

2/1972

(1) Cánh chuồn chuồn bay : chỉ máy bay lên thẳng

Bài thơ tặng con

Cha mẹ cho con cuộc sống
Nhưng con phải sống cuộc đời riêng của con
Với thế giới của con
Với nhân loại của con
Tổ quốc là tiếng nói
Từ trái tim của con
Đừng lặp lại tiếng nói của ai
Kể cả của cha
Đừng lặp lại mắt nhìn kẻ khác
Con phải có tiếng nói của riêng con
Với cái nhìn trong suốt
Con sẽ định nghĩa lại cuộc đời
Để sẵn sàng cười khóc với nó
Cha mẹ sẽ không ép con nên từ bỏ cái gì
Và nên lấy cái gì
Rồi con sẽ biết cái gì con nên chọn
Ngay cả cái tên cha mẹ đặt ra
Ngay cả căn nhà con đang ở

Thơ

Thái Ngọc San

Cuộc sống mỗi ngày sẽ có những câu trả lời
Và thế giới phải chuyển xoay theo bước đi của nó

Sẽ không có gì bù đắp nỗi con quặn đau của mẹ con
trên bàn đờ
Bởi vậy cha đã khóc
Khi con cất tiếng chào đời
Có một cái gì lớn hơn nỗi vui
Vượt xa lòng chờ đợi
Khi con ra đời
Cha nhìn thấy một thế giới khác mở cửa

Thế hệ cha mẹ rồi sẽ qua đi
Như những vách tường cũ
Con sẽ làm lại căn nhà mới
Từ nền móng cha mẹ đã xây
Có thể là một căn nhà kiểu khác
Con sẽ bắt đầu lại từ đầu
Với tất cả tình yêu bốc cháy.

Huế 1988

Mừng tuổi tôi

Mừng tôi thêm một tuổi
Vẫn long ngong giữa đời
Tóc đẫm màu sương muối
Đầu vẫn hoài rong chơi

Mừng tôi vẫn ngang dọc
Lắm lem với bụi đường
Mừng tôi còn trắng tóc
Những nỗi niềm yêu thương

Mừng tôi còn đi mãi
Như chim di đến mùa
Hôm nay là đất mới
Mai đã thành quê xưa

Mừng tôi thêm một tuổi
Mà chưa hết thời nô
Tôi còn ru tôi mãi
Trên chiếc võng yêu người

Khát vọng

Cuộc đời là những con đường không lặp lại
Nên tôi chẳng dùng bước ở đâu
Những cảnh tượng đi qua, đi qua rất mau
Những khát vọng, ước mơ không hề muốn tắt
Tôi chẳng muốn giam chân dưới mái nhà chật
Cuộc đời – thường hay sự trẻ mãi buồn tênh?
Tôi cứ muốn bắt đầu như đứa trẻ mới làm quen
Đầu cuộc sống vẫn xưa như quả đất
Tôi muốn hít thở đầy trong mỗi tích tắc
Không để thời gian trốn chạy với mình
Ở trong từng khoảnh khắc của hành tinh
Hàng triệu cái sẽ mất đi, hàng triệu điều sinh nở
Những đổi thay và những tích tụ
Trong tôi hưng phấn cứ tràn đầy
Tôi muốn ôm cả nhân loại trong tay
Như ôm em với tình yêu ngọn lửa

Bầu trời rộng nhưng không rộng quá
Lòng tôi còn rộng đến vô cùng
Tôi hòa tan như hạt muối hòa tan
Trong đại dương nghìn trùng sóng vỗ
Có thể chỉ là ảo ảnh thôi - có thể
Nhưng tình yêu không thể xa rời

Tôi biết thời gian sẽ chẳng đợi tôi
Nên tôi cứ đi và đi mãi
Sợ mai kia đôi chân mỏi
Những buồn vui sẽ chết với cuộc đời

Về những con đường khô cây

Bây giờ người ta nhìn mặt nhau không rõ
Những nụ cười núp dưới manh áo rách
Mặt trời đốt cháy thanh xuân ta
Và tình yêu buồn như viên gạch cũ
Ở phía con đường kia

Tôi đã trở về nơi này
Đi qua những con đường đã đi
Sao mắt mờ như bụi đỏ bay
Sao lòng chết giấc
Sao gạch đá lằn lằn chảy mòn trí nhớ
Cây đã khô, tình đã buồn
Bây giờ là mùa hạ hay bây giờ là mùa đông
Sao nghe mưa đỏ ngàu ào ạt
Mộ người nào đó quên nghĩa trang
Nằm im bên vỏ đạn

Tôi đã về đây, tôi đã nghe
Và tôi đã buồn như gã câm
Nhìn mặt người tình phụ
Người chết đi chắc là không thể vui
Làm sao tôi có thể khóc
Như bấy trẻ nhỏ

Bây giờ người ta ngó nhau bằng mắt xiên
Khi tôi trở lại thành phố này

Những sách vở thương hàng cây khô
Dòng sông khóa đám lục bình

Lũ con gái cúi mặt qua cầu giấu áo
Ai hiểu được trong dòng xanh
Có nguồn sữa nào u ám
Ai hiểu được trong lòng tôi
Có nỗi khổ tâm nào không nói được

Tôi trở về đây trong số tay bằng hữu
Có đứa đã vĩnh viễn nằm yên
Có đứa bỏ lên rừng
Có thằng bỏ đi lính
Tôi không còn mơ mộng để chờ đợi
Một ngày sum vầy đông đủ
Ôi mai này sau ngày kháng chiến
Chắc rằng bạn bè tôi sẽ không quên
Những điều thuốc khói vàng bay cửa sổ
Tôi không còn tuổi trẻ để yêu đương
Bên đồng gạch vỡ
Tôi thêm có một lần qua bên kia
Vắt nắm cơm cho người bạn cũ
Những hy vọng nào xanh mái tóc
Mắt dù đã sâu ngày đợi chờ
Tôi vẫn nhớ bạn bè tôi
Dù mỗi thằng đi mỗi hướng
Và tôi vẫn tin rằng
Không có sự thù hận nào giết được kỷ niệm

Tôi vẫn đi qua những con đường
Khô dấy cây in hình dấu đạn
Có những hình người thật lạ lùng
Có những khẩu súng thật lớn
Những hố bom thật sâu, những mộ phần thật lạ
Có những tiếng cười thật nhăn nheo
In dấu tích rạn vỡ
Tôi nhìn tôi thật đau thương
Cẳng chân dài đi qua phố chết
Những chữ ai viết còn sót trên tường vôi kia một
thời quá khứ

Tôi muốn hát cho cây cỏ nghe
Lời giun để khóc trong đêm lửa cháy

Ai đi ngược chiều tôi không ngược mắt lên
Nhìn nắng đỏ phai hy vọng
Tôi đã ném tương lai hẳn học
Trên vỉa hè đã xám
Sao trời không mưa cho những cây khô
Rửa mặt mày lem luốc
Có đoàn người nào đó vừa đi qua phố
Chu mỏ thổi kèn vàng như đám ma

Tôi trở lại thành phố này
Tôi đã trở lại thành phố này
Khóc âm thầm trong chiều vắng
Đợi tiếng loa vang khắp mọi ngã đường
Một ngày tốt trời hy vọng

Huế, 1968

Bài thơ của một người yêu nước mình

(trích đoạn)

Buổi sáng tôi mặc áo đi giày
ra đứng ngoài đường
gió thổi những bông mía trắng bên sông
mùi tóc khô còn thơm lúa mùa qua
bầy chim sẻ đậu trước sân nhà
những đứa trẻ đứng nhìn ngấp nghé
tôi yêu đất nước này như thế
mỗi buổi mai
bầy chim sẻ ngoài sân
gió mát và trong
đường đi đầy cỏ may và muộng chuộng
tôi vẫn sống
vẫn ăn
vẫn thờ
như mọi người
đôi khi chợt nhớ một tiếng cười lạ
một câu ca dao buồn có hoa bưởi hoa ngâu
một vết bùn khô trên mặt đá
không có ai chia tay
cũng nhớ một tiếng còi tàu

mẹ tôi thức khuya dậy sớm
năm nay ngoài năm mươi tuổi
chông chết đã mười mấy năm
thuở tôi mới đọc được i tờ
mẹ thương tôi mẹ vẫn tảo tần
nước sông gạo chợ
ngày hai buổi nhà không khi nào vắng người đòi nợ
sống qua ngày nên phải nghiền răng
cũng không vui nên mẹ ít khi cười
những buổi trưa buổi tối
ngồi một mình hay khóc
vẫn thờ dài mà không nói ra
thương con không cha
hăm hiu cô cút
tôi yêu đất nước này xót xa
mẹ tôi nuôi tôi mười mấy năm không lấy chồng
thương tôi nên ở góa nuôi tôi
những đứa bà con hàng ngày chưởi bới
chúng cho mẹ con tôi áo quần tiền bạc
như cho một đứa hủi
ngày kị cha họ hàng thân thích không ai tới
thắp ba cây hương
vói mấy cái bông hải đường
mẹ tôi khóc thút thít
câu cha tôi phù hộ tôi nên người
con nó còn nhỏ dại
trí chưa khôn chân chưa vững bước đi
tôi một mình nuôi nó có kể chi mưa nắng

(...)

tôi yêu đất nước này như thế
như yêu cây cỏ ở trong vườn
như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương
nuôi tôi thành người hôm nay

Thơ

Trần Vàng Sao

trích từ tác phẩm "Bài thơ của một người yêu nước mình", nxb Tân Thư, Hoa Kỳ, 1993.

yêu một giọng hát hay
có bài mái đẩy thơm hoa dại
có sáu câu vọng cổ chứa chan
có ba ông táo thờ trong bếp
và tuổi thơ buồn như giọt nước trong lá sen
tôi yêu đất nước này và tôi yêu em
thuở tóc kẹp tuổi ngoan học trò
áo trắng và chùm hoa phượng đỏ
trong bước chân chim sẻ
ngồi học bài và gọi nhỏ tên tôi
hay nói chuyện huyền thuyên
chuyện trên trời dưới đất rất lạ
chuyện bông hoa mọc một mình trên đá
cứ hay cười mà không biết có người buồn
sáng hôm nay gió lạnh vẫn còn
khi xa nhà vẫn muốn ngoái lại
ngó cây cam cây cải
thương mẹ già như chuối ba hương
em chưa buồn
vì chưa rách áo
tôi yêu đất nước này rau cháo
bốn ngàn năm cuộc bầm cày sâu
áo đứt nút qua cầu gió bay
tuổi thơ em hãy giữ cho ngoan

(...)

tôi trở về căn nhà nhỏ
đèn thấp ngọn lù mù
gió thổi trong lá cây xào xạc
vườn đêm thơm mát
bát canh rau dền có ớt chìa vôi
bên hàng xóm có tiếng trẻ con khóc
mẹ bỗng con lên non ngồi cầu ải tử
đất nước hôm nay đã thấm hồn người
ve sắp kêu mùa hạ
nên không còn mấy thu
đất nước này còn chua xót
nên trông ngày thống nhất
cho người bên kia không gọi người bên này
là người miền nam
cho người bên này không gọi người bên kia
là người miền bắc
lòng vui hôm nay không thấy chật
tôi yêu đất nước này chân thật
như yêu căn nhà nhỏ có mẹ của tôi
như yêu em nụ hôn ngọt trên môi
và yêu tôi đã biết làm người
cứ trông đất nước mình thống nhất

19.12.1967

Những lúc đó có khi như thế

những lúc đó rất buồn
tôi cứ dong hai tay lên trời xoay quanh tôi làm người xiếc
đứng trên trái cầu

tôi đếm
một hai ba bốn năm sáu
và muốn mình mất hết trí nhớ
như đứa trẻ cầm đồng bạc trên tay đánh mất trên đường đi
tôi mở to hai mắt nhìn mọi người đi qua trước mặt
tôi không có điều gì giữ kín
(tôi mất một đồng
tôi không nói có ai được cho tôi lại)
này tôi đây
mặt mũi chân tay râu tóc là của cha mẹ sinh ra
vết sẹo trên trán cái môi nứt làm dấu
tôi không là người khác
quần áo tôi mặc thường không được tốt lành
ít khi tôi được ăn cơm no
tôi cười nói đi đứng như mọi người
tôi nói ra những điều này
dẫu có thiệt thân tôi

những lúc đó tôi quanh quẩn với mình
đi lui đi tới trong nhà ngoài sân
rồi ra ngõ đứng lại
bỏ hai tay vào túi quần ngó sang nhà người khác
lúc lắc hoài mấy đồng bạc kèn

có khi như thế
tôi nhìn xuống đất cho đỡ chóng mặt
không biết hôm nay là ngày mấy
tôi tên là
tuổi ty
sinh năm 1941
tôi nói thôi tôi đi ngủ một giấc cho lâu
rồi nhìn vào trong bếp vác khoèo đi hái củi
tôi ngẩng mặt lên trời
đội nghe tiếng cành khô gãy trên cao rớt xuống từng đoạn

những lúc đó tôi thường chơi với đám trẻ con trong xóm
để nguôi những nỗi tức tối cuộc đời của mình
tôi nghe tiếng la chưởi cười khóc
những trận giặc giả đuổi bắt giành giật phá đám ăn gian
cái cột nhà lon sũa bỏ miếng mỡ sành cái kiện lá gói bánh
sợi cao su trái banh nhựa bông lá cỏ hôi
nửa chừng có đứa bỏ cuộc
nửa chừng có đứa xin vô
sau đó tất cả đều bình yên vô sự
đứa nào về nhà nấy
còn lại tôi ngồi với hai đứa con
buổi chiều có gió trên cây

những lúc đó
tôi quanh quẩn với mình

4.11.1985

Bài kính tặng mình

nửa đêm

*người làm thơ mất trí nhớ nghe tiếng ru con bên hàng xóm
thức dậy thấp ba cây hương đọc bài kính tặng mình*

tôi xin mở hết các cửa
kính chào toàn thể mọi người
tôi không còn biết ngày biết tháng nữa
ba ngày trời mưa luôn nước đen không tạnh
sau đó trời nắng châu chấu nhảy trong cỏ
chim bay hết ra đồng ăn lúa rụng
ban đêm ếch nhái kêu đầy ao
cuộc đời có gì vui
người làm xiếc đâm con dao vào bụng
sau đó không nhớ mình phải làm gì nữa
tôi nhìn lên bàn thờ
mệt đấng cuống họng
có người gọi to tên tôi ngoài đường
gió, thổi rất nhiều trong lá cây
không thấy mặt trời ở đâu
tôi hút thêm một điếu thuốc
rồi bỏ miếng giấy đang cầm trong tay vào miệng nhai
tôi thấy mình không còn muốn một cái gì hết
thôi tôi đi ngủ cho khoẻ

tôi chúc mừng tôi buồn bã khô héo
như thẳng điên soi gương thấy mình người lạ
tôi nhìn lại sau lưng
không còn có ai khác tôi
một thời chiến tranh đã đi qua
người lính nhớ tiếng súng nổ và tiếng máy bay ngang đầu
mọi người bây giờ có khi ôm nhau nhảy múa
ngoài ngã ba đường

lũ trẻ hoang hốt la hét bỏ chạy
tôi cười không được
muôn năm nhưng người anh hùng được đúc tượng
muôn năm tôi đã chết
tôi chúc mừng tôi anh hùng không được thờ phụng
trong am miếu

tôi lang thang trên các cồn mả
tiếng người tình gọi tôi bốn bề trong cây cỏ
lúc đó tình cờ tôi đã hôn em rất lâu ngoài đồng trống
rồi em xoa tóc chạy như bay về phía mặt trời đỏ rực

bây giờ em hãy ngồi lại đây
tôi xin em thôi hãy đừng nói nữa
bởi vì tôi không còn nhớ gì hết

4.4.1987

Lục Bát

em ngồi xoa tóc như ma
tôi đi trong gió nửa khuya qua đò
thôi em thuở ấy tình cờ
lạnh tanh trời đất bên bờ vắng không
bây giờ mưa chưa qua sông
sang bên tôi lại về không một mình

1.7.1987

ĐỒNG DAO CHO NGƯỜI LỚN

có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi
có con người sống mà như qua đời

có câu trả lời biến thành câu hỏi
có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới

có cha có mẹ có trẻ mồ côi
có ông trăng tròn nào phải mâm xôi

có cả đất trời mà không nhà ở
có vui nho nhỏ có buồn mênh mông

mà thuyền vẫn sông mà xanh vẫn cỏ
mà đời vẫn say mà hồn vẫn gió

có thương có nhớ có khóc có cười
có cái chớp mắt đã nghìn năm trôi.

1992

TIN THÌ TIN KHÔNG TIN THÌ THÔI

bốn lăm bậc thời gian dốc ngược
tôi đã vượt qua
em cách một sợi tơ
tôi đã không qua được

tin thì tin không tin thì thôi

tôi đã tới hang động yến sào tôi đã thềm ăn yến
vậy mà chưa được nếm bao giờ
hàng quốc cấm
nghe nói từ xưa làm vua sướng lắm
mà đôi khi tôi cũng sợ làm vua

tin thì tin không tin thì thôi

có anh hề đã nói với tôi
- đời thằng hề buồn lắm anh ơi
và tôi đã khóc

tin thì tin không tin thì thôi

nhưng tôi người cầm bút, than ôi
không thể không tin gì mà viết.

tin thì tin không tin thì thôi !

1991

TÁI DIỄN

bệnh dạ dày tái diễn những cơn đau
trái đất toát mồ hôi tái diễn trò súng đạn
kẻ tái diễn những vinh quang nhảm chán
người ngựa tay tái diễn nỗi buồn căm

tôi trở lại cơ quan gặp nụ cười ầm mồm
chượt quá nhiều chượt chẳng chịu giảm biên

Thơ

Nguyễn Trọng Tạo

trích từ tác phẩm « Đồng dao cho người lớn »
nxb Văn Học, Hà Nội 1999

tôi trở lại dòng sông bờ Cỏ Thi xanh mượt
xưa em đánh mất trâm giò lạng lẽ tìm tôi

rồi cũng khóc cho điều đã mất
trâm Cỏ Thi. Ủ nhỉ, cỏ thôi mà
nhưng nước mắt... cũng như em, tôi đã
thêm một lần tái diễn trước cỏ hoa...

17.3.1993

RƯỢU CẦN

cũng liêu uống rượu cùng em
bởi chung người đẹp lại thêm rượu cần
cái ghè rượu hóa chúng nhân
chúng mình mỗi đứa một cần vít cong
một cần (*) cho má em hồng
hai cần anh đã vội trồng cây si
ba cần đừng bỏ anh đi
anh buồn. Ghè rượu có khi lây buồn
bốn cần anh muốn chết luôn
năm cần... em đã thúc dòn sáu cần
đã liêu chết cũng chẳng oan
bảy cần anh uống. Em van anh rồi
thôi thì một cần hai người
hai đôi môi khát một thời tìm nhau
chín cần... rượu chẳng còn đâu
còn em hóa rượu. Cúi đầu, anh say...

1994

* cần: đơn vị đo làm bằng que nứa

KHÔNG DUNG

không dung em khóc dưới cội me
không dung tôi dừng lại lắng nghe

không dung tiếng vạc kêu thảm thiết
không dung đang vui, buồn ly biệt

không dung tôi gửi một tờ thư
rồi thư bật tin theo sương mù

không dung hoa lý thom vào tôi
chợt nhớ một người không nhớ tuổi

ra khỏi cổng rồi tôi đi đâu
không dung lá me vương mái đầu...

1992

THỜI GIAN 1

ngày bóc tờ lịch
gián vào đời tôi
ngày bóc đời tôi
ném vào đen đò

rồi thua xanh cỏ
rồi tóc trắng vôi
rồi thua ngọn gió
một trời rong chơi

vẫn bóc vẫn gián
vẫn đây vẫn vơi
còn tôi cái lỗi
ngày bóc luôn rồi

còn chi bóc nữa ?
hãy bóc hôn tôi
tôi thành tờ lịch
bóc sang Luân hồi...

Nguyễn đán Quý Dậu

THỜI GIAN 2

từng giọt thời gian ngưng thành mai vàng
tích tắc nhịp tim sao ta bàng hoàng

ôi xuân đã sang mà người chẳng tới
từng hạt thời gian gieo vàng mong đợi

mùa xuân mời cưới lấy ai đi cùng
ta đi một mình thời gian mông lung

nay còn trẻ trung mai đã bạc tóc
từng giọt thời gian ứa tràn khóe mắt

thôi người đừng khóc rụng rơi bông vàng
buồn vui làm ngọc kết thành thời gian...

Nguyễn đán Giáp Tuất

BỨC TRANH ĐEN

thế rồi nàng lẩn vào đêm
áo dài ngọn gió đen huyền ruồi theo
nỗi buồn than đá trong veo
dòng sông sánh lại mái chèo ngẩn ngơ

thế rồi cặp mắt ngủ mơ
thấy hai con mắt đại khờ tuổi yêu
thấy con đường nhựa ba chiều
thấy mình sưng giữa cô liêu không người

thế rồi có đóa hồng tươi
giấy đen tôi bọc như người áo đen

con mèo tôi mới làm quen
làm quen là bởi nó quen quá chừng

mặt trời tôi vẽ không ngừng
mặt trời đen. Cũng xin đừng trách tôi
bức tranh chỉ một màu thôi
đen như màu áo xui tôi nhớ nàng...

3.1993

CHỢT

chợt khép cánh cửa là em có anh
chợt khép cánh cửa là em mất anh

chợt nói loanh quanh lạc đường mưa gió
chợt thức chợt ngủ bài thơ chợt còn

con sáo sang sông mùa thu tuổi tác
con người bội bạc cười vui chợt buồn

ơ cái trống com lên bông câu hát
cái say chợt khóc cái điên chợt cười

bao giờ người ơi vô vi rộng hẹp
chợt đi một đời chợt về cửa khép

dưới chân vẫn dế trên đầu trời thanh
đời lên chót đỉnh một mình mong manh.

13.4.1990

CHIA

chia cho em một đời tôi
một cay đắng
một niềm vui
một buồn

tôi còn cái xác không hồn
cái chai không rượu tôi còn vỏ chai

chia cho em một đời say
một cây si

với
một cây bồ đề

tôi còn đâu nữa đam mê
trời chang chang nắng tôi về héo khô

chia cho em một đời Thơ
một lênh đênh

một đại khờ
một tôi

chỉ còn cỏ mọc bên trời
một bông hoa nhỏ lặng rơi mưa dầm...

1989

Diễn Đàn : Cuối năm, tập thơ "Dự báo phi thời tiết" của năm nhà thơ nữ tại thành phố Hồ Chí Minh đã được phép xuất bản và in xong, thì đầu năm lại bị rút giấy phép. Than ôi ! văn học Việt Nam thế kỷ 21 vẫn chịu sự kiểm soát của "cục xuất bản". Kẻ gác cổng tư tưởng vừa vô văn hoá vừa luộm thuộm này vẫn ngang nhiên đim tác giả cùng độc giả xuống ngang tâm ấu trĩ của mình. Những bài thơ này trần trụi biểu lộ tư tưởng, tình cảm và ý thức thẩm mỹ của các tác giả, với dấu ấn của ngôn ngữ và xã hội Việt Nam ngày nay. Khen hay chê tùy thuộc chủ quan người đọc, nhưng không thể nói đây không phải là nghệ thuật. Vì số trang có hạn, chúng tôi chỉ có thể xin giới thiệu mỗi tác giả một bài.

Đoạn kết

nở trên vành tai họ
 nụ màu nhựa đường
 định hướng tầng địa ngục
 giấu giếm thân thể góc rọ
 tiếng heo gào trong lồng kính
 bài hát của duy ợ hơi màu tối
 tắt lịm và bí đái ca từ và chó
 các loại
 tắc kè thét trong màng tai của ngày
 họ sanh ra bầm sinh vô tính
 loại bỏ tính ngớ ngẩn hiện hữu
 họ trong mớ nhót dãi như em
 mang trên lưng con số kí hiệu
 bán trên nhiều gian hàng ổ chuột
 mặc cả nhau như
 em mặc cả tình trùng anh về số lượng
 gan phèo và phụ tùng khác
 trên ô phân số kích cỡ hậu môn
 để nhận biết đồng loại
 sự cộng hưởng hầm bà lằng
 em mắc cổ bởi ngón quá nhiều bóng
 bóng khắc ra chì với sinh với suy tưởng
 rượt bắt bóng trắng mắc cạn
 lần chiếc môi hình vuông góc
 em nói bằng giọng cát sét cài trong cổ họng
 rở bán mì khô trên lưng mặt sần
 tiếng rao ngập trong nước cống
 em cần được rút máu
 để uống trở lại
 như nhận diện chính mình
 bằng sự công bằng tặng cho nó
 ngày cũng nở
 những cánh hoa nở trên vỉa hè
 trong tầm với cái vẫy mùa hạn
 em che thân bằng tô cháo lòng
 đoạn kết trên đường huyền trần công chúa.

Lynh Bacardi

DỰ BÁO Φ THỜI TIẾT

Chuyện người đàn bà 2000 năm sau

KN 1 buổi chiều nhàn cư

Bằng một nốt tròn hoàn hảo
 à rón rén lặn vào lòng phố chiều cuối năm,
 ngo ngác nhìn mùa xuân phô trương rực rỡ mai đào.
 Mùa xuân bây giờ không chim én
 chi người và ngòm về làm tổ trong những khu nhà ổ chuột
 (hoặc những biệt thự, cao ốc... Nhưng dù có ăn phô mai thì
 chuột vẫn là chuột)

Ờ đó, chúng ra sức kèn cựa dè chừng nhau.

E rằng sẽ chết ngộp giữa hàng nghìn con mắt vô vịnh không
 nhìn ai nhưng soi mói không chừa một ai

ả dáo dác ngó quanh, khoác vội vào mình nốt trắng.

Tô thêm ít son, trát thêm ít phấn

cho tới khi tạm bằng lòng với sự trong sạch của mình

ả ngạo nghễ bước vô nhà thờ với vẻ mặt vô cùng thánh thiện

nghêu ngao hát Ave Maria

Ờ trên cao, Chúa bảo :

"Người là một nốt đen chưa được rửa tội

Nốt đen cho dù có tám trắng bảy lần thì vẫn là nốt đen !"

Ả bất giác nhặt ra mình - một nốt đen như nốt ruồi phá tướng
 đậu lén lút trên gò má Schubert.

Đâu đó vang lên tiếng cười khẩy của Lucifer.

Sợ hãi

thật sợ hãi

ả vợ lấy nốt móc đơn để dễ bề tháo chạy

Phố nườm nượp cộ xe

những viên đá vô hình chẳng biết từ đâu cứ tới tấp hè nhau
 lao vào người ả

Máu nhều xuống thành đầm lầy

Ả tan dần, mỏng dần

và cuối cùng hóa thành một móc kép nhẹ hẫng

bay vụt lên như quả bóng xì hơi

tán loạn những cung đoạn thấp cao cao thấp

Ả thôi không làm dấu Thánh mà cố gắng làm dấu Coda

chỉ mong tìm lại nốt tròn hoàn hảo ban đầu

Nhưng không

ở tầng mây thứ mười ba, ả đâm sầm vào một con chim én

hóa thành một dấu Fine của mùa.

01.2005

Khuong Hà

HÀNH TRÌNH THƠ

“ĐÁNH THỨC TIỀM LỰC”

Nguyễn Duy

1.

Hồi này, thời thế “dễ thơ hơn” (1) rồi. Thần thơ nhớ một “thời khó thơ”, thời hậu chiến gian khổ, kéo dài hơn một thập kỷ sau 1975.

30.4.1975 – cả dân tộc thờ phào nhẹ nhõm trút gánh nặng 30 năm máu lửa khốc liệt. Một thằng lính làm thơ là tôi, không chỉ thờ phào mà còn nhảy dựng lên, hát toáng lên:

“...Tôi đi tìm thân nhân qua rừng già nguyên thủy
tôi đi tìm thân nhân qua rừng kềm gai Mỹ
... Hỡi ai không gặp thân nhân
xin cùng tôi chung mái nhà ấm áp
là nguyên vẹn Nhân Dân - Tổ Quốc
ta hành hương trên đất đai sum họp
nơi nào cũng có thân nhân!...”

(Tìm Thân Nhân – 1975).

Phơi phới vui hoà bình, thống nhất. Và hi vọng xanh rờn. Trên đất đai này chỉ còn người Việt Nam với nhau. Đã có người tếu táo rằng: “*Từ nay sẽ không còn kẻ ngoại bang nào dám đụng đến cái lông chân của người Việt Nam!*”. Vậy mà, đáng tiếc thay, chính người Việt Nam với nhau lại đưa nhau vào một thời ngạt thở mới.

Thời đó, sau 1975, bạt ngàn lính giải ngũ, trở lại nơi xóm làng xơ xác sau chiến tranh. Triệt để hợp tác hoá ở nông thôn. Đánh tư sản, triệt nhà giàu ở thành thị. Kê vào trại học tập cải tạo, không bản án, không thời hạn. Người ra biển vượt biên không hẹn ngày về, phó mặc sinh mạng cho sóng gió và ma quỷ. Đất nước liền một dải mà lăm lăm nhà lại lăm lăm cảnh li tán. Mà cõi lòng lại đau nỗi cắt chia mới. Mà “*lãnh chúa xứ quân san sát vùng cát cứ*”, nạn “*cấm chợ, ngăn sông*” lại dựng lên những hàng rào ngăn cách mới. Lương thực viện trợ của ngoại bang như hồi chiến tranh không còn nữa. Nạn đói hoành hành khắp nước. Đột ngột lính Pôn Pốt tràn sang, thăm sát dã man dân lành suốt một dải biên giới tây-nam. Lại đột ngột súng nổ, lại chết người, lại cháy nhà, suốt toàn tuyến biên giới phía bắc. Một thằng lính làm thơ là tôi đã cởi áo lính rồi, lại cùng lính ra mặt trận phía Nam, lên mặt trận phía Bắc. Lại đột ngột làm thơ trận mạc:

“...Biên ai xưa giặc dã mới tràn vào
máu lửa ngổ cũ rồi mà vẫn mới
gian truân xưa cứ tưởng đã cũ rồi...”

(Lên mặt trận ngày đầu – Lạng Sơn 17.2.1979).

Nền kinh tế quốc gia “tụt dốc theo chiều rơi thẳng đứng” (chữ của nhà thơ Tố Hữu - Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lúc bấy giờ). Lại thiếu gạo. Lại đứt bữa. Lại thấy người ăn mày đây đường. Lại ăn độn đủ cả sắn, ngô, khoai, bo bo, mì sợi, mì bột, mì hạt. Nhà tôi bắt đầu nuôi lợn trên lều ba... “*nâng con lợn lên ngang tầm thời đại!*...”

2.

Thời đó, gia đình tôi ở trong khu tập thể Hội Văn Nghệ thành phố:

...lều ba, nhà 190 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
tiếng tắc kè nhỏ giọt trong đêm
tiếng mưa rừng nhỏ giọt trong trí nhớ
vết đạn trên tường dù trát lại vẫn có màu vôi khác...

Nghe tiếng tắc kè kêu trong thành phố, nhìn thấy ánh trăng một đêm cúp điện, lại nhớ về những cánh rừng xưa, những bạn lính cũ. Lại thương đến nhào lòng những ước mơ đơn sơ, mộc mạc một thời. Về với mẹ. Về với vợ con. Về với thanh bình vườn ruộng. Về để làm cho dân giàu nước mạnh. Sắp về!...Sắp về!... Con tắc kè, trên rừng cây “*giơ xương trắng lên trời*” do chất độc khai quang hồi đó, nó nói thế. Nó nhắc thế. Nó cứ điệp khúc thế. Cái điệp khúc mơ của người lính trận.

Đến lúc nghe tiếng tắc kè kêu trong thành phố, một cựu binh là tôi lại bắt đầu mơ một điệp khúc mơ đơn sơ mộc mạc khác:

“*Hãy thức dậy, đất đai
cho áo em tôi không còn vá vai
cho phần gạo mỗi nhà không còn thay bằng ngô, khoai, sắn...*”

Và, bắt đầu một nỗi day dứt khác:

“...Khoáng sản tiêm tàng trong ruột núi non
châu báu vô biên dưới thêm lục địa
rừng đại ngàn bạc vàng là thế
phù sa muôn đời sữa mẹ
sông giàu đặng sông và bể giàu đặng bể
còn mặt đất hôm nay – em nghĩ thế nào?
lòng đất rất giàu, mặt đất cứ nghèo sao?...”

Đó là nỗi day dứt của một thường dân. Kèm theo, là nỗi day dứt của một thường dân làm thơ:

...Lúc này ta làm thơ cho nhau
đưa đẩy mà chi mấy lời ngọt lạt
ta ca hát quá nhiều về tiềm lực
tiềm lực còn ngủ yên...

Từng chút, từng chút, ý tứ bài thơ Đánh Thức Tiềm Lực (ĐTTL) tượng hình dần trong tâm trí tôi, đến đầu năm 1980 mới ngo ngoáy nở thành từng con chữ trên giấy. Những dòng chữ nặng nề và chậm chạp chờ lênh đênh tâm sự trầm buồn và chân thật như bọt bèo, như rêu rác bấp bênh trôi trên dòng sông tuổi thơ.

Khởi hành từ
bờ bãi sông Hồng
trong màu mỡ phù sa máu loãng
mương máng, đê điều ngổn ngang chiến hào
điệu múa cổ cũng chậm buồn như đời...

tôi đi qua

*những chặng đường miền Trung bồng rập và dai dẳng
đất nứt nẻ ngổ da người nứt nẻ
hạt thóc ở đây cũng chết đi sống lại
hạt gạo cũng kết tinh như hạt muối
cây lúa đứng lên cũng đạp đất đội trời...*

rồi vào tới phương Nam

*châu thổ mới bồi
sông Cửu Long tự giãn mình ra biển
cây mắm cây tràm lặn lội mở đường đi...*

Ở đâu tôi cũng thấy

*đất nước của ba miền cây ruộng
chưa đủ no cho đều khắp ba miền
ta ca hát quá nhiều về tiêm lực
tiêm lực còn ngủ yên...*

Tôi định viết chừng vài ba chục dòng như vậy.

Thêm rồi bớt, viết rồi sửa, đến giữa năm 1982 bài thơ dài ra thành vài trăm dòng. Tôi tự thấy nó còn nôm na lắm, ngôn ngữ thơ chưa được. Nhưng cái được ở đây là cái tâm tình thật của tôi. Thôi, cứ để thế. Tôi dừng bài thơ lại với đoạn kết :

*Tôi muốn được làm tiếng hát của em
tiếng trong sáng của nắng và gió
tiếng dẻo dai đôn gánh nghiêng trên vai
tiếng trần trụi lười cuốc
lang thang khắp đất nước
hát bài hát Đánh Thức Tiêm Lực !*

3.

Bài thơ đi từ trong lòng ra nên tôi thuộc lòng nó ngay từ lúc vừa viết vừa sửa, cứ lẩm bẩm một mình như lên con thần kinh. Thời đó, thơ như thế là “gai góc” quá, thậm chí là “phản động”, không những bị cấm in mà còn bị cấm đọc. Cái thời, hề có ai phát ngôn khác đi so với công thức phát ngôn chính thống thì đều bị quy là “phản động”, bị “kiểm thảo”, bị “kỷ luật”, nặng hơn thì bị bắt giam. Những “tấm gương tày liếp” mà tôi nhìn thấy còn sờ sờ ra đó, nhiều người trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, thực chất họ là những người lính xung kích, những nhà tiên phong của thời đại, hăng hái “nói thẳng, nói thật” hoặc “cầm đèn chạy trước ô-tô”... đã bị kết tội chính trị, bị bỏ tù, bị “cải tạo lao động”, bị đuổi việc, bị cấm viết... Còn những “tấm gương tày trời” mà tôi chỉ nghe đồn thổi thì cũng nhiều lắm lắm.

Bản thân tôi, năm 1973-1974 ở Hà Nội, cũng đã từng khốn đốn lao đao vì, chỉ mới đọc chứ chưa in đâu, mấy bài thơ “có vấn đề”(*Thơ tặng người ăn mày – có vấn đề*: bôi nhọ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, *Đứng lại*: chủ nghĩa nhân đạo chung chung, *Đôi thoi trước khi đôi chõ*: hàm ý nổi loạn...) bị viết bản “tự kiểm” (14 trang giấy khổ lớn, hồi ấy gọi là “giấy năm hào hai”). Bị an ninh quân đội thẩm vấn. Bị xếp vào đám “hậu Nhân Văn” (chữ của nhà thơ Chế Lan Viên trong một cuộc họp tại Hội Nhà văn VN lúc bấy giờ) cùng với những Hoàng Cát (truyện ngắn *Cây táo*

ông Lành), Phạm Tiến Duật (bài thơ *Vòng trắng*), Ngô Văn Phú (bài thơ *Sẹo đất*), Võ Văn Trực (bài thơ *Chim báo bão*) v.v... bị nhét chung vào một cái rọ gọi là “vụ Cây Táo Ông Lành”. May thay, cuộc Tổng tấn công mùa xuân 1975 bùng nổ, rồi thống nhất đất nước... Sự kiện lịch sử lớn lao xoá phẳng đi cuộc sát phạt nhỏ mọn trong làng văn tù túng, lũ chúng tôi bỗng tự nhiên thoát nạn.

Thế mà, ngay khi tôi vừa viết xong bài ĐTTL, đột ngột được tin lão thi sĩ Hoàng Cầm bị tổng ngục Hoà Lò chỉ vì tội tự ý tán phát bản chép tay tập thơ *Về Kinh Bắc* của chính ông, trong đó có bài *Lá Diêu bông* “ám chỉ chủ nghĩa xã hội là không tương” (11 năm sau, bài *Lá Diêu Bông* được in nguyên văn trong tập thơ cùng tên – NXB Hội Nhà Văn, 1993 ; và 12 năm sau, *Về kinh Bắc* được in trọn vẹn, NXB Văn Học – 1994). Tiếp đó, tin bạn thơ Hoàng Hưng cũng bị tóm cổ (sau này tôi mới biết anh bị đưa đi tù không án 3 năm) vì trọng tội làm một số bài thơ chưa in nhưng có “vấn đề”, cộng với tội lưu giữ thơ *Về Kinh Bắc* của họ Hoàng. Tin dữ khiến tôi không khỏi chột dạ. Tự xem xét lại mình, thơ của tôi rõ ràng là có “rất nhiều vấn đề”. Xin nhớ cho, lúc đó là giữa năm 1982.

*“... Lời nói thật thà có thể bị xử tội
lời nịnh hót, đôi lời có thể được tuyên dương
Có cái miệng làm chức năng cái bẫy
sau nụ cười là lõm chõm răng cưa
có cái môi mỏng rấp hơn lá mía
hôn má bên này bật máu má bên kia
có trận đánh úp nhau bằng chữ nghĩa
khái niệm bắn đi không biết lồi thu về...
Cần lưu ý có lắm nghề lạ lắm
nghề mảnh mung cửa cổ bóp hầu nhau
nghề chửi đồng, nghề ngồi lê, nghề vu cáo
nghề ăn cắp lòng tin và chệt họng đồng bào
có cả nghề siêu nghề gọi là nghề không làm gì cả
thọc gậy bánh xe cũng một thứ nghề...”*

(ĐTTL- đoạn viết năm 1980)

Viết thế ấy thì in ở đâu, và đọc cho ai ? Chi dám đọc chơi với vài bạn rượu tri kỷ. Được đoạn nào “ri tai” đoạn này, từng đoạn, từng đoạn rời rạc. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng an ủi tôi : “Cứ đợi đấy, rồi sẽ đến hồi có người nghe và có người in”. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thì “triệt” hơn : “Sự chân thành tự nó hoá giải bế tắc. Hãy xem lại cái cây mình có thật ngay thẳng không. Cây ngay chẳng sợ chết đứng”. Tôi đã thấy những “cây ngay” mà vẫn bị “chết đứng”, nên lòng cứ thấp thòm một nỗi lo ngại không xác định, tự nhủ mình phải giữ gìn, chớ hớ hênh mà rước vạ.

4.

Khốn nỗi, cũng giống như có ghè phải gãi, có thơ không thể không đọc. Không được in thì cứ đọc, *mai sau dù có ra sao cũng đành...* (một câu hát của Trịnh Công Sơn). Oái oăm thay, lần đầu tiên tôi công bố ĐTTL, đọc liền mạch hoàn chỉnh toàn bài thơ, lại là đọc tặng một người thuộc lớp người “đáng sợ” nhất lúc bấy giờ : ông Sáu Dân, tức Võ Văn Kiệt – Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành

ủy thành phố Hồ Chí Minh.

Hồi đó, khoảng đầu thu năm 1982, ông Sáu chuẩn bị thôi giữ chức Bí thư Thành ủy để ra Hà Nội làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Ông Nguyễn Quang Sáng chợt nảy sáng kiến họp mặt vài anh em bạn ruột (ngay tại căn hộ lụp xụp của ông trong khu tập thể 194 B, Nam Kỳ Khởi Nghĩa) để mời ông Sáu đến...chơi! “Quý trọng ông Sáu thì tội mình mới mời ông uống li rượu đế. Trước, để coi ông có chịu chơi không. Sau, để nói thẳng nói thật với ông chút ít tâm sự của tội mình về tình hình thế sự”. Ông Sáng xác định “mục đích và ý nghĩa” cuộc gặp như vậy, rồi gọi điện thoại “thư” xin nói trực tiếp với ông Sáu. Ông Sáu nhận lời ông Sáng.

Cuộc “chơi” hôm đó thật thoải mái và vui vẻ. “Phe văn nghệ” có nhà văn Nguyễn Quang Sáng, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, Trần Long Ẩn, nhà thơ Nguyễn Bá (tức Cần Thơ lên) và tôi. “Phe chính trị” có mỗi ông Sáu.

Với nét cười hồn hậu, cõi mở, ông Sáu nói rất ít, không một lời “huấn thị”, chỉ kể một kỉ niệm vui vui hồi chiến tranh, rồi chăm chú lắng nghe chúng tôi hát và “tự do ngôn luận”. Nguyễn Quang Sáng nói chuyện viết và lách, viết đã khó, lách còn khó hơn. Trịnh Công Sơn vừa hát tình ca vừa góp ý với lãnh đạo thành phố về vấn đề...âm thực. Trần Long Ẩn trở tài “ca bài ca cà chớn”, những ca khúc lời nhại hài hước điệu cợt cả thời đại. Còn tôi, không biết nói gì hơn là “xin đọc tặng anh Sáu một bài thơ vừa rảo mực, bài *Đánh Thức Tiềm Lực*”...

5.

[Xin chèn ngang một mẩu chuyện cũ...]

Tôi chỉ mới được gặp ông Sáu có mỗi một lần, khoảng giữa năm 1981, trong buổi tổng kết cuộc sinh hoạt chính trị (do nhà thơ Bảo Định Giang điều hành) chuẩn bị thành lập Hội Nhà văn TP.HCM. Thấy nhiều người đọc thơ tặng ông Sáu, tôi cũng đọc, bài *Ông già Hậu Giang* ngang tàng (bản in sau đó đổi ra *Ông già Nam Bộ*), và bài *Bán vàng* – để “báo cáo” với Bí thư Thành ủy về đời sống thực của số đông thi sĩ lúc bấy giờ. Khúc dạo đầu còn e ngại lắm, nom nớp lo có người ngăn cản:

“...*Tâm hồn ta là một khối vàng ròng
đành đem bán bớt đi từng mảnh nhỏ
Ta mơ màng, ta uốn éo, ta là loi
để mặc kệ mái nhà xưa dột nát
mặc kệ áo quần thàng cu nhếch nhác
mặc kệ bàn tay mẹ nó xanh xao
ta rất gần bề rộng với trời cao
để xa cách những gì thân thuộc nhất*”...

Không bị ai chặn lời, tôi mạnh dạn “làm tới”:

“...*Cái ác biến hình lớn vờn quanh ta
tai ách đến bất thần không báo trước
tờ giấy mong manh che chở làm sao được
một câu thơ chổng đờ mấy mạng người
Vợ chồng ngủ với nhau dẫn đo như vụng trộm
không cái sợ nào bằng cái sợ sinh con*

hạnh phúc lớn vòng tay ôm không xuể...”.

Vẫn không thấy ai chặn lời. Phòng họp lặng ngắt. Tôi bình tâm kết thúc bài thơ:

*Thì bán bớt đi một ít vàng ròng
để sống được qua ngày gian khổ đã
phải sống được qua cái thời nghiệt ngã
để khỏi vàng đây chỉ đổi lấy mây trời!*

Sau cuộc họp đó, tôi không những không bị “búa” như dự đoán của tôi và của nhiều người khác, mà lạ thay, còn được người thư kí của Bí thư Thành ủy tìm gặp: “Anh Sáu nhắn cậu chép tặng anh ấy bài *Bán vàng* và bài *Ông già Hậu Giang* để làm kỉ niệm tình cảm”. Tôi hơi ngại, hỏi lại Nguyễn Quang Sáng: “Liệu có phải ông Sáu cần văn bản chứng cứ để xử lý?...”. Ông Sáng nói: “Chắc không phải. Nếu muốn xử, ông chỉ cần ra lệnh”. Tôi bèn chép hai bài thơ và không quên ghi cẩn thận dưới tên mỗi bài: *Tác giả chép tặng anh Sáu Dân để làm kỉ niệm tình cảm.*

Ít lâu sau, tại cuộc gặp gỡ nhân dịp Đại hội thành lập các Hội nghệ thuật chuyên ngành của thành phố, với tư cách Bí thư Thành ủy, ông Sáu Dân nói chuyện với đông đảo văn nghệ sĩ. Trong bài nói không dài đó của ông Sáu có một đoạn tôi không bao giờ quên: “*Vừa qua, tôi đã nghe và đã đọc bài thơ *Bán Vàng* của nhà thơ Nguyễn Duy. Theo tôi, đó là một bản án nhân tình đối với diế độ của chúng ta. Đau, nhưng là sự thật. Chúng ta cần chân thành nhìn nhận sự thật, để cùng nhau vươn lên, vượt qua giai đoạn khó khăn. Muốn vượt lên thì phải có niềm tin. Mà cốt lõi của niềm tin là tin ở con người...”*

Lần đầu tiên tôi trực tiếp nghe một bài huấn thị chính trị như thế, trực tiếp thấy một nhà lãnh đạo chính trị ứng xử như thế. Đó là khoảng giữa năm 1981. Quả là bất ngờ. Tự nhiên tôi xúc động, vì một cái gì đó mà tôi chưa biết gọi nó là cái gì, hình như nó chỉ là cái lẽ nhân tình bình thường mà sao ta ít thấy ở những vị quan lớn...]

6.

Lúc này, với tất cả nỗi niềm “tin ở con người”, tôi lại trang trọng kính tặng ông Sáu một “rừng gai góc” mới:

“...*Tôi trót sinh ra nơi làng quê nghèo
quen cái thói hay nói về gian khổ
để chạnh lòng trước cảnh thương tâm
Thuở tới trường cũng đâu trần chân đất
chữ viết loằng ngoằng củ sắn ngọn khoai
thầy giáo giảng rằng: nước ta giàu lắm
lớp lớp trẻ con cứ thế học thuộc bài...”*

Tôi đứng ngay ngắn, nhìn thẳng ông Sáu mà đọc, thấy ông không cười cười nữa, hơi cúi đầu đăm chiêu với gương mặt bình thản không phoi lộ cảm xúc. Tôi cũng bình tâm làm phận sự của mình:

“...*Xưa mẹ ru cho ta ngủ yên lành
để khôn lớn ta hát bài đánh thức
có lẽ nào người lớn cứ ru nhau
ru tiềm lực ngủ vùi trong thó thịch...
Tiềm lực còn ngủ yên trong quả tim mắc bệnh*

đập cầm chừng

Tiêm lực ngủ yên trong bộ óc mang khối u tỵ mẫn
Tiêm lực ngủ yên trong con mắt lơ đãng đục thủy tinh thể
Tiêm lực ngủ yên trong lỗ tai viêm chai màng nhĩ
Tiêm lực ngủ yên trong ống mũi khô khè

không nhận biết mùi thơm

Tiêm lực ngủ yên trong lớp da biếng lười cảm giác..."

Không ngấc ngủ, không ngừng nghỉ, tôi kéo một lèo khoảng mười phút cho đến hết bài thơ. Thấy ai nấy ngồi lặng. Ông Sáu cũng im lặng chốc lát, mới chậm rãi : " Nặng lắm. Nhưng chịu được ". Hình như ông vừa trải qua một cuộc tra tấn. Rồi ông tiếp : " Nếu kể về cái tiêu cực thì tôi kể một ngày không hết. Còn nếu kể về cái tích cực thì tôi kể cả tuần lễ cũng không hết. Nhưng vấn đề ở đây không phải là chống tiêu cực hay biểu dương tích cực. Vấn đề ở đây là con người, là văn hoá. Con người có thức dậy thì đất đai mới thức dậy được..."

Nghe ông Sáu, tôi thở phào nhẹ nhõm, trút bỏ nỗi lo ngại không xác định lâu nay vốn nặng trĩu lòng. Thì ra, những câu thơ " khó chịu " thế kia không phải chờ đến mai sau mới có người lắng nghe và chia sẻ. Những người " chịu nghe " và " chịu được " loại thơ " nặng lắm " ấy đã hiện diện quanh tôi ngay từ " thời khó thờ " đó.

7.

Sau cuộc đọc thơ đó, tôi bèn đem ĐTTL đi đọc và " tán phát " ở nhiều nơi. Có nơi " hoan hô nhiệt liệt ", mời đọc, cho phát hành bài thơ bằng băng ghi âm hoặc bản in rô-nê-ô. Lại có nơi cấm đọc, cấm lưu hành cũng bài thơ đó. Nó xuất hiện muện hơn trên mặt báo và sách. Lần đầu tiên ĐTTL được in là in trên tờ Văn Nghệ Đồng Nai do nhà thơ Xuân Sách làm tổng biên tập, số tháng 12.1984. Nhưng tờ báo văn tinh lẻ này chỉ ra mỗi tháng một kì, mỗi kì mấy trăm bản, loanh quanh trong " xóm " Đồng Nai, ít ai biết đến.

Mãi cuối năm 1986, sau nghị quyết " Đổi Mới " của Đại hội VI Đảng Cộng sản VN - được coi là đại hội " mở cửa " và " cởi trói " - bài ĐTTL mới được đăng nguyên văn trên báo Tuổi Trẻ, do nhà báo Kim Hạnh làm tổng biên tập, được phát hành khắp trong nước và ngoài nước. Năm 1987, ĐTTL có mặt trong tập thơ Mẹ và Em cùng với bài viết *Đi tìm tiêm lực trong thơ Nguyễn Duy* của Nguyễn Quang Sáng (Nhà xuất bản Thanh Hoá). Và từ đó nó đã được chọn vào nhiều tuyển tập. Có một dòng đề từ ngay dưới tên bài thơ, tôi viết thêm sau cuộc đọc thơ vừa kể, để ghi nhớ một kỉ niệm sâu sắc thời kì trước đổi mới : " *Tiến đưa anh Sáu Dân đi làm kinh tế*". Chính nhờ có những người-đánh-thức-tiêm-lực không biết mệt mỏi, những người dám " xé rào cơ chế ", dám " chịu nghe " những gì khác đi, thậm chí là ngược lại, cái công thức phát ngôn chính thống, dám hành động vừa quyết đoán vừa nhân tình... như ông Sáu Dân chẳng hạn, Việt Nam mới có được một con đường đổi mới với những ngày " dễ thờ hơn " như hôm nay.

Và...

Chợt thấp thoáng một ý thơ rất chi là xưa cũ :

" Con đường phía trước còn xa nghìn trùng "

(Lai lộ hậu trùng trùng - thơ của thiền sư Pháp Loa, thời Trần).

TP. Hồ Chí Minh, Tháng Tám 2005

NGUYỄN DUY

(1) CHÚ THÍCH CỦA TOÀ SOẠN : « dễ thờ hơn » là một khái niệm tương đối. Mấy năm qua, một *Tuyển Tập Thơ Nguyễn Duy* (với những bài « gai góc » nói trong bài này, đã từng được công bố), vẫn chưa được phép in. Vẫn là những lệnh cấm miệng từ cục A này A nọ của Bộ công an.

Thơ Nguyễn Bắc Sơn

Biển lạnh vắng trăng

Cuối đời thi sĩ nhìn ra biển
Thương mùa đông sóng bạc đầu rồi
Chí lớn mộng con đều ảo hóa
Giòng sông còn lại với mình tôi

Tráng sĩ mài gươm dưới ánh trăng
Trăng tà, lá rụng, sương buồn giã
Bên ghềnh đá lạnh, nàng ngư nữ
mím cười đăm đăm ngắm sao băng

Trên giòng Trường giang lớp sóng sau đê sóng trước
Thanh gươm này trao lại đàn em
Ta sinh ra đời để cầm cây đàn cây bút
Hà có gì cầm mãi một thanh gươm ?

Thời thơ ấu nằm nôi nghe Mẹ hát
"Vắng trăng khi khuyết khi tròn
Đời người lúc thịnh, e còn lúc suy"
Mẹ thân thương ! Mẹ đã sinh nhằm thằng con lãng tử
Sinh nhằm một vắng trăng
Tóc bạc rồi trăng vẫn còn non !

Ngồi ngắm biển mà sao nhớ núi
Trùng trùng điệp điệp dãy Trường sơn
Nghe âm vang từ non cao vọng về biển rộng
Đất nước nào cũng có hồn thiêng

Và người con gái nào mà không biết làm duyên
Từ sóng mắt hai ta thành biển
Mai... xa biển tôi nghe giòng sông hát
Biển xa rồi hấp hối một vắng trăng
Xin chào biển sắp sang xuân
Chào cuối đời thi sỹ
"Tôi vịn một câu kinh", thơ thân ra về
Có bến nào mà không phải bến mê
Về đi bạn, trời yên biển lặng

Bút ký

Ăn Quá Khứ

Mai Ninh

Con đường đến sở bỗng nhiên kẹt xe hơn buổi sáng thường lệ. Xe ngừng hẳn cạnh một gốc cây. Chán nhìn cả dòng xe trước mặt và ngược lại, mỏi mắt vì bao ánh đèn nhấp nhòa trong bóng tối rạng ngày chưa tan, tôi ngược mắt ngó theo cây, thân to vững vàng cao tắp, những cành trụi lá vươn lên, đầu ngọn lẩn vào lớp sương mùa đông đặc như mây. Chợt ngẫm nghĩ sao đường xá khúc này đã được quy hoạch nhiều lần lại còn hàng ngổ đồng cối già đến vậy. Càng ngạc nhiên hơn, khi đã bao năm chạy tới chạy lui quãng đường nhưng chưa từng để ý đến độ lớn của cây, bởi chẳng bao giờ chú tâm nhìn ngó nó. Chạy ào đi rồi chạy vội về, tự bào chữa tại lái xe có tốc độ nên thế. Một người đi bộ hẳn là khác, đi bộ mà không để ý phong cảnh chung quanh thì làm thế nào bước nổi chặng đường dài ?

Lại bất ngờ nhớ thời áo trắng học trò trên con đường đến trường. Thỉnh thoảng dừng lại trước cổng rào một ngôi nhà có vườn riêng im ắng nắng trưa, thò tay bẻ trộm một đoá hoa trang hay cành cúc. Trang và cúc thường quá, chợ bán đầy, thế mà hoa trên cành trong vườn nhà người khác mình vẫn thấy chúng đẹp, mời gọi lung linh. Mắt trẻ thơ thích quan sát những cửa hiệu hai bên đường. Ông chủ quán cho thuê sách cũ nằm trên nền gạch hoa xin ố, khò khò ngáy trưa giữa la liệt mớ truyện Bà Tùng Long và các cuốn bìa in hình nữ hiệp múa kiếm phi thân mắt phượng mảy ngài. Hiệu tạp hoá tiếp theo treo những bóng đèn dây bụi lủng lẳng trên đầu người đàn bà béo phịch ngồi trước quạt máy mà vẫn không ngừng phe phẩy chiếc quạt giấy. Bên kia, tiệm bán vật dụng xây cất nhà cửa, đóng tôn fibro quang sọc xích to để tránh trộm khuân đi, đinh sắt, xi-măng xám ngoét tràn trên vỉa hè. Nhưng hấp dẫn nhất vẫn là những cửa hàng thức ăn, quán hủ tíu đầu đường sáng sớm có chú Ba rón hờ trên quần đùi, áo thun thùng lỗ bê khay bánh bao xíu mại trắng phau mon mơn. Tiệm thuốc bắc với những hũ keo đựng cà na, xí mụi, trần bì. Hình ảnh thời đó ở lại rõ ràng như mới thấy hôm qua, hình ảnh bây giờ vô tâm nên chúng lướt ngang mơ hồ, quên lãng.

Hôm tôi sang Cali thăm ông anh họ, nhà cửa nhộn nhịp, các con anh quây quần về đón cô, anh chị đã nhiều tuổi tự mình nấu bếp, không đi mua cơm chi hay cơm đặt như thói quen của đa số dân Việt nơi đây. Tôi đề nghị ra tiệm cho đỡ mất công, anh nhìn tôi ý hơi trách móc. Tôi ngăn người một lúc khi anh hỏi, cô thích

ăn gì ? Tôi biết anh muốn nói về các thứ trong gia đình thường ăn ở những năm xưa. Trong một thoáng tôi không kiếm ra được món nào, nói nhỏ :

- Lâu rồi em ăn linh tinh, các cháu xa nhà nên không nấu nướng gì, nơi em ở cũng chẳng có mấy thức ăn Á Châu.

Anh chép miệng. Thế là, suốt thời gian thăm viếng, mặc cho các cháu tôi cứ mua về những thứ bày bán đủ hương vị và mời cô đi ăn tiệm này hiệu nọ, nhưng anh chị vẫn nấu lại cho tôi nhiều món mẹ làm năm nào. Có khi mười hai giờ khuya, tôi đi chơi tụ tập bạn bè về, lúc ấy lại ngồi vào bàn với anh trước bát canh mồng tơi và đĩa cà pháo. Không biết sao, vào giờ ấy tôi vẫn còn hào hứng chén đơm chén múc với anh. Có khi chỉ tặc thù về chuyện ăn chuyện uống, quên ngủ. Có lẽ không hẳn do com ngon, trong lành, mà vì đây là khoảng thời gian của kỷ niệm.

Anh là con cả của anh trai mẹ tôi, mẹ đem anh từ Bắc vào Nam nuôi ăn học từ khi tôi mới ra đời. Năm 54, mẹ giắt con về quê hương từ biệt gia đình trước lúc đất nước phân chia. Hôm quay trở vào Saigon bằng chuyến tàu há môm cuối, mẹ gọi anh đi cùng. Anh chỉ độ hai mươi, đỉnh đạc từ chối : “Con ở lại đi theo cụ Hồ, thà ăn muối con cũng theo”. Nhưng khoảng một năm sau, một buổi trưa có người gọi cổng, anh bước vào, không nói không rằng. Sau này mẹ bảo :

- Mẹ đã quen với cái đi về tron trụi của thằng T. Thời đó hỏi thì nó đáp : “Con phải tìm cách chạy vào Nam với cô khi nghe họ sắp về tổ khổ bác Chánh nhà mình là địa chủ. Ai chứ bác Chánh, làm sao con tin được !”. Hôm 2 tháng 5, 75, vợ con nó đang khóc mọng mắt khi nghe thằng chuẩn úy đi theo nó từ xưa đến giờ đã từ thương, còn thằng T. không một tin tức, thì nó lù lù dẫn xác về, quần xà lỏn chân đất, cái kính cận cũng chẳng còn, lặng thinh trong suốt mấy ngày. Rồi nó ra khai và đi học tập, rồi nó mất biệt cho đến lúc mẹ đi Tây.

Trong bao nhiêu năm, để nói về anh, mẹ tôi bao giờ cũng tóm gọn có bấy nhiêu. Anh xưng con với mẹ ngay từ lúc nhỏ, một thằng con trai trong gia đình thiếu hụt đàn ông là điều mẹ và ngay cả các bà cô bên nội của tôi mong ước. Nhưng mẹ vốn nghiêm nghị, không chiều con lẫn cháu. Hai anh em chúng tôi, dù rất chênh lệch tuổi đã kết bè kết đảng với nhau. Tôi hỗ trợ anh rất nhiều trong dịch vụ tán gái quay quắt của anh thời trai trẻ, và tìm cách che mắt mẹ về những chuyện này. Anh và tôi hợp nhau ở chỗ thích ăn ngon, anh lấy đó làm lợi khí để dụ dỗ con bé. Thời còn học trò sinh viên ít tiền, anh mua bánh kẹo, tôi hay chê, nhưng đến khi thành thầy giáo toán lý hoá anh chở tôi đi ăn tiệm trong Chợ Lớn, bít-tết khoai tây chiên chánh hiệu, mì vịt tiềm và chim bồ câu quay Đồng Khánh....Tôi đâm trở thành một đứa nhỏ sành ăn, đến nỗi thấy mình lạc lõng giữa đám bạn học trò loi chơi lẳng cẳng chỉ biết cóc ngậm, xoài giâm. Nhưng thực ra, ảnh hưởng của anh trên tôi không phải chỉ chuyện ăn uống mà còn nhiều thứ khác. Hẳn anh là người có nhiều ước mơ mà hoàn cảnh hay bản thân không cho khả năng

thực hiện, nên đã đổ lên con bé em tất cả hoài vọng ấy. Còn tôi, con một, mẹ đi kinh doanh thường xa nhà, chỉ có mỗi u già quanh quẩn nên tôi đeo theo anh như một con chó nhỏ.

Anh thích âm nhạc vô cùng, học linh tinh vài nhạc cụ khác nhau, từ ghi-ta, thập lục, vĩ cầm, phong cầm, có một thứ anh rất thích nhưng đặt mấy ngón tay lên phím mà không chạy nổi một gam là dương cầm thì anh chịu, và thế là anh lôi cổ con em đến nhạc sĩ Thẩm Oánh bắt nó thụ giáo bài học dương cầm đầu tiên. Trước đây, buổi tối anh đã đưa tôi đến lớp dạy nhạc lý bắt ngồi đợi anh ở cuối lớp với cuốn sách hình. Nhưng xem hình mãi cũng chán, và khi nghe các anh chị lớn hát các nốt nhạc rộn ràng tôi thích quá, hát theo. Con nít không biết sợ, tôi quên bằng thiên hạ, gào to hơn cả, con nít tai tinh nên hát đúng, nghe nốt chính tả cũng không tệ. Ông thầy và cả lớp ngoái nhìn, kêu tôi lên ngồi bàn đầu ngay. Thế là từ đó, con bé chưa biết đọc biết viết đã phải học nhạc lý với bọn anh chị lớn hơn mình bao tuổi. Nhưng anh T. không ngừng ở đó, anh ngỡ em mình thân đồng, phải cho nó vào học trường Quốc Gia Âm Nhạc dù mới lên năm lên sáu.

Sau này, tôi nghiệm thêm ra, mình đã mất đi rất nhiều hồn nhiên thơ ấu vì tham vọng của ông anh. Bởi không chỉ chuyện học đàn học nhạc, chưa qua lớp nhì tôi đã phải học tiếng Pháp, rồi một hôm ông hí hửng vác thêm về một cuốn sách dạy tiếng Anh. Mẹ tôi vô tình bắt gặp, hỏi tại sao anh bắt tôi học? thời của mẹ vẫn minh thế giới là Pháp quốc. Anh phán rằng trong tương lai Anh ngữ là tiếng hoàn cầu (đấy là trước năm 60, ai ngờ anh nói vờ vịt lại đúng hết thời buổi ngày nay). Hoá ra, chính vì anh thích nên kéo tôi theo. Anh hăm hớ học, và bắt tôi cũng thế. Mỗi ngày anh giao hẹn phải đọc từng chữ, từng câu trong cuốn sách kể chuyện lữ khách trong rừng chuối. Tôi càng học, càng được giao bài nhiều hơn, chỉ quanh quẩn với bài dương cầm và mấy con khi chòng ghẹo giành giật nhau bẻ chuối là tôi hết cả thời giờ lo chuyện nhà trường. Một hôm, bà giáo gọi lên trả bài công dân giáo dục, tôi chưa kịp học nên bị bà tức giận mắng nhiếc ngay trước mặt cả lớp. Bà giáo Tỉnh bắc kỳ di cư, khi giận tiếng rất chanh chua đay nghiến, dù bà thương học trò và dạy giỏi nhất trường tiểu học Bàn Cờ thời đó. Tôi xấu hổ vô cùng, lần đầu tiên tôi oán giận, căm tức ông anh cay đắng. Về tới nhà, tôi đem cuốn sách Monkey ra đổ nguyên lọ mực xanh lên đó, chưa đủ, tôi xé tan tành gương mặt liến láu dễ thương của mấy chú khỉ con vô tội. Chưa hả, tôi lôi cả cuốn Mauger dạy tiếng Pháp ra hành hạ. U Thor sợ hãi, run bần bật khi nghe tiếng xe gắn máy của ông anh ịch trước cổng. Anh bước vô, nhìn thấy hiện trường mắt long sòng sọc, anh giơ bàn tay hộ pháp lên, nhưng chưa kịp giảng xuống thì đã bị u Thor rút guốc khện một cái chí chết lên vai và hét âm đui ra khỏi nhà. Tình nghĩa giáo khoa của hai anh em chấm dứt từ hôm ấy.

N hưng không ngờ mấy mươi năm sau gặp lại nhau ở xứ người, chuyện gia đình chuyện ăn

uống lại chen lẫn với chuyện học hành. Sáng sớm đầu tiên dậy, chị bảo anh đã đi làm từ 6g. Tôi than :

- Làm chi cực thế, anh cũng đã nhiều tuổi, cần chi tiền, ăn cũng chẳng còn được bao nhiêu, nhà cửa các cháu đã mua.

Chị chép miệng :

- Anh cô thì cô biết, gàn bát sách. Không chịu ở không, chẳng những đi làm mà còn đi học nữa.

- À, anh ấy học thêm tiếng Anh thì đúng thôi.

- Nào chỉ tiếng Anh, ông học thêm vật lý, điện tử gì đó, đòi thi lấy bằng nữa cô à.

Anh về, tôi vừa hỏi chuyện học hành chưa ra lẽ thì anh đã hí hửng đem bày một đống sách bảo tôi ngồi xuống cắt nghĩa cho anh một số điều. Rồi dặn về Pháp nhớ gửi cho anh mấy cuốn sách Tây về toán và vật lý, hồi xưa anh học chúng, thích lắm

Tôi trợn mắt nhìn, tóc anh, chị bắt nhuộm nên không mấy bạc nhưng những nếp thời gian trên gương mặt, trong ánh mắt thì dù đời sống đầy đủ đến đâu cũng chẳng thể che giấu. Vậy mà tinh thần học hỏi vẫn tràn đầy, chẳng kém năm nào anh chở tôi đằng sau xe như chở một con chó con đi hết từ trường này sang trường khác.

- Hồi trong tù, cô biết anh mơ gì không? anh nghĩ nếu sống sót, khi được ra anh sẽ đi học lại, học khoa học hẳn hoi như cô, không lẽ mề bao cái nhạc nhiếc vớ vẩn nữa.

Anh kể : Có hôm kẹt trong rừng đêm không về trại, thằng canh tù nằm quán chân ngon lành dưới bóng cây nhưng hai con mắt cú vọ, thỉnh thoảng lên tiếng mắng chửi phủ đầu vô cớ, anh ngó bầu trời xanh thăm thăm mà ước giá một tảng vân thạch từ trời cao kia rơi xuống trúng ngay tên ấy cho anh em nhờ, nhưng những vì sao hun hút lôi ý nghĩ về với thời tạo thiên, với bao hiện tượng vật lý mà anh chưa biết. Hay bên bờ thác, các ngón tay tím cứng không còn thể co lại, anh thềm được ôm một chai nước nóng đến đứt ruột, rồi may, trước thác nước vũ bão anh lại liên tưởng đến điện lực tạo ra từ sức nước. Thềm nghe tiếng vợ, ước giá có điện thoại để chỉ một tiếng a-lô thì lại thán phục người ta đã tìm ra sóng điện từ. Những miên man suy nghĩ về khoa học đã giúp anh đi qua bao giờ phút cồng queo, máu trong thân cứ chực đông đặc với cái buốt giá căm căm của núi rừng đầy đoạ. Và anh khoan khoái kết luận :

- Cô thấy không... khoa học ý nghĩa cần thiết bao la là thế...anh mừng cô đã chọn nghề nghiệp ấy.

Nhưng tôi đã làm anh thất vọng. Một lần hè trở sang thăm anh, bữa cơm gia đình đầu tiên, mấy đứa cháu chừa ngay một tờ báo đi cái phòng vấn tôi về cuốn truyện mới xuất bản. Chúng ào ào hi há :

- Không có hình nhưng thấy tên thì tụi con đoán chính là cô, mà từ xưa tới giờ cả nhà đâu biết cô viết văn! Trời, ai ngờ cô nhà mình là văn sĩ thứ thiệt.

Trong khi ấy ông anh mặt lạnh như tiền, đặt bát

xuống, lãng đãng ngó ra cây mơ ửng hồng trái ngoài khoanh vườn nhỏ. Đến lúc ăn xong, còn mỗi hai anh em ngồi bên ấm trà, anh thờ dài như ông cụ tám mươi :

- Anh không hiểu sao cô lại bỏ chuyện khoa học ý nghĩa thế để lao vào cái nghề chẳng ra đâu vào đâu.

Tôi phản đối mình chưa bỏ khoa học và chuyện viết lách không thể bảo là vô công ngồi rồi. Lên con, tôi lòi ra kể hàng loạt trăm thứ vô đoán của anh hồi tôi còn bé. Cuộc tranh cãi kéo dài tới lúc tôi không chống nổi con buồn ngủ chụp xuống mi mắt vì trái múi giờ. Tuy thế, cũng không nặng nề hơn những lần trước, mỗi bận gặp nhau, chúng tôi từng tranh luận mãi về bao vấn đề khác của đời sống và thời cuộc, thân cộng chống cộng, Mỹ Pháp, chiến tranh hay không chiến tranh, quê hương là gì, về hay ở ...

Lại có buổi chiều, tôi ngồi xuống với anh bên giậu rau dền đỏ, lá mùng toi và hoa mướp đong đưa. Nắng cày rõ thêm vết hằn năm tháng trên trán anh và nhòa lòng mắt tôi đã nhạt. Anh bảo chiều nay chị sẽ nấu cho cô ăn canh rau đay với cua. Tôi hỏi cua đồng, anh cười :

- Ở đây chỉ thiếu món này, nhưng cô yên tâm, chị nấu với cua biển cũng ngon. Rồi từ cua biển, anh nhắc lại ngày bị đẩy lên Hoàng Liên Sơn, đói lạnh bệnh hoạn tưởng sắp chết thì được tin em trai từ Hải Phòng lên thăm thay chị dẫu quá đau yếu ở Saigòn không thể lặn lội ra Bắc, dù đây là chuyến được thăm chồng đầu tiên. Trước đó mấy tháng, tôi đã gửi quà về sẵn, em trai anh dặn mua bột cao su cho anh lao động trên rừng, thuốc sốt rét, thức ăn. Tôi gửi trăm mớ, nhưng khi quà đến tay anh chỉ còn độc một hộp cua và phong bánh đậu. Khi em trai vừa cất bước, anh phải chia cho người gác phòng gói bánh, cũng may được giữ hộp cua. Anh tìm mảnh đá nhọn đục mở ra ngay, trời tháng đông cắt thịt, cua hộp lạnh và tanh nhưng anh ngốn ngấu. Bao ngày thèm chất đạm vô cùng cô ạ. Chuột, dế, cóc, nhái gì lúc ấy cũng không còn tài nào chộp được nữa, lại mới nghe tin thằng N. con anh Q. của chúng mình vừa chết đêm qua ở lán tù bên cạnh. Suốt mấy đêm liền sau đó anh mơ thấy u Thơ giận dữ vì nấu cơm dọn ra mà hai anh em không ăn, lại đèo nhau đi tiệm, cái hiệu gì đường Gia Long, quẹo một quãng là ra hàng Bà Ba Búng, cô nhớ không ?

Tôi chẳng đáp lời anh, tôi đang nghĩ thật may, ở quãng đời khốn khổ ấy anh không hành nghề khoa học mà khoa học đã vô tình cứu rỗi, đem đến cho tâm hồn anh một nơi trú ngụ an bình. Anh nói khoa học không tình cảm nên không hận thù, chỉ là sự thật, là tương lai. Chuyện tù cải tạo của anh khiến tôi không còn muốn nhớ gì, đừng kể đến món ăn. Nhưng anh lại thao thao về chuỗi ngày trong căn nhà tuổi thơ đó, mẹ tôi đã nấu gì mỗi khi bà bỏ công việc về nghỉ ngơi đôi ngày, và những bữa cỗ cúng. Tôi đã đứng lên, đến bên hàng rào dưới giàn mướp, các đoá hoa bình an ửng vàng trong tia nắng đang rực lên một thoáng trước khi chiều xuống. Đặt nụ hoa giữa lòng tay, tôi nói thật nhẹ, chẳng biết anh có

nghe ra: "Đã biết không nên để quá khứ bao trùm và hóp lấy mình, nhưng khi ngồi với nhau thì hai anh em chúng ta lại thích ăn quá khứ".

Gia đình bé của tôi người nào cũng thích ăn ngon đã đành, khi nói tới nấu ăn thì càng hào hứng. Bắt đầu từ mẹ truyền xuống đến các con tôi. Cứ vào bàn là ai cũng hồ hởi phấn khởi bàn tán cách nấu món này sang món kia dù có khi mâm cơm khá là bình thường đạm bạc. Từ bé, tôi chẳng đồng ý cái câu : "*Ăn để mà sống mới hay, chứ đừng sống để mỗi ngày hòng ăn*". Tôi không cho thích ăn là hòng ăn, và cũng thấy thật đạo đức giá khi bảo rằng ăn chỉ để sống. Ngồi trước bát cơm, con bé ngẫm nghĩ và thốt ra điều ấy, mẹ chế : "*Áy, vậy mà có đứa trong nhà này khi ốm rất hòng ăn*". Quả thế, mỗi lần đau sốt, tôi rất sợ uống thuốc, sữa nóng, ăn cháo hành. Mẹ dỗ ngon dỗ ngọt, và con bé trong cơn sốt vẫn mơ màng bắt mẹ hứa là khi hết ốm sẽ được ăn canh thịt bò hành răm, tôm sốt cà, cá song hấp, còn gạ bao giờ mẹ dậy con nấu. Nhưng cho đến ngày rời mẹ đi xa, ở tuổi thiếu nữ, tôi vẫn không biết gì hơn ngoài cảm nỗi cơm điện và rim một chút thịt. Khi mẹ sang đoàn tụ, bà giương mắt nhìn tôi làm bếp, và ngay hôm ấy ngồi viết một bức thư dài cho bà bạn cố tri còn ở lại quê nhà để khoe : "*con bé chạy đua xe hơi*" bây giờ biết xào bóp, nấu canh măng ngon lắm bà ơi. Nhưng dù thế, trưa bữa đầu tiên đến đất Pháp, mẹ lòi từ túi xách ra miếng bánh mì kẹp dăm-bông gói ghém cẩn thận trong mảnh khăn giấy có in hai chữ Air France xanh ngắt da trời. Bà bảo ăn cho hết, vứt đi phải tội, bên nhà bao nhiêu người đang chết đói. Bà sống với quá khứ thiếu ăn ấy một thời gian dài. Tôi muốn hỏi ông anh, còn anh thì bao lâu, nhưng chẳng đành lòng nhắc nữa.

Tôi quay về quê hương sau hơn 16 năm không trở lại. Bà bạn ấy của mẹ, từng gia nhập Việt Minh chống Pháp với nhau thời nào, cũng là hàng xóm bao năm, giờ khom xuống, mắt kèm nhèm nhưng trí nhớ vẫn nguyên xi. Tôi ghé thăm vội vàng quá, cứ chực đứng dậy để đi. Từ trong khuất tối của căn phòng ẩm sau giắc mưa chiều, bà trách :

- Tối giờ mà mày vẫn là con bé chạy đua sao ?

Năm tôi 6 tuổi, họ hàng di cư ngoài Bắc vào có người vẫn còn ở nhờ nhà tôi. Căn nhà đông vui, nhưng mẹ có cơ ngơi xa, bà chỉ về mỗi tuần một lần thăm con và xếp đặt công việc. Gặp bạn ấy tôi sốt nằng, mẹ bế qua phòng mạch bên kia đường, bác sĩ bắt uống quinine đắng ngắt. Mẹ dỗ uống khỏi bệnh rồi cho ra nhà ngoài Cáp chơi. Nhưng khi tôi đã nuốt viên thuốc và nằm xuống nhắm mắt thì nghe bà dặn dò rồi tiếng mở cổng. Tôi chồm dậy, mẹ đã lên xe và anh tài rồ máy. Quần áo phong phanh vì đang nóng sốt, tôi chạy trên lề đường, kính xe đóng nên mẹ không nghe tôi gào. Người trong nhà và hàng xóm đuổi theo nhưng không bắt kịp những bước chân mê sảng của đứa bé. Cho tới lúc kiệt sức tôi lăn đùng xuống bờ đường, bên cạnh khu chợ nhỏ họp trưa. Tôi nổi tiếng khắp phố về biệt tài chạy đua xe hơi từ đấy. Có người còn bảo trong tương lai tôi phải dự thi điền

kinh. Họ nào biết những ngày sau cuộc chạy đua, tôi từng mơ ước lớn hơn tí nữa tôi sẽ có xe hơi, sẽ tự lái lấy, tôi sẽ phóng vun vút đuổi kịp chiếc traction đen của mẹ.

Giờ phút này, ngồi trong chiếc xe ngừng hẳn bên cạnh thân cây lừng lững thì tôi đang thật sự mỏi mệt. Không còn muốn chạy với đời, chỉ muốn dừng lại mà nhìn ngắm thiên nhiên, cây cỏ. Chỉ nhìn thôi, để hoà mình vào sự sống hồn nhiên của chúng, chứ không là mơ ước được trở thành cây. Ngày ngồi trung học, đọc câu "*Làm cây thông đứng giữa trời mà reo*" thì chỉ ở cái nghĩa đen, tôi đã không đồng tình với Nguyễn Công Trứ, còn nghĩa bóng thì sao mà xa vời quá. Thời con nít đã thấy nó xa, đến chùng thành người lớn càng vời vợi thế nào. Ngó chung quanh, chẳng có được bao nhiêu cây thông thẳng tắp vươn cao như hình ảnh dựng lên trong thơ NCT để mình ngưỡng mộ.

Người Việt có khi nhịn ăn đãi khách, nhưng cũng thường bày tỏ tình thương qua cái ăn. Ngày hai con tôi còn nhỏ về thăm quê hương, chúng hay khó chịu khi đến nhà ai cũng bị bắt ăn, ngán hơn nữa là các bà các bác tới tấp gắp vào cho cháu đây vun một bát, không còn chỗ để và, thứ này lẫn lộn thứ kia. Thế nhưng bây giờ trưởng thành và thông hiểu tập quán hơn, chúng bớt cầu nhàu. Cả gia đình kéo đến thăm cậu mợ tôi, cố ý vào buổi giữa chiều để tránh chuyện ăn uống và mợ đã già khỏi lo thết đãi. Nhưng đến nơi, mợ bảo ngay : "Biết chúng mày tới, mợ nấu nấu xong rồi, cơm gia đình thôi". Vậy là mới ăn trưa lúc một giờ, đầu năm giờ chiều lại ngồi xuống mâm cơm. Vậy mà lũ trẻ hào hứng gắp những miếng thịt luộc mỏng bóng cắt thật đều bày thật đẹp trên chiếc đĩa men, chúng chan canh cá nấu ngọt ào ào xì xụp. Vừa ăn vừa khen cơm bà mợ ngon không khác gì cơm bà ngoại hồi nào, ngon hơn ở tiệm. Mợ tôi cười sung sướng, kêu chúng ăn với lòng thành. Mợ vô tình nhắc lại những ngày cuối cùng mẹ tôi thôi thóp cổ kéo dài sự sống để đợi hai cháu ngoại về thăm bà lần cuối. Đã lần và yếu lắm rồi nhưng vẫn bắt người nhà mua sẵn măng cụt là món "chúng nó" thích nhất. Một rổ không đủ, bà bắt phải một bao tải. Khi "hai chúng nó" từ phi trường về sà xuống bên giường thì bà chỉ còn đủ sức sò lên bàn tay và chốc chốc chỉ vào bao măng cụt ý cứ giục ăn. Các con tôi đã ăn thứ trái cây mà chúng cho là "ngon nhất thế giới" ấy trong nước mắt, và từ đây chắc chúng hiểu được cách người Việt tỏ lộ tình thương. Anh T. ở Cali loay hoay nấu ăn những ngày tôi sang thăm cũng vậy, nhưng với anh và tôi những bữa cơm ngồi với nhau là trở về thời gian cũ.

Mùa Tết Mậu Thân xa tấp, một số họ hàng ở khu khối lửa chạy đến nhà tôi tị nạn. Gia đình vốn neo người nên mẹ ít dự trữ thức ăn, may nhờ vào ngày tết, nhưng sau một tuần, tất cả thịt thà, rau trái, bánh mứt bay vù vùi với gần hai mươi miệng ăn, nhà chỉ còn có gạo và nước mắm. Mẹ sợ lạc đạn cấm ra đường chợ búa, giới nghiêm tù túng. Mẹ thương con, để dành riêng cho nó một chai Maggi. Tuy vậy, chỉ sau vài bữa cơm xịt Maggi ăn với lạc rang tôi ngán ngẩm. Tôi thèm cá thèm thịt thèm rau. Bữa ấy, ngoài đường không khí bớt căng thẳng, tiếng súng chi

còn lẻ tẻ xa xa, vài người chạy xe ngang trước cửa nhà. Chiếc solex thân thương ừ rừ trong sân, đã bao ngày nó và tôi không tung tăng đường phố, đi học đi chơi. Tôi liền mở cổng, rón rén lái xe ra ngoài trèo lên, phóng thẳng hướng Phú Nhuận, tìm đến nhà cậu mợ. Những con đường đi qua trống rỗng rợn người, tôi càng sợ nên vạy ga vù vù. Đến nơi, cậu mợ mừng ôm lấy cháu hỏi thăm tin tức, mợ vội gom hết bánh chưng, giò thủ, giò lụa, dưa hành...dồn vào mấy bị cột sau xe cho con cháu mang về. Thấy bận đi an toàn nên tôi chân chừ, còn muốn kể lễ khúc nôi nổi niềm, nhất là khoe khoang với các đứa em họ đã được thấy Việt Cộng chính cống vác súng khuôn hòm có vũ khí ra sao, nhưng mợ cứ giục mau về. Đến khúc đường Công Lý, đang chạy phom phom, bỗng một xe quân cảnh đuổi theo huyết còi, tôi rúng rời ngừng lại. Mấy người lính vừa khám các túi thực phẩm vừa tra hỏi tôi đi đâu trong lúc vẫn còn lệnh giới nghiêm. Tôi ngưng ngưng trả lời : đi xin thức ăn. Một ông mắt sắc lém, mặt đen thui, giọng nặng chịch :

- Đã ai chết đói đâu mà đi xin ăn. Kiểu này là nằm vùng, tiếp tế cho địch.

Tái xanh mặt, tim đập thình thịch, hai lóng chân tưởng sụm ngay lúc ấy, bị đoạt thức ăn cũng đành chứ giao liên vào tù thì...Thế là những giọt lệ không đợi rơm rướm chảy ra. Run đến không nói được lời bào chữa. Vừa lúc ấy, một anh chàng đeo hai bông mai trên cầu vai từ xe jeep bước xuống. gương mặt anh ta trắng trắng, môi miệng ngậm tăm nhưng ánh mắt dịu hơn người kia. Anh ta nhìn từ đầu tôi đến chân rồi mới hỏi mấy tuổi, học trường nào. Khi tôi đáp gọn lòn : "Mười bảy, trường Gia Long" thì cái miệng ấy nhếch lên, mắt giêu giểu ngó vào những giọt nước đọng trên má tôi đang kéo vạt chùi. Rồi anh ta quay lại nói với ông mặt đen :

- Tiếp tế cho địch không ai tiếp bánh chưng, giò chả. Thôi, cho cổ đi.

và tự cúi xuống bỏ trở vào bị cho tôi những thứ vất trên lề đường. Đã lấy lại bình tĩnh, tôi không quên kiểm điểm bằng hết gia tài của mình. Lúc tôi nhặt quả dưa chuột quý giá phúi bụi cho vào túi. Anh ta nói nhỏ bên tai : "Em gái tôi cũng học Gia Long đấy".

Về đến nhà kể lại, bà chị họ la toáng : "Cha trung úy này quê một cục, đáng lẽ phải nói : bô tui học GL", hai chị em cười hình hích. Nhưng vừa lúc đó nhìn ra ngoài sân, trên bờ tường thấp chia nhà tôi và hàng xóm giây tigon gặp mùa trở đầu hoa, những bông nhỏ xíu hình trái tim hồng tươi xinh xắn bỗng lịm màu đi cùng với vầng mây đen dồn đến che khuất mặt trời. Tôi bỏ vội vào trong phòng, ngồi bó chân trên giường nghe nước mắt cứ dội từ phiến ngực nhức đau. Vài tiếng súng lại đoànng đoànng bên kia khu phố, căn phòng thân thuộc này như một ốc đảo nằm giữa mấy vùng lửa đạn đã phùng phùng quanh đây. Chiến tranh đã vào thành phố, tôi đã thật sự nhìn thấy người thấy nó, nhưng dấu sao tôi cũng còn sống ở đây giữa vòng tay gia đình họ hàng, nhưng còn Đ., anh đang ở đâu ? sống chết thế nào nơi rừng núi. Vậy mà tôi ham ăn, tôi quên nghĩ đến anh từng giờ như tôi đã hứa,

quên câu nguyện cho anh suốt buổi sáng hôm nay. Còn anh T. nữa, chị đâu tôi sợ hãi mong ngóng tin chồng từ đêm mừng một. Chị ngồi thu lu trong góc, đưa con thơ ẻo ẹo một bên. gương mặt đẹp và mái tóc bồng bênh xop xuống, chị không khác cây cải xanh mẹ phơi ngoài sân nhiều buổi cho héo trước khi muối dưa ngày tết.

Mãi lúc sau, bà chị họ vào phòng kéo ra ăn uống. Lũ con nít trong nhà đang hể hả với những thứ tôi đi xin về, chúng bầu tôi là anh hùng solex. Bà chị tếu không dừng đùa nghịch, xướng lên một câu vọng cổ :

- Trời ơi, quân Việt cộng đang tiến vào thành phố, còn công nương nhà tui thì lại tiến...o...lùi.

Mấy đứa nhỏ nhao nháo : sao lại tiến lùi ? Chị trả lời gọn băng : thì hồi xưa đường đường vợ-đét chạy đua xe hơi, bây giờ chỉ biết xô và lết !

Tôi định quay lại cãi là hồi đó tôi không chạy xe hơi mà bằng cặp chân, và hiện thời tôi cũng không lê không lết, chẳng chạy đua với ai, chỉ đi xin thức ăn về cho cả nhà. Nhưng nhìn thấy miếng bánh chưng dành riêng cho mình trước mặt thì tâm hồn tôi bị hút thẳng vào tuyệt tác nghệ thuật này. Tôi quên tất cả hiện trường, chú mục quan sát thật kỹ. Giữa khối đậu xanh vàng mịn, những thớ thịt hồng mềm nhú ra ngoài độn mỡ béo núc thật trần tục, tường tượng nuốt vô là ngập tràn mùi vị, có cả hai hạt tiêu nhấp nháy tròn mắt tròn đen bé xíu, cứ cắn vào đi là sẽ cay sẽ nồng, nức lên mũi chảy nước mắt nhưng... thơm. Khoanh nếp dẻo chung quanh chỉ gạ hai nước răng nhỏ nước, và cuối cùng làn da bên ngoài uom màu lá dong xanh, ngọc ngà như thân chuối bóc trần, mời gọi quyến rũ đến bất người. Ngắm xong rồi ăn, ăn rồi lại nghĩ. Tôi đã định bụng sau này sẽ viết lại lịch sử bánh dầy bánh chưng, vì cái truyền thuyết trời-đất vuông-tròn đời xưa người ta chế đặt cho nó, để dạy con nít, không diễn tả được nghệ thuật, chẳng nói gì hết về tài nghệ tuyệt vời của người nào đó hay cả của bao nhiêu thế hệ đã biết đem tất cả sự hài hoà của khẩu vị và màu sắc vào trong chiếc bánh lạ lùng này. Nhưng đến nay tôi chưa có tài để viết, chưa biết viết thế nào. Có lẽ tôi chỉ được cái tật hay liên tưởng như ông anh họ của mình.

Giờ đây, đôi khi cận Tết, anh T. gọi sang hỏi :

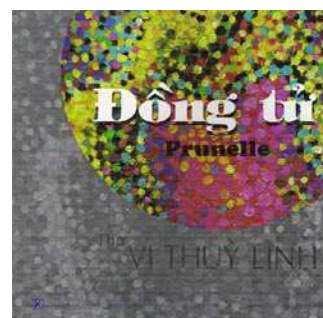
- Cô đã có bánh chưng chưa ? Chị mới đi đặt mấy chiếc, nhưng cách gì cũng không ngon bằng bánh nhà mình hồi xưa.

- Sao anh không gói lấy ? Ngày trước, nếu được về phép ăn Tết anh vẫn đến phụ mẹ gói bánh cơ mà ?

- Thôi, có ăn bao nhiêu. Và lại ngày nào tết nhất có me, có cả gia đình mới vui. Bây giờ...

Hai chữ "bây giờ" của anh làm tôi mùi lòng, và chẳng thể nào không nghĩ đến mâm cỗ cúng giao thừa của mẹ. Chán chán giờ đây, giá có ngân ấy thứ bày sẵn cho tôi đón Tết và dù vẫn thích của ngon, tôi cũng không còn nhìn chúng với ánh mắt và cái lòng háo hức của một đứa trẻ háo ăn thật hồn nhiên, hạnh phúc.

Vi Thùy Linh



Ký hoạ đen

Bản thân thương

Bà già không chôn nương thân, lọ mọ nhật nhạnh

quanh bãi rác

Chị nông dân nói ngọng xệch mông đạp xe thỏ rau

từ nửa đêm kịp đến chợ Long Biên lúc 3 giờ sáng

Cô gái đen đúa đội thúng bánh mì, gầy đen như ngõ tối,

rao khản gió

Ông bán bóng đoi lá phùng má thối, bóng bay lên

mặt cảm xuống ho

Những thằng bé còi lẩn lóc đánh giày rạc chân rao báo

Mùa mưa lê thê gột rửa những kẻ bán hàn, hèn mọn

nhỏ nhoi

Phổ biến ai vãn, bày côn trùng kêu âm đỏi ngẫu

Ông Bụt bà Tiên bật vô âm tín

Lũ bẻm mép ma mãnh tỏ ý mùi lòng

Những trận nhậu ê hể ăn chơi phè phỡn thuốc lắc

điên cuồng

Loã lồ truy lạc bệnh hoạn lây lan

Giá vờ quên nữ tính

Tôi bịa ra niềm vui và hy vọng

Hư cấu một cuộc sống không có ai đòi rét thất học

toàn người tử tế, hoa tươi và nghệ thuật

Xoá sạch con nghiện, dĩ điểm (đủ mọi loại hình)

Trả lại cho công viên, con đường yên sạch

Một thế giới không còn gái làm tiền, để phái đẹp

khôi hạnh lòng nhục và xấu hổ

Lại tiếng rao đêm « Ai bánh mì lóng... lò... »

Ai đó cúi vì mắt ngủ, sập mạnh cửa cắt cơn mưa.

8.2005

LTS – Bài thơ này trích từ tập thơ vừa xuất bản của Vi Thùy Linh : **ĐÔNG TỬ / Prunelle**, Nhà xuất bản Văn Nghệ, tháng 10.2005. Tập thơ gồm 2 phần : I. Nhật thực, II. Hãy phủ thơ khắp thế giới của em. Tập thơ hầu như song ngữ : nhiều bài đã được (Phan Huy Đường, Dương Tường, Châu Diên, Cao Việt Dũng) dịch ra tiếng Pháp. Đây là tập thơ thứ ba của nhà thơ trẻ (sinh năm 1980) : **Khát** (1999), **Linh** (2000). 5 năm sau mới ra tập thơ thứ

Tôi về hoa phượng rụng

Lê Minh Hà

Anh H. thân mến,

Tôi đã không viết được ngay cho anh khi từ Việt Nam trở về Đức hai tháng trước. Không dễ gì. Anh có thấy thế không, tôi đã viết *trở về*, thay vì *đến*. Nơi chốn này đã là một phần đời của tôi và tôi đã nghĩ sẽ sống và chết bình yên với nó. Nếu không có chuyến trở về mùa hạ vừa rồi.

Tôi lại vừa viết *trở về*. Có thể nào dùng được một từ khác thay thế khi kể lại một cuộc quy cố hương? Sau cả mười năm xa.

Sau cả mười năm xa, đất nước đổi thay mà không có chúng ta. Và tôi không thể nào viết cho anh được chính vì lẽ đó. Đời sống bên này với những giá trị hiển nhiên không phải là đời sống ở nhà, không mấy ai ở nhà hình dung được. Nên đã không ít người xa xứ có ngay một cái nhìn phê phán khi kể lại những chuyến trở về của mình. Tôi không dám, anh H. thân mến. Thời gian ít ỏi dùng chân được trên quê hương có đủ cho ta nhìn, nghe, và quan trọng hơn là thấy được mọi điều không? Nói với vợ e thành không phải với gia đình, bè bạn, với tất cả những ai chưa quen đang sống trên dải đất gầy guộc hình chữ S mà chúng ta quen gọi là nhân dân để nghĩ rằng mình đang biết yêu thương.

Thế nhưng thú thực với anh, hai ba ngày đầu, tôi nghĩ mình đến chứ không phải về. Mặc dù cảm giác thực sự gặp lại Tổ Quốc tôi có ngay khi rời máy bay. Chồng tôi hỏi và tôi đã gật đầu. Thì thế, cái nóng tháng sáu nhà mình đâu phải là chuyện đùa với người đã quen khí hậu ôn đới và luôn có vấn đề với cái sự thờ ra hít vào như tôi. Và gương mặt người Việt đầu tiên gặp lại, cũng là dấu chỉ đầu tiên về Tổ Quốc, nói thật là với tôi đã hơi bị bất thường. Chỉ mới hôm trước thôi, ở một sân bay khác, một người cảnh sát khác đã tươi cười chúc tôi một chuyến đi vui và hẹn gặp lại. Còn ở sân bay Nội Bài nhà mình, tôi đã bị quát *chị kia không nhìn à chị kia lùi lại tôi chưa hỏi thì chị đừng nói anh ạ*. Thôi thì thế cũng là có chuyện để kể anh nghe.

Trước ngày tôi về ba hôm truyền hình Việt Nam có giới thiệu tác phẩm của tôi và dĩ nhiên ngày đầu tiên về lại tôi không có thì giờ ngồi xem để biết tác phẩm của mình đã được cảm thông thế nào. Hà Nội làm tôi bị choáng. Ngồi sau xe ông cụ nhà tôi chờ, nhìn dòng đèn xe máy chày toé toè loe bên kia đường, run cầm cập lo cho hai cái đầu gối khi bên cạnh phải trái phải xe lách qua đùng đùng, tôi không làm sao tìm lại được những yêu thương trong lòng mình khi xa Hà Nội. Với tôi, Hà Nội mùa này là của những *phổ thâm nghiêm rợp bóng cây tiếng ve ru những trưa hè **, là tuổi mười sáu của kem que và những chiều gió thềm thang áo mỏng thúc nhau phóng xe vượt dốc Yên Phụ, là những ngày thiếu điện và thiếu nước, là nắng mênh mang những buổi chiều có giờ lên lớp, là những đêm mưa mắt điện mắt kính mờ mịt nước lờ

rờ xe máy cố về với con sau buổi dạy thêm. Và, anh có hiểu không, trên tất cả, là tuyệt vọng, là khao khát không thể nào lí giải nổi của tôi những ngày tháng đó.

Thế nên tôi đã buồn bã tự hỏi mình viết để làm gì khi trôi trong dòng xe cuồng loạn, đêm gặp lại đầu tiên. Viết cho ai? Ai sẽ bình tâm để đọc chữ của tôi trong nhịp sống với tôi hết sức lạ lùng này. Mới chỉ có mười năm qua. Chao ơi là Hà Nội.

Tôi cũng bị choáng sau vài cuộc tái ngộ với một đôi bạn bè thân thiết một thuở. Họ giờ hơi bị thành đạt, không trong nghề nghiệp thì trong tiền bạc. Nhưng tất cả làm tôi lạ lùng quá đỗi, khi không ai còn hứng thú sách vở nào ngoài sách chuyên ngành. Bao nhiêu mong muốn hiểu biết sự đời gói lại trong mấy tờ báo ăn khách và những câu chuyện quanh bàn nhậu. Bao nhiêu khát vọng dồn lại trong dự định mua đất - tậu nhà - tậu ô tô - cho con du học. Cái dự định cuối cùng này của nhiều bạn bè cũ làm tôi vô cùng khâm phục. Chúng ta đang ở nước ngoài, nói đại nếu con muốn ra nước ngoài học nữa thì tha thiết xin con tự thân vận động lo học bổng. Vậy thôi phải không anh?

Thật ra điều này từ lâu làm tôi băn khoăn lắm. Bạn tôi, một bà nghề ở viện Văn học từng cố khai hóa cho tôi rằng hiện tượng này mang tính toàn Việt. Rất nhiều người trong lứa tuổi của chúng tôi dù hết sức thành đạt nhưng ít nhiều mất hướng trong sự thay đổi nhanh hoa mắt của đất nước mình bây giờ. Chúng tôi được cung cấp kiến thức để hài lòng với một đời sống bao cấp trong hình dung tươi sáng của thế hệ trước. Đời sống dưới thời bao cấp đã tắc tử, mà lại thật khó nhận diện đời sống bây giờ. Có nhiều cơ hội cho những ai đang tìm kiếm, nhưng cái sự ổn định tương đối để từ đó có thể sống một cách thanh thản rất cần trong tuổi chúng ta thì hình như thiếu. Đời sống xa xứ của chúng ta căng thẳng, tôi cho là còn căng thẳng hơn đời sống ở nhà, nhưng đó là sự căng thẳng trong ổn định. Ở nhà, ngược lại. Văn chương nghệ thuật không áp đảo được sự bất ổn này. Mà nếu thế thật thì nó cũng đáng quên đi. Tôi đã nghĩ thêm như thế khi tự hỏi phải chăng bạn mình có lí. Phải chăng mình đã khùng khi chắt bóp thời gian ngồi đọc ngồi viết? Ai đọc? Nói làm gì chuyện ai chê ai khen!

Giá kể chỉ thế thì chắc ở ba tuần đã là dài đủ để nói chuyện giới thiệu cùng gia đình bè bạn đồng nghiệp cũ mới, như nhiều bạn bè chúng ta đã kể rằng sau vài ba tuần về thăm nhà thì chỉ còn mong bay thật nhanh trở lại với công việc, gia đình, đời sống bên này. Thế mà khi ngồi trên máy bay trở lại Đức sau sáu tuần ở nhà, nhìn xuống thành phố rực rỡ đèn khuya, tôi bàng hoàng, và thấy mình đã nhớ.

Không phải là những gặp gỡ tung bưng, những bữa ăn gồm những món ngày xưa thời bao cấp tôi rất thích thưởng thức qua sách dạy nấu ăn của bà Nguyễn Xiển, và hơn thế nữa, làm tôi xúc động đâu. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy nhiều người từ Việt Nam qua lại bên này tâm tấc mãi về chuyện ăn uống ở nhà. Thì đã hẳn là đồ ăn phải tươi phải hợp vị hơn, nhưng mà nóng quá, ồn quá, thú thật hai tuần đầu tôi chả có cảm giác gì khi cầm đũa. Thế nhưng kem Tràng Tiền thì vẫn nguyên vị cũ. Anh chưa biết nhỉ, kem que nơi này là cả một miền hoài niệm của chúng tôi khi không còn được vào ra công trường Hoàn Kiếm phố Hai Bà Trung gần gần đó. Đến cái thời tự dung mê mụ vì đương kim chồng tôi bây giờ, kem Tràng Tiền dựng xe ăn trên hè phố Ngô Quyền với tôi đã trở thành không thể nào quên.

Hà Nội mới mẻ này làm tôi mất trọng lượng. Ngay sau

hôm về, tôi có đến thăm nhà văn N. N. Ngày xưa đi học rồi đi dạy, tôi thích Rừng xà nu của ông lắm. Ông viết nhiều, nhưng không hiểu sao tôi đặc biệt thích tác phẩm này, và cuốn gần đây ông cho in. Tôi đã đọc hết cuốn sách ấy ngay trong đêm trở về đầu tiên, không hẳn bởi mất ngủ do lệch múi giờ, mà vì không dùng được. Đây không chỉ là văn chương, đây là văn hóa, là một trong những lời giải cấp thiết cho những vấn đề chính trị nóng bỏng hiện nay ở nhà mình, cho sự tồn tại của một Hoàng triều cương thổ một thuở. Nhất định anh phải tìm đọc cuốn sách này anh H. ạ.

Nhà văn bé nhỏ đón tôi trong bộ pijama. Nghe ông, tôi kinh ngạc vì sức suy nghĩ, vì những khao khát lớn lao ông theo đuổi khi đã vượt vào tuổi cổ lai hi, vì những chuyến đi ông để lại sau lưng và sắp tiếp tục. Tôi tin là khi viết về ông sau này, người ta sẽ phải định vị ông như một nhà văn hóa chứ không chỉ như một nhà văn, tác giả, dịch giả của nhiều tác phẩm lớn, tác giả của một sự kiện văn học làm thay đổi hẳn gương mặt văn chương Việt Nam thời hiện đại. Thật tiếc tôi đã không thu xếp được để gặp lại ông, nghe ông một lần nữa. Nhưng như thế, sẽ có thêm điều kiện để dự tính kế hoạch cho những chuyến về sau. Hi vọng.

À anh vừa mail cho tôi nhắn đọc Khai huyền muộn trích đăng trên một tạp chí phát hành khi tôi còn đang ở nhà. Tôi phải khoe ngay với anh rằng tác giả Khai huyền muộn, cũng là tác giả Cơ hội của chúa mà mấy năm trước tôi đã giới thiệu với anh là bạn cùng trường cùng khóa với tôi đấy nhé. Trường cũ của chúng tôi (đẹp lắm) giờ bị mất tên, thay vì Hoàn Kiếm là Trần Phú. Nhưng chúng tôi (NVH, LMH, YB (nhà báo)) đã có tới hai buổi trưa hội trường tay ba rất vui ở nhà NHT và ở một quán chả cá. Cả hai cuộc gặp đều khó quên, và cả hai bữa ăn cũng đáng nhớ. Canh cua, cà muối dầm tỏi ớt, đậu phụ rán phồng phao hết cỡ, lại còn cả đĩa khoai luộc nhắm với về thâm trầm của nhà văn nổi tiếng, về dịu dàng kín đáo của vợ nhà văn, tiếng cười hết mình của hai ông bạn, và tôi đã đi tới kết luận rằng hiếm người hài hước đến như NVH, trong chữ, trong lời. Nhưng hài hước đến thế, e bạn tôi vất vả. Anh ấy là nghệ sĩ và nghệ sĩ thực ra đâu phải là người chỉ thích cười.

Còn rất nhiều cuộc gặp gỡ bất ngờ nữa, với rất nhiều người thú vị nữa, những người trước nay tôi và anh vẫn là bạn đọc trung thành. Nhưng để tôi kể anh nghe dần trong những thư sau nhé. Những DT, BNT, PXN, NQT, BN, TTĐ, NQL, những NTS, NHT, TL... cả nhà văn DHD đang làm anh mê ấy. Thật khó gạch một dấu nối giữa con người thật rất liêu trai ấy với những trang văn tràn trề khao khát sống cho mình, đến mức khốc liệt.

Tôi đã lắng nghe, và đã tin rằng nếu các nhà văn của chúng ta có đủ điều kiện tinh thần, nói gọn là viết và in được ngay, đủ kiên tâm ngồi với computer hay trang giấy, và những gì họ nghĩ, nếu chúng ta được đọc, ta sẽ không thể nào ngờ vực được sức mạnh của văn chương. Cái nỗi ngờ vực buồn bã vẫn còn lên trong lòng tôi biết bao lần. Nhưng anh biết rồi, đời sống rất nhiều khi bào mòn các xung động mà chính nó đã tạo nên trong lòng nghệ sĩ, để bão táp lẽ ra phải có chỉ còn là... Trong khi vẫn giữ quyền đòi hỏi được thấy nội lực văn hóa của nhà văn, tôi nghĩ người đọc chúng ta không được quên họ là con người. Tôi không định nói là tổng hòa của những quan hệ xã hội đâu, mà là con người, với tất cả những ràng buộc của nghĩa vụ trong các mối quan hệ bình thường nhất. Không hiểu cho nhau điều đó, có khi

thành thù phàng, thành bất nhẫn khi trách nhau thiếu ý thức với đời sống, khi trách nhau hèn anh H. nhỉ? Nhận ra điều đó, anh sẽ sung sướng thấy tâm vóc của những người như nhà văn tôi vừa kể cho anh. Khi đối diện ông, tôi đã tưởng tượng nếu tôi là đạo diễn và nếu có thể dựng phim về những con người của thế kỉ như ông, tôi sẽ xin ông nói, trong bộ pijama cũ cũ, giữa khung cảnh chật chội chỉ có vài ba kỉ vật ông mang về từ những chuyến đi xa. Anh H. ạ, nếu không biết những điều lớn lao như thế vẫn là tâm niệm của con người, ta sẽ nghĩ thành phố này trong nhịp sống cuồng loạn này nông nổi. Anh, một người Hà Nội sinh ở Sài Gòn và sống tại Mỹ, anh có thể sẽ có một hình dung khác về nơi này. Như nhiều người trở về thăm quê Nam đã tìm ra thăm Hà Nội và đã ngay lập tức có một hình dung. Đọc, tôi kinh ngạc vì những ý tưởng khai hóa của họ, và buồn cười. Tôi nhớ nhà văn Trúc Chi (năm nay đã hơn 70 tuổi, người Huế, con cháu hoàng tộc, năm mươi năm trước từng học trường Tây tại Hà Nội, hơn bốn mươi năm trước đã sang Pháp, và khi tôi được sinh ra ông đã là phóng viên đài BBC, rồi phụ trách phần tin của Reuter ở vùng Đông Nam Á những năm chiến tranh tôi và anh mới lò dò đi học) nói với tôi chiều giảng sinh năm xưa, trong quán nhỏ mù mịt khói thuốc bên sông Lahn nơi tôi ở, về cảm giác của ông khi đứng trên bờ đê sông Hồng một chuyến trở về. Ông nói ông đã tự hào vô kể, khi nghĩ có những con người chỉ com với cà mà cả ngàn năm trước đã đắp nên con đê này, đã khai phá châu thổ này, xây nên kinh đô này. Ông nói niềm tự hào là người Việt là một niềm tự hào nghẹn ngào.

Trở về, nội ngoại các cháu nhà tôi ở Hà Nội cả, việc đi lại do đó thành sự với tôi đây anh H. ạ. Sự hơi buồn, là bởi vì sinh ra lớn lên ở thành phố này mà giờ tôi chịu chết không nhận ra đường. Mặt phố giờ thay đổi kinh hoàng luôn. Hàng cây sao cao vợi phố Lò Đức của tôi một thuở giờ đâm lùn cùn bên những ngôi nhà mặt tiền hẹp nhưng vọt lên đến bốn năm tầng. Tán cây cũng bị thu nhỏ một cánh phũ phàng để nhường chỗ cho cửa giả có buồn không cơ chứ. Con đường tôi đi học ngày xưa ngược lên Nhà Hát Lớn giờ không mở rộng, nên trông tũn hoãn vì bị ép chặt bởi những building mọc bề bộn. Nhưng nếu đi vào các khu tập thể, các khu lấp ghép cũ, các ngõ nhỏ, anh sẽ không thấy khác bao nhiêu, vẫn là chật chội (dĩ nhiên nhiều lần hơn cũ), vẫn là nhếch nhác, và tội nghiệp: vẫn nguyên cái vẻ nghèo khó tội nghiệp ngày xưa. Trở lại nơi nhà tôi ở cũ, đi ngang đi dọc, bất giác tôi phì cười, mà nước mắt muốn ứa, khi nhớ lại lời một anh chàng người Đức trong buổi đến thăm nhà chồng của em gái anh ta. Đi qua đống rác khổng lồ của cả khu, anh ta cảm thán: dân tộc Việt Nam thật kì diệu, sống thế này mà đánh thắng Mỹ. Chuyện cũng đã hơn hai mươi năm, anh chàng đó sống ở Đông Đức chứ giả dụ ở Tây Đức khéo ngã ngổ vì cảm động ngay bên đống rác đó. Họ thành tâm, nhưng chúng ta nếu cứ thành tâm tin để tự hào mãi thì đúng là ngớ ngẩn. Thế mà mới chỉ mấy năm trước anh còn chuyển cho tôi một bài báo trong nước đưa tin ông giáo sư khí gió nào cũng người Đức ca ngợi rằng giáo dục Việt Nam tốt hơn giáo dục Đức cơ đấy.

Tôi về Hà Nội chứ không phải là đến, nên thay vì chỉ đi ngang dọc nhìn ngó như du khách thì phải rối rít vì chuyện gia đình họ mạc bạn bè. Long trọng thăm nhau tại gia thì chả đủ thì giờ cho tất cả, nên nhiều lúc tiện đường tôi cứ xông thẳng đến nơi làm việc của bạn bè. Nhiều người đã là quan nhờ rồi anh ạ. Là tôi tính tới chức vụ phó vụ trưởng giám đốc trung tâm của họ đấy. Điều kiện làm việc của mọi người bây

giờ, hai mươi năm trước khi bắt đầu sự nghiệp giáo dõ (dang) của mình tôi chưa bao giờ mơ thấy. Không chỉ là chuyện điều hòa máy lạnh chạy ro ro, mà là không khí làm việc tà tà. Tà tà gõ máy, tà tà đi họp, tà tà hẹn nhau đi nhậu. Tà tà đẩy mà thật ra lại tắt bật. Tôi không còn biết lúc nào mọi người làm việc mọi người nghỉ ngơi thật sự nữa anh ạ. Sẽ là lí tưởng cho anh nếu anh được làm việc thoải mái như thế ở Mỹ.

Nhưng đó là chuyện của công sở nhà nước. Ở các cơ sở tư nhân thì khác hẳn. Nhanh, quyết đoán và tự tin là điều tôi nhận thấy ngay lập tức khi tiếp xúc với nhân viên ở những nơi này, đặc biệt là ở nhiều người trẻ tuổi. Họ làm nên một nét quan trọng của cuộc sống mới này và cũng tận hưởng nó tận tình. Họ làm tôi thán phục và tiếc rẻ. Tôi sẽ không tiếc rằng tuổi trẻ của mình đã không có những cơ hội như họ đang có. Bình tâm mà nghĩ, nếu cơ hội chung là cho tất cả thì khả năng túm lấy cơ hội ở từng lớp người có khác. Càng khác nếu là nói tới từng người. Thời còn đi dạy, tôi tự hào là đã kiếm sống được bằng những cố gắng thật sự trong nghề nghiệp, trong khi bè bạn phần lớn còn phải cậy nhờ bố mẹ, nhưng thật ra tôi cũng dễ bị bó cứng trong nghề nghiệp. Khả năng chiếm lĩnh đời sống như thế này thật là mình không có.

Về nhà tôi có cái thú đi xe ôm anh ạ. Mặc dù cũng sợ nếu gặp phải anh xe ôm đi quá nhanh. Ngồi sau lưng hít mùi mồ hôi nồng nực của người lạ với khối người là đáng ngại. Nhưng mà chính trong những chuyến xe ôm ấy tôi đã hiểu thêm về thành phố của mình. Anh có tưởng tượng được không, có lẽ mười người tôi bắt chuyện chỉ có bốn người cùng giọng Hà Nội với tôi. Còn lại là giọng Nghệ An, Hà Tĩnh, Nam Định, giọng của chín phương trời đất riu rít dưới bầu trời thành phố này. Giàu có quê chẳng bằng ngồi lê thành thị. Đã hẳn là thế chẳng, hay đây cũng là chuyện của bất cứ quốc gia đang phát triển nào. Thế đấy anh ạ. Bởi khoảng cách giữa thành phố với nông thôn ở nhà mình thật khủng khiếp. Và cả khoảng cách giữa người sống giữa thành phố cũng vậy. Tách cả phê tôi uống trong nhà hàng máy lạnh trở thành đắng nghét. Cách một lớp kính, ngoài nắng tháng sáu, là những người bán hàng rong. Y như thời gian ngủ gật.

Những người lái xe ôm là một kho chuyện về những cảnh đời bình thường anh ạ. Hầu hết các anh lái xe ôm tôi đi nếu không phải là dân Hà Nội không có việc từ các ngõ ngách nghèo nàn xô ra phố thì đều từ Nam Định hay Hà Tây Hải Hưng ra Hà Nội. Mỗi người một cảnh, nhưng tất cả đều nhiệt tình làm vui lòng khách. Đúng là cạnh tranh làm nên văn hóa anh ạ. Tôi nhớ thời bao cấp mà tôi đã sống, và tôi đã chia vui với những anh lái xe ôm. Dù giàu nghèo phân cách sâu sắc thế này, nhưng bây giờ tiếng vậy vẫn còn cơ hội để người ta cựa quậy mà sống. Chứ nghĩ lại cái thời bao cấp mà sờn tóc gáy, khi mà đời sống của một gia đình bị quây chặt chỉ bằng mấy tấm bia chất đốt lương thực thực phẩm.

Tôi có nhớ một người bạn đưa tôi về thăm lại ngôi trường cũ mà tôi từng làm việc gần mười năm, cốt nghe ngóng lòng mình thôi anh ạ, vì thực ra đang mùa nghỉ hè. Xe dừng và anh bạn đã phải chỉ cổng trường khi thấy tôi đứng hình ngồi sau xe không động cựa. Tôi đã hình dung có thể đứng dưới con phố nhỏ nhìn lên những cửa sổ lớp học thân thương cũ. Nhưng trước mặt tôi là một dãy quán bia xây cất đàng hoàng, và cái cổng cũ của trường Hà Nội - Amsterdam bị nuốt chửng không thể nào nhìn ra. Hàng cây xưa nay sắp thành cỏ thụ. Dãy hàng quán bia hơi có nhà đã lên tầng áp sát tường bao

ngôi trường niềm tự hào của ngành giáo dục Hà Nội. Và không hiểu sao, tôi không còn muốn bước chân qua đó nữa. Kí ức như có cánh, vụt cái bay đi.

Còn bao nhiêu chuyện có thể kể anh nghe. Ví như hai ngày trước khi bay tôi có gặp đạo diễn Bao giờ cho đến tháng mười... và chú cháu tôi đã nói chuyện quên cả thời gian. Ví như chiều chiều tôi hay ra ngóng một chị sồn sồn đạp xe thông dong cát tiếng rao *ai đổi công trái nào*, lời rao không có trong bộ nhớ tiếng xưa của tôi. Ví như chuyện tôi đã rất ngạc nhiên khi ngày về thấy thành phố của mình ầm ào thế mà sáng chiều vẫn loa phưởng ra rả không biết ai nghe, khi nhiều nhà có một thói quen với tôi là kì quặc: mở ti vi cho ti vi nhìn mình, và cái chính là cái thời cần có loa công cộng để biết *máy bay địch cách Hà Nội... km* và *máy bay địch đã bay xa* đã qua lâu lắm rồi.

Hà Nội của tôi ! Nhưng tôi lơ ngơ giữa thành phố của mình. Bao nhiêu con đường mới mở. Bao nhiêu phố mới. Bao nhiêu cư dân mới. Họ đang làm nên nhịp sống của thành phố này. Có thể mười năm nữa thôi chính họ và con cháu của họ sẽ tự hào mình là người Hà Nội và chúng ta sẽ được coi như một người khách phương xa. Tôi nhớ anh NTT con út cụ Nhất Linh kể cho tôi đã nghe trong đêm Hà Nội ngày về một tiếng rao dễ thương vô kể *ai ăn bạnh chung nọng nào*. Vâng, vậy đấy. Mỗi thời là của một lớp người. Chẳng có gì mà phải trầm trọng cả. Dù bụi ngùi và ngạc nhiên lắm anh ạ, khi một trưa bất ngờ được ngồi nhắc với một người bạn chữ mới quen, một người Hà Nội của thời tôi, về những khoảng phố xưa, cơn gió chiều xưa, thiếu đói ngày xưa những chiều hoa phượng rụng. Tôi có bảo với anh ấy rằng nếu nói cảm động trước một đĩa thịt ngan được mời thì kì cục, nhưng đúng là tôi đã cảm động khi thấy có người không đi xa như chúng ta, sống từng ngày với Hà Nội hôm nay, thành đạt trong Hà Nội hôm nay mà vẫn thiết tha một Hà Nội cũ, một Hà Nội nhọc nhằn, thương khó, mà dịu dàng, rất đổi dịu dàng.

Khi tôi về hoa phượng rụng. Không biết hoa phượng giờ có đem lại cho những người trẻ tuổi niềm vui nổi bồn chồn thảng thốt thời chúng tôi không ? Giữa phố phường bụi bặm bây giờ, nơi nhan sắc chỉ có cách duy nhất giữ mình là tự phong toả cho kín mít, kín còn hơn đàn bà Afghanistan dưới ách Taliban, có lẽ khủng lắm mới dùng chân ngấm phượng với bằng lăng. Vâng, bằng lăng vẫn nở như tôi vẫn mong ngày về. Thú thật với anh, mong đợi nhiều đến thế mà cứ như bị phụ tình anh ạ, bởi tìm ấy đó ấy trong bụi hình như tiêu điều không bùng sáng lên được như những ngày xưa. Có tung bùng chẳng là khẩu hiệu quyết tâm xây dựng vân vân, ví dụ xây dựng khu dân cư văn hóa ; và biển quảng cáo. Anh bạn cũ suýt lạc tay lái khi tôi thăm thì sau gáy *hãy lắng nghe tiếng thở trái tim mình*. Quảng cáo bóng đèn đấy anh ạ. Đạt hiệu quả bất ngờ khiến nhớ. Chỉ có điều nhiều lúc khó chịu lắm khi đủ thứ quảng cáo chênh ềnh ngay giữa trời.

Thế nhưng Hà Nội... Chẳng biết phải nói với anh thế nào. Tôi đã thấy một Hà Nội khác Hà Nội cũ và tôi đã hiểu rằng vậy là mình có thể chia tay thật sự với một đoạn đời rồi. Tôi đã chệnh choáng cùng một Hà Nội mới. Hơi bị dễ say.

Anh có về năm tới không ? Giá mà ta có thể hẹn nhau một ngày nơi ấy !

Lê Minh Hà

Chú thích:* lời bài hát *Nhớ về Hà Nội* - Hoàng Hiệp.

Di sản nghệ thuật Chăm



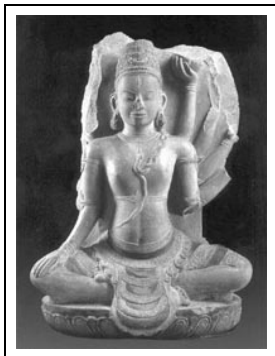
Tượng thần ở Đồng Dương Quảng Nam (thế kỷ X)

Văn Ngọc

Cách đây sáu, bảy năm (1999), khu thánh địa của người Chăm ở Mỹ Sơn, thuộc tỉnh Quảng Nam, đã được công nhận là *di sản văn hoá thế giới*. Sự kiện này, ngoài những lợi ích cụ thể về mặt kinh tế địa phương và du lịch ra, còn có một ý nghĩa quan trọng khác, đứng về mặt văn hoá, nghệ thuật. Đó là : những di sản văn hoá, nghệ thuật của người xưa để lại không phải là của riêng của một quốc gia, một dân tộc, hay một cộng đồng văn hoá nào, mà là của chung của nhân loại, do những giá trị nhân bản phổ biến của chúng.

Người ta có thể đặt câu hỏi, thế còn những khu di tích lịch sử và nghệ thuật khác của người Chăm thì sao ? Bởi chúng cũng đáng được chiêm ngưỡng, và đáng được bảo tồn lắm chứ : Đồng Dương, Trà Kiệu, Chánh Lộ, Tháp Bánh Ít, Tháp Mắm, Hoà Lai, Po Nagar, Po Klaung Garai, v.v. ? Nếu UNESCO đã " công nhận " Mỹ Sơn, thì lẽ ra cũng nên " công nhận " cả những di tích này một thể, nếu thật sự muốn bảo tồn một di sản nghệ thuật quý báu của nhân loại.

Bởi những dấu tích văn hoá, nghệ thuật thuộc những thời đại xa xưa của một dân tộc, là hiện thân của cái dĩ vãng của dân tộc đó, đồng thời cũng là một phần dĩ vãng của nhân loại. Con người cần cái dĩ vãng đó để nhìn lại mình và kẻ khác. Nó như một tấm gương, nhìn vào đó người ta thấy được lịch sử, thấy được những nét *nhân bản*, hay không nhân bản, trong một nền văn hoá, nghệ thuật, và từ đó nhận ra được những *cái đẹp phổ biến*, mà con người dù ở thời đại nào, thuộc nền văn hoá nào, cũng đều có thể cảm thụ được.



Tư thế và nụ cười an nhiên của Siva, Tháp Bánh Ít, Bình Định (thế kỷ XI)

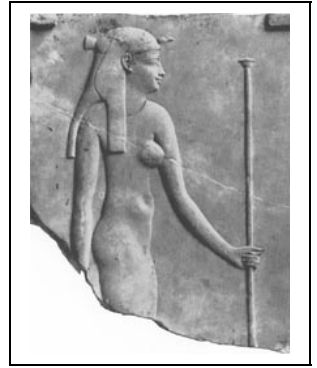
Nụ cười an nhiên, bình thân,

trên *tượng thần Siva* ở Tháp Bánh Ít của người Chăm (thế kỷ XI, Bình Định), hoặc trên *tượng vua Jayavarman VII*, ở Kompong Svay, của người Khơ-me (phong cách Bayon, thế kỷ XII, Cam-pu-chia), có thể tìm thấy lại được trên nụ cười của bà hoàng hậu Ai Cập, ở một bức phù điêu cách đây 3100 năm, hoặc nữa, trên bức hoạ *La Joconde* nổi tiếng của Leonardo da Vinci (thời Phục Hưng Ý, đầu thế kỷ XVI). Phải chăng, cái đẹp của tâm hồn, của tình cảm con người, của đức tin, toát ra từ những nụ cười ấy, thông qua một ngôn ngữ nghệ thuật sống động, chính là cái nguyên nhân đã chinh phục được sự nhạy cảm của tâm hồn và khiêu khích thẩm mỹ của người xem ?

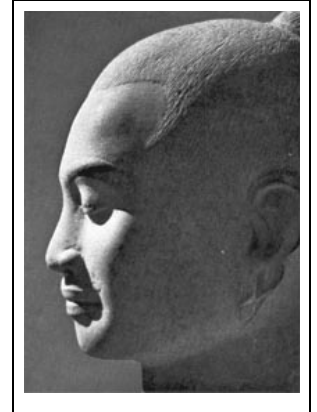
Nghệ thuật, đạt tới một trình độ nào đó, có một sức truyền cảm mãnh liệt, vượt qua mọi ranh giới văn hoá và tín ngưỡng.

Đứng trước những chiếc tháp Chăm uy nghiêm, hùng vĩ, hay đứng trước một pho tượng vũ nữ Trà Kiệu mềm mại, uyển chuyển, dù là người Á đông, hay là người Âu, Mỹ, bạn đều có thể có được những cảm xúc thẩm mỹ sâu sắc. Nghệ thuật Chăm, ở vào những thời kỳ rực rỡ của nó, có một sức thuyết phục và một khả năng truyền cảm mạnh mẽ, đó là dấu hiệu của những nền nghệ thuật lớn.

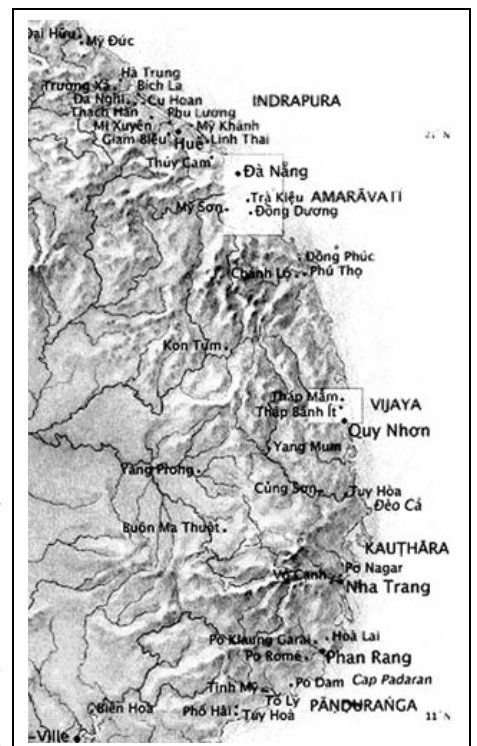
Vậy mà, dân tộc Chăm, người không đồng, đất không rộng, lịch sử của họ cũng không phải là có từ lâu đời, vên vẹn tất cả kể từ lúc lập nước, thế kỷ II (192, theo Mã Đoan Lâm, sử gia Trung Quốc - thế kỷ XIII, và nhiều giả thuyết của các học giả tây



Hoàng hậu Ai Cập (phù điêu, thế kỷ 11 tr. Kitô)



Tượng vua Khơ-me Jayavarman VII (giả thiết), Kompong Svay, Campuchia (phong cách Bayon, thế kỷ XII)



Bản đồ vương quốc Chăm-pa

phương), cho đến lúc mất nước, thế kỷ XIX (1832) được đứng 1640 năm. Lịch sử nghệ thuật của họ lại còn ngắn ngủi hơn thế nữa, ít ra nếu chỉ tính từ những thời kỳ hưng thịnh (bắt đầu từ thế kỷ VII), với những tượng, tháp đầu tiên ở Mỹ Sơn, cho đến lúc suy vong (thế kỷ XV-XVI), với các phong cách Yang Mum, Po Rome, Po Klaung Garai, một phong cách nghệ thuật bắt đầu bị thoái hoá cùng với Ấn Độ giáo đang đi vào giai đoạn suy đồi.

So với lịch sử nghệ thuật của các nền văn minh lớn như Ấn Độ, Trung Quốc, hay lịch sử nghệ thuật Kitô giáo ở Âu châu, chẳng hạn, thì đương nhiên không thể nào so sánh được. Song, về mặt kiến trúc và nhất là về điêu khắc, nghệ thuật Chăm đã đạt đến một trình độ ngang bằng với những nền nghệ thuật lớn, ở quy mô thế giới cũng như ở quy mô vùng Đông Nam Á, ít ra trên một vài khía cạnh : Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Java, Khơ-me, nghệ thuật roman (Kitô giáo Âu châu, thời trung cổ), v.v.

Nhìn vào nền nghệ thuật điêu khắc Chăm, người ta thấy rằng, nền nghệ thuật này đã có được một số tác phẩm có giá trị kể từ thế kỷ VI-VII đến thế kỷ XII- XIII. Trà Kiệu, Mỹ Sơn, Đồng Dương, là những cái nôi tập trung nhiều di vật nhất (xem Văn Ngọc, *Nghệ thuật điêu khắc Chăm ở bảo tàng Guimet*, ĐĐ, số 156- 11.2005) .

Dân tộc Chăm, thuộc ngữ hệ Nam đảo, và theo giả thuyết của các học giả phương tây, thì thiên di từ đảo Borneo, thuộc Indonesia ngày nay, từ vài thế kỷ trước công nguyên đến vùng đất mà sau này trở thành nước Lâm Ấp (192), phía bắc giáp với quận Nhật Nam, phía nam giáp với nước Phù Nam, phía tây giáp nước Chân Lạp. Năm 192, người Lâm Ấp (tức tổ tiên trực tiếp của người Chăm) tự giải phóng được khỏi ách đô hộ của nhà Hán, và lập ra nước Lâm Ấp, đến thế kỷ V thì mới trở thành vương quốc Chămpa.

Người Chăm chịu nhiều ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ bắt đầu từ thế kỷ IV-V. Tuy nhiên, ngoài nền văn hoá gốc Nam đảo của mình ra, người Chăm trên đất nước Chămpa cũng còn chịu nhiều luồng ảnh hưởng khác nữa : văn hoá Sa Huỳnh, Óc Eo, từ phía nam ; văn hoá Đông Sơn, và văn hoá Trung quốc, từ phía bắc.

Trên cơ sở kinh Veda của Bà La Môn giáo, Ấn Độ, (thế kỷ XVI-V tr. Kitô), người Chăm thờ *Brahmā*, nguồn gốc của vũ trụ, và là vị thần đứng trên hết tất cả các vị thần khác. Brahmā là thể thống nhất của ba vị thần, ba ngôi (giống như 3 ngôi trong Kitô giáo) :

Brahmā, thần Sáng tạo, *Visnu*, thần Bảo tồn, và *Siva*, thần Huỷ diệt. Các tháp Chiên Đàn, Khương Mỹ (Tam Kỳ, Quảng Nam), tháp Dương Long (Bình Định), đều là những bộ ba tháp thờ cả ba vị thần này ở cùng một nơi.

Song, nét đặc thù trong tín ngưỡng của người Chăm, so với các

dân tộc vùng Đông Nam Á chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hoá Ấn Độ, là họ chủ yếu thờ thần *Siva*, và do đó trong các tượng thờ, tượng *Siva* có nhiều nhất và xuất hiện dưới nhiều hình thức nhất. Thánh địa Mỹ Sơn, được bắt đầu xây dựng từ thế kỷ IV-V bởi vua Bhadravarman, chính là nơi dành riêng cho các vua chúa để thờ vị thần này.

Hiện tượng nghệ thuật điêu khắc Chăm không khỏi làm cho người ta nghĩ đến những nền nghệ thuật của các dân tộc theo Ấn Độ giáo và Phật giáo ở vùng núi Hy Mã Lạp Sơn, và cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ : Népal, Tây Tạng, v.v. Các tác phẩm nghệ thuật, đặc biệt là các bức tượng bằng kim loại và tranh thờ của họ, đã làm cho thế giới phải ngạc nhiên (Xem Văn Ngọc, *Tranh thờ Népal và Tây Tạng*, ĐĐ số 52, 1-5-96).

Đó là những nền nghệ thuật tôn giáo, trong đó tất cả những biểu hiện nghệ thuật đều có nội dung tôn giáo và nhằm phục vụ tôn giáo (Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo và Phật giáo). Những truyện tích, trong các tôn giáo tự chúng đã có tính chất đạo lý, và tính chất văn học, nghệ thuật cao, cho nên chúng luôn luôn là những nguồn cảm hứng phong phú, những động cơ thúc đẩy, tạo nên những tác phẩm có sức thuyết phục, và sức truyền cảm mạnh mẽ. Thêm vào đó là *đức tin*, là *tình yêu*, là lòng *đam mê* của những nghệ nhân thực hiện các tác phẩm ấy.

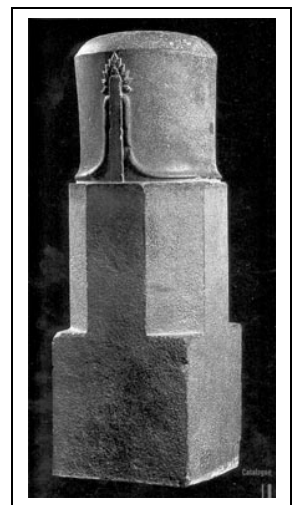
Phải chăng, vì mục đích của tôn giáo là đem đến lời giải đáp cho những nỗi đau khổ, và những khát vọng, của con người, cho nên không lấy gì làm lạ là nghệ thuật tôn giáo trước hết là một nền nghệ thuật giàu tính chất *đạo lý*, giàu tính *dân gian* và nhất là giàu *óc tưởng tượng* ?

Óc tưởng tượng ấy được thể hiện từ ngay trong cách cụ thể hoá các thần linh, với những hình thức biến tướng ngoạn mục và phong phú. Nếu ở trong nghệ thuật điêu khắc và tranh thờ Ấn Độ giáo và Phật giáo của người Népal, có các cặp thần linh mà địa vị và chức năng rất huyền bí, như cặp Hevajra và Nairātma, Acala và Dvesavajri, Cakrasamvara và Vajravārāhi ; hoặc như các nữ thần Vasudhārā, Durgā, Kālī ; các thần voi (Ganesa), thần chim (Garuda) ; các tượng Phật Thích Ca, tượng Bồ tát, và các đồ hình Mandala, v.v., thì trong nghệ thuật điêu khắc của người Chăm, về mặt Ấn Độ giáo, các biểu hiện cụ thể chỉ giới hạn ở các tượng thần Siva, Visnu, Ganesa, Garuda, v.v. còn về mặt Phật giáo, thì chỉ có tượng Phật, và tượng nhà sư.

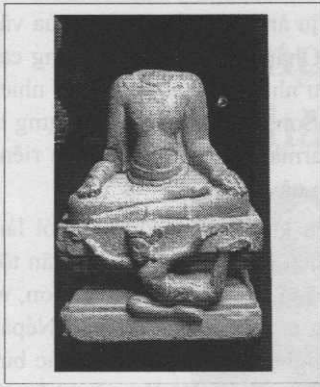
Song, tác phẩm nổi bật và độc đáo nhất trong nghệ thuật tôn giáo Chăm, là chiếc *Linga*, biểu tượng được cách điệu hoá của sinh thực khí nam trong tín ngưỡng phồn thực của các cư dân nông nghiệp xưa. Có giả thuyết cho rằng nó có thể nó có nguồn gốc từ Ấn Độ, rồi theo các nhà tu hành người Ấn Độ (Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo, hoặc Phật giáo) xâm nhập vào vương quốc Chămpa vào đầu công nguyên, rồi truyền sang cả nước Đại Việt (biểu tượng *Linga*



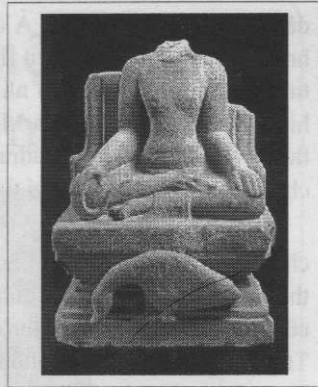
Tượng thần Siva trong tư thế múa, Phong Lê, Đà Nẵng (đầu thế kỷ X)



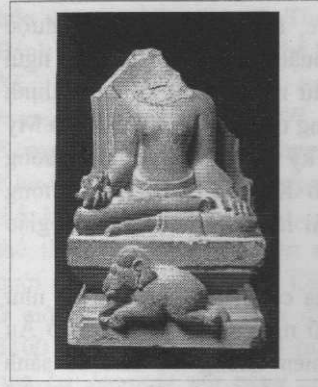
Chiếc Linga ở Trà Kiệu (thế kỷ X)



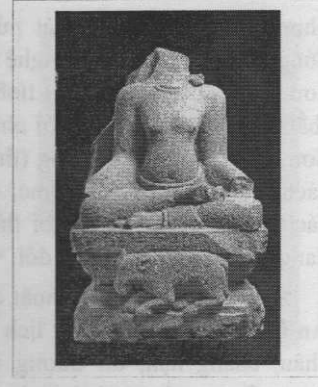
Nairrta, thần cai quản bảy ác quỷ, Mỹ Sơn (thế kỷ X)



Varuna, thần nước, giữ cửa Tây, Mỹ Sơn (thế kỷ X)



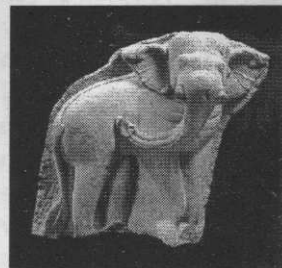
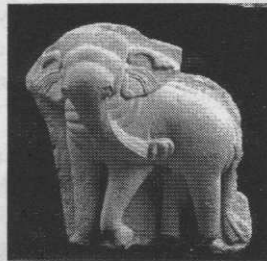
Indra, thần giông bão, giữ cửa Đông, Mỹ Sơn (thế kỷ X)



Agni, thần lửa, giữ cửa Đông-Nam, Mỹ Sơn (thế kỷ X)

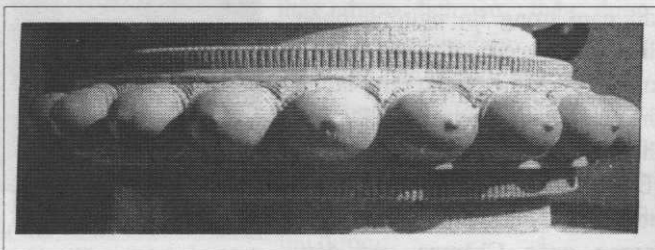
có mặt ở một số chùa cổ Việt Nam). Ngoài ra, còn có tượng các hàng vú, các thú vật, v.v. Song, chiếm tỷ lệ quan trọng nhất, là tượng vũ nữ. Các tượng này thường được dùng để trang trí các bộ phận kiến trúc của tháp : nền, bệ, v.v. Hiện tượng này nói lên vai trò hàng đầu của nhạc và múa trong văn hoá và tôn giáo của người Chăm. Thần Siva thường được thể hiện trong động tác múa. Ngoài ra, còn có cả tượng của những người dân thường (như tượng Người đàn ông đóng khố, thế kỷ VI, nhưng đây chắc cũng là một "nhân vật", có thể là một đồ vật, trong lễ hội của người Chăm.

Nói tóm lại, các tượng vũ nữ, tượng hàng vú, tượng thú vật, có thật, hay thần thoại, đều là những tác phẩm có tính chất dân gian rõ rệt. Tính chất đó được thể hiện không phải bằng những nét chàm biếm, hài hước, hoặc bằng những nét chạm khắc khoẻ mạnh, mộc mạc, như trong nghệ thuật điêu khắc gỗ ở các đình chùa Việt Nam thời Lý, Trần, Lê, song nó cũng toát ra được một sức sống dồi dào, một niềm hưng phấn, thể hiện bằng những nhịp điệu và hình khối sinh động.



Những biểu tượng như chiếc *linga*, hay vũ nữ, đều là những đề tài được thể hiện dưới muôn hình dạng, được cách điệu hoá đến mức trừu tượng, song ở mức độ nào thì người ta cũng nhận biết ra ngay, và chấp nhận sự cách điệu đó một cách dễ dàng, một khi những vật thể, hay những tín ngưỡng đó là những gì quá quen thuộc, và trở nên một đề tài có tính chất dân gian.

Hiện tượng này càng cho ta thấy, là ở đằng sau nghệ thuật bao giờ cũng có cả một nền văn hoá. Ở đây chủ yếu là



Mô-típ trang trí kiến trúc, biểu tượng phồn thực/ hay / và tính dục

tín ngưỡng, nhưng trên cái nền phong tín ngưỡng ấy, là cả một cõi nhân gian có thật và đầy sự sống : chiếc *linga* với ý nghĩa biểu tượng phồn thực và tính dục, những vũ nữ điệu nghệ, duyên dáng, những tràng vú đầy khêu gợi, những thú vật sinh động. Ngay cả thần Siva cũng nhảy múa như người thường, với tất cả sự khêu gợi tính dục ! Trong nghệ thuật tôn giáo của người Ấn Độ, Népal, hay Tây Tạng, ta cũng đều bắt gặp hiện tượng này : lòng trong nghệ thuật, là văn hoá (có, hay không có tôn giáo), và sự sống.

Tuy nhiên, trong trường hợp các nền nghệ thuật tôn giáo, như nền nghệ thuật Chăm và các nền nghệ thuật kể trên, sự *thôi thúc nội tâm* mãnh liệt của người nghệ sĩ, động cơ khiến cho họ thực hiện được những kiệt tác về mặt nghệ thuật, không thể nào không có nguồn gốc từ một *đức tin* mãnh liệt.

Có lẽ cũng vì lý do ấy, mà khi Ấn Độ giáo suy tàn ở vương quốc Chăm-pa vào những thế kỷ XIII, XIV và XV, thì nghệ thuật điêu khắc Chăm ở vào các thời kỳ này cũng đều mang nặng dấu hiệu của một sự suy thoái cả về nội dung lẫn hình thức ?

Ngày nay, hầu hết các tác phẩm điêu khắc Chăm đều được chăm nom kỹ càng trong các viện bảo tàng trên khắp thế giới. Điều này, về một mặt nào đó, là một điều may mắn, đáng mừng.

Tuy nhiên, người ta cũng không khỏi ước mong rằng, một ngày nào không xa, khi những ngôi đền tháp Chăm nằm trải dài trên dải đất miền trung của nước ta được bảo quản chu đáo hơn, và trở thành những viện bảo tàng đích thực, mở rộng cho khách du lịch thập phương, thì những tác phẩm nghệ thuật của người Chăm, hiện lưu lạc ở khắp mọi nơi, thì thoảng sẽ có dịp được đưa về đây "trung bày" tại hiện trường, trong chính môi trường cũ của chúng, là những ngôi đền tháp, lúc đó sẽ không còn là những nơi hoang phế nữa.

Văn Ngọc

NGUYỄN ĐÓN BÌNH



F3C lần thứ 27

Theo một ước tính không chính thức, nhưng có thể tin cậy, năm qua (2005) có hơn 3000 festival điện ảnh được tổ chức trên thế giới.

Nói tới liên hoan điện ảnh, trước hết người ta nghĩ tới Cannes (Pháp), Venice (Ý), Berlin (Đức) là những liên hoan quốc tế « hoành tráng » và có uy tín. *Cành cọ vàng*, *Sư tử vàng* hay *Con gấu vàng* dành cho một cuốn phim là một đảm bảo về chất lượng, về giá trị nghệ thuật, tuy không bảo đảm thành công về doanh thu như giải *Oscar* của Hollywood. Cho nên, ba liên hoan này chủ yếu vẫn là « sân chơi » của những nền điện ảnh phát triển của Âu-Mỹ. Chỉ những năm gần đây, những tác phẩm điện ảnh xuất sắc của Nhật Bản, Trung Quốc, rồi Đài Loan, Hàn Quốc, Iran mới giành được sự thừa nhận ở các liên hoan này (tất nhiên, tôi không quên biệt lệ đáng mừng : phim *Xích Lô* (Pháp sản xuất, quay ở Việt Nam của Trần Anh Hùng, đã đoạt Sư tử vàng ở Venice).

Liên hoan điện ảnh Nantes không so sánh được với những « sân chơi » kể trên về tầm cỡ tài chính và hào nhoáng. Trước hết, bởi vì nó « khác ». Cũng như *Sundance Festival* ở Mỹ không « độ sức » với giải *Oscar*, vì nó chỉ tuyển chọn sáng tác của những hãng phim « độc lập », nghĩa là những công ti « tí hon » so với những hãng « major » như MGM, Universal... Nhưng chính những công ty « khổng lồ » của Hollywood lại phải đi tìm « mua » những đạo diễn tài năng mà *Sundance* phát hiện.

Liên hoan Nantes « khác » từ cái tên gọi của nó : **F3C**, hai chữ cái và một con số đã trở thành quen thuộc trong giới phê bình điện ảnh quốc tế. Viết tắt cái tên chính thức bằng tiếng Pháp : *Festival des 3 Continents*. Và nếu danh từ Festival đã nhập tịch từ vựng tiếng Việt, thì ký hiệu F3C cũng phù hợp với tiếng ta : *Festival 3 Châu lục*.

3 châu lục đây là Châu Mỹ La tinh, Châu Phi và Châu Á. Năm nay, từ ngày 22 đến ngày 29-11, F3C đã diễn ra lần thứ 27 tại thành phố Nantes, gần cửa sông Loire, cách thủ đô Paris gần 500 km ở phía tây nam. Vẫn mục tiêu của buổi đầu : giới thiệu và ủng hộ nền điện ảnh của « Thế giới thứ ba ». Gần ba thập kỉ trôi qua, mục tiêu không thay đổi, nhưng « diện đối tượng » đã mở rộng theo dòng thời gian : châu lục Bắc Mỹ cũng gia nhập F3C với dòng điện ảnh của người Mi da đen, và trong thập niên vừa qua, « châu Á điện ảnh » đã có thêm nhiều thành viên mới, là các nước cộng hoà châu Á của Liên Xô cũ.

Lịch sử liên hoan F3C là lịch sử một *đam mê*, trước hết là niềm đam mê của hai anh em *Philippe* và *Alain Jalladeau*. Một kĩ sư, giáo sư toán và một luật gia, đã bỏ nghề vì đam mê điện ảnh, và với tư tưởng tiến bộ (họ thuộc thế hệ những thanh niên Pháp, trong thập niên 60, đã liên tục xuống đường chống chính sách Mỹ, ủng hộ Việt Nam), năm 1979, đã quyết định tổ chức Liên hoan 3 châu lục lần thứ nhất. Yếu tố thành công -- bất ngờ và kì diệu -- là sự đam mê của hai anh em Jalladeau cũng là đam mê của cả một « nhóm amateur » điện ảnh và gặp sự hưởng ứng nồng nhiệt của công chúng, từ đó, được sự ủng hộ tích cực của chính quyền thành phố Nantes (phải nói Nantes là một trong những thành phố có rất nhiều sinh hoạt văn hoá phong phú).

Cứ như thế, hàng năm vào cuối tháng 11 dương lịch, trong suốt một tuần lễ, khoảng năm chục ngàn khán giả sắp hàng mua vé để xem phim « thế giới thứ ba », những cuốn phim mà họ không thể nào xem được ở các rạp « thương mại » bình thường (ngoại trừ một vài phim được để ý ở Nantes, và được một hãng phát hành mua lại để trình chiếu ở một vài rạp : đó là trường hợp các phim Việt Nam *Thương nhớ đồng quê*, *Mùa ôi* của Đặng Nhật Minh, *Chung cư* và *Mê Thảo* của Việt Linh, *Những người thợ xẻ* của Vương Đức). Năm nay, ngoài 11 phim truyện dự thi, F3C chiếu gần 100 phim truyện và tài liệu, với những chủ đề : lịch sử điện ảnh Tunisie, những cuốn phim hiện thực thập niên 50 của điện ảnh Brasil, kho báu điện ảnh của hãng phim Cathay (Trung Quốc), lịch sử phim tài liệu Brasil, những cuốn phim cơ bản của Côte d'Ivoire (Bờ biển ngà).

Trong suốt một tuần lễ, Nantes sống theo nhịp độ của Liên hoan điện ảnh. Không chỉ Nantes, mà nhiều thành phố lân cận cũng có chương trình chiếu phim của Liên hoan. Các trường học cũng tổ chức chiếu phim tại trường, và mời đạo diễn hay diễn viên nói chuyện với khán giả trẻ. Các lớp tổ chức đi xem phim, viết bài, xuất bản báo in hoặc báo mạng để tường thuật và phê bình phim.

Năm nay, giải *Khí cầu vàng* về tay cuốn phim Thổ Nhĩ Kỳ *Melegin Dususu* (*Thiên thần sa ngã*) đạo diễn S.Kaplanoglu (sinh năm 1963), *Khí cầu bạc* cho hai phim đồng hạng : *Sayonara Midori-chan* (*Tạm biệt Midori*) của đạo diễn Nhật Bản T. Furumaya (sinh năm 1968), *A Perfect Day* (*Một ngày hoàn hảo*) của hai đạo diễn Liban J. Hadjithomas (nữ) và K. Joreige (nam, cả hai sinh năm 1969). Phim Liban đoạt thêm giải nam diễn viên xuất sắc và giải xử lí âm thanh.

Khuôn khổ bài báo không cho phép tôi kể nội dung ba cuốn phim. Chỉ xin nói gọn : cả ba đều đề cập đời thường, của những con người bình thường, qua đó, khán giả cảm nhận được không khí một xã hội, với những nét đặc biệt, xa lạ, mà cũng rất « phổ quát », gần gũi. Bạn hỏi tôi : có đồng ý với sự chọn lựa của ban giám khảo không ? Tôi không thể trả lời, vì ở Nantes vốn



Thiên thần sa ngã

vẹn ba ngày, tôi « chỉ » đi xem được 13 phim, trong đó có 6 phim dự thi (trên 11), nên không thể có cái nhìn bao quát và toàn diện ban giám khảo. Nhưng nếu phải « làm giám khảo », thì tôi xin chọn phim *Một ngày hoàn tất* (Liban, được giải bạc) và cuốn phim Chile không được giải : *Mi mejor enemigo* (*Kẻ thù tốt nhất của tôi*). Cuốn phim của hai tác giả Liban là câu chuyện



Một ngày hoàn tất

« hậu chiến » : thảm kịch của một bà mẹ và con trai, 15 năm sau ngày ông chồng bị bắt cóc và biệt tích (sau cuộc nội chiến, riêng thủ đô Beirut của Liban có

17 000 bị mất tích),

sống ra sao với người vắng mặt, sống ra sao với nhau, sống ra sao với xã hội chung quanh. *Mi mejor enemigo* là chuyện « bắt tay hữu nghị » giữa hai tiểu đội Chile và Argentina trong một cuộc chiến tranh biên giới hoang dã, « chuyện như đùa » mà bi thảm nhưng đậm đà chất nhân bản.

Tiếc rằng năm nay (và năm ngoái nữa), Việt Nam vắng bóng ở F3C. Bản thân việc này không chỉ có mặt tiêu cực : năm ngoái và năm nay, các phim *Mùa len trâu* của Nguyễn Võ Nghiêm Minh và *Thời xa vắng* của Hồ Quang Minh đã tham gia nhiều liên hoan giá trị khác và nhận được những giải thưởng xứng đáng. Nhưng sự thiếu vắng phim Việt Nam ở Nantes cũng thể hiện thực trạng điện ảnh Việt Nam hiện nay. Vắng mặt ở F3C là bỏ trống một nơi gặp gỡ hiếm quý để điện ảnh lọt vào « mắt xanh » của những nhà phê bình thiết tha với sự phát triển điện ảnh những nước « nghèo ».

Có cần nhắc lại rằng chính từ Nantes mà những đạo diễn như Kirostami, Jalili (Iran), Im Kwon-taek (Hàn Quốc), Hào Hiếu Hiền, Vương Gia Vệ (Đài Loan), Trương Nghệ Mưu, Giả Chương Kha (Trung Quốc) đã được biết tới, trước khi họ được vinh danh ở Cannes, Venise hay Berlin ? Nantes cũng là « cửa ngõ » đầu tiên đưa những phim Việt Nam tới Châu Âu với những cuốn phim của Phạm Văn Khoa, Đặng Nhật Minh, Lưu Trọng Ninh, Lê Hoàng, Việt Linh, Vương Đức...

Nguyễn Đôn Bình

Mục lục

2 Sinh hoạt & Sách mới

Thời sự, những vấn đề

- | | |
|------------------------------------|------------------|
| 4 Kinh tế VN năm 2005 | Vũ Quang Việt |
| 6 Đình công « bất hợp pháp » | Hải Vân |
| 8 Thái Bình : chiếm đất của dân | Cầm Văn Kinh |
| 10 Tiêu cực « bóng đá... mở rộng » | Hoà Vân |
| 12 Tin ngắn | |
| 14 Chuyện bệnh viện... | Nguyễn Duy Khiêm |
| 16 Tổng thống Chilê | Nguyễn Quang |
| 18 Số tay | Thanh Thảo, P.Q. |

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 19 Chó thật... | Nguyễn Dư |
| 23 Hát lễ | N. L. |
| 25 Mùa hoa giữa phố | Nguyễn Ngọc Tư |
| 26 Hoàng đế và người thi sĩ | Cao Huy Thuần |
| 31 Con chó, văn học và dân tộc | Đặng Tiến |
| 35 Khuôn mẫu và nét bút | T. Tuấn & Đ. Tiến |
| 44 Hành trình | Nguyễn Duy |
| 48 Ăn quá khứ | Mai Ninh |
| 53 Tôi về hoa phượng rưng | Lê Minh Hà |
| 58 Di sản nghệ thuật Chăm | Văn Ngọc |
| 59 F3C lần thứ 27 | Nguyễn Đôn Bình |

Thơ :

Thường Quán (30), Thái Ngọc San (36),
Trần Vàng Sao (38), Nguyễn Trọng Tạo (40),
Nhóm Ngựa Trời (42), Nguyễn Bắc Sơn (47),
Vi Thuý Linh (52)

Bìa : Tuấn

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept (Vitry-sur-Seine)

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)